

TIỀM LỰC ỬNG MẠNH  
TƯƠNG LAI ỬNG CHẮC



NĂNG LƯỢNG CUỘC SỐNG

2014

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM

# NỘI DUNG



- 4 Tầm nhìn và sứ mệnh
- 6 Thông điệp của Ban Lãnh đạo

## MẠNH TIỀM LỰC

- 12 Lịch sử hình thành và phát triển
- 14 Sự kiện nổi bật năm 2014
- 15 Ngành nghề kinh doanh, sản phẩm, dịch vụ
- 16 Sơ đồ tổ chức
- 18 Giới thiệu Ban Lãnh đạo

## BỀN GIÁ TRỊ

- 26 Tổng quan kết quả hoạt động năm 2014
- 27 Tình hình tài chính
- 30 Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc
- 44 Báo cáo của Hội đồng Quản trị
- 48 Báo cáo của Ban Kiểm soát
- 52 Dữ liệu cổ đông
- 55 Danh hiệu và giải thưởng

## CHẮC NIỀM TIN

- 58 Tình hình quản trị
- 62 Quản trị rủi ro
- 66 Chính sách nhân viên
- 68 Quan hệ cổ đông

## VỮNG TƯƠNG LAI

- 72 Con người và doanh nghiệp
- 74 Hoạt động cộng đồng
- 76 An toàn - chất lượng - sức khỏe - môi trường

## RỘNG QUY MÔ

- 80 Mạng lưới hoạt động
- 84 Đối tác
- 86 Công ty trực thuộc
- 90 Công ty thành viên

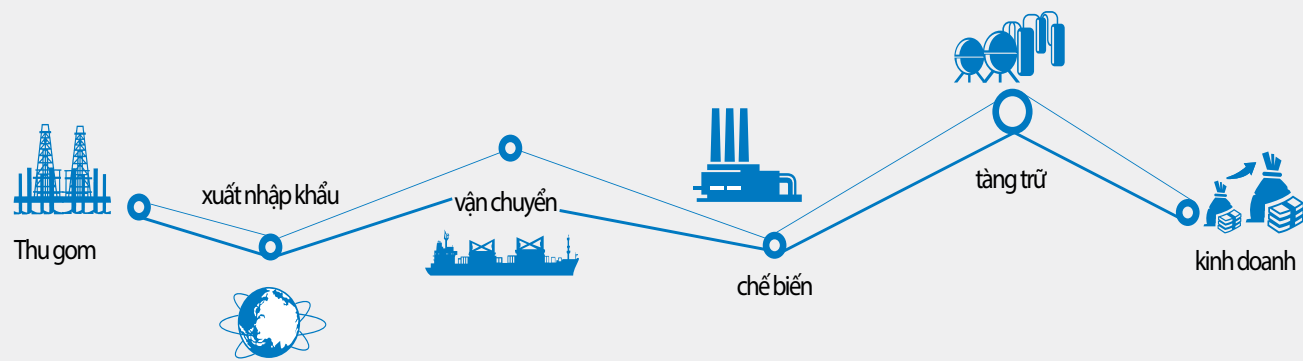
## CAO HIỆU QUẢ

- 96 Chiến lược phát triển
- 98 Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015
- 102 Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2014 đã được kiểm toán



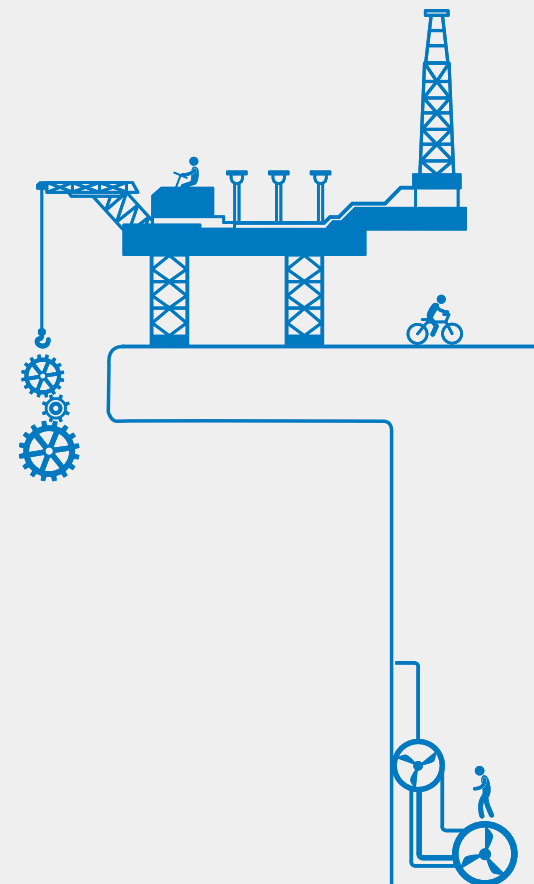
## TẦM NHÌN

Phát triển PV GAS thành Tập đoàn khí mạnh, hiệu quả, có sức cạnh tranh cao, hoạt động hoàn chỉnh trong tất cả các khâu thu gom - xuất nhập khẩu - vận chuyển - chế biến/chế biến sâu - tàng trữ - dịch vụ - kinh doanh khí và sản phẩm khí, tham gia hoạt động đầu tư thượng nguồn; đóng vai trò chủ đạo trong ngành công nghiệp khí trên toàn quốc và tham gia tích cực vào thị trường quốc tế.



## SỨ MỆNH

Xây dựng, vận hành an toàn hiệu quả toàn bộ hệ thống thu gom, nhập khẩu, vận chuyển, tàng trữ, chế biến, phân phối khí, các sản phẩm khí và đường ống kết nối với hệ thống khí khu vực, đảm bảo cung cấp khí, các sản phẩm khí và dịch vụ khí cho các hộ tiêu thụ trên toàn quốc và mở rộng ra thị trường quốc tế, góp phần đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia.





“ HOÀN THÀNH VÀ HOÀN THÀNH VƯỢT MỨC KẾ HOẠCH NĂM 2014 ĐÃ ĐƯỢC ĐHĐCĐ THÔNG QUA VÀ TĂNG TRƯỞNG SO VỚI NĂM 2013, ĐẶC BIỆT LÀ CHỈ TIÊU LỢI NHUẬN, NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC, SẢN XUẤT KHÍ KHÔ, LPG VÀ CONDENSATE TỪ NGUỒN KHÍ CỬU LONG VỀ ĐÍCH TRƯỚC THỜI HẠN KẾ HOẠCH NĂM TỪ 2 ĐẾN 4 THÁNG. ”



TỔNG DOANH THU  
**73.648**  
TỶ ĐỒNG

**Kính thưa Quý cổ đông!**

Năm 2014 đi qua, vạn vật thêm tuổi mới, và PV GAS cũng có thêm một năm hoạt động thành công trên hành trình phát triển bền vững. Nhưng điều này không có nghĩa mọi hoạt động của PV GAS đều gặp thuận lợi và diễn ra suôn sẻ.

Tình hình chính trị trong khu vực bất ổn, kinh tế thế giới cũng như trong nước có phục hồi song vẫn còn nhiều khó khăn. Trong nước, tăng trưởng tín dụng vẫn còn ở mức thấp, tình trạng nợ xấu vẫn chưa được cải thiện, thị trường tiêu thụ giảm sút,... ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp đến nhu cầu tiêu thụ khí của các khách hàng của PV GAS. Bên cạnh đó, thị trường LPG thế giới diễn biến bất thường, giảm giá mạnh, khác với quy luật thông thường, ảnh hưởng dây chuyền đến thị trường LPG Việt Nam, trong đó có hoạt động kinh doanh LPG của PV GAS. Ngoài ra, PV GAS còn đồng thời triển khai các dự án lớn: Đường ống khí Nam Côn Sơn 2 giai đoạn 1, Hàm Rồng - Thái Bình,... theo phương án đầu tư điều chỉnh trong điều kiện yêu cầu tiến độ gấp, phải tập trung các nguồn lực (nhân sự, tài chính,...) để đảm bảo tiến độ, chất lượng, chi phí đầu tư... Các yếu tố này ảnh hưởng đến tất cả các mặt hoạt động sản xuất, kinh doanh, đầu tư, tài chính,... của PV GAS.

Chủ động nhìn nhận, đánh giá được những trở ngại này, Ban Lãnh đạo và

toàn thể CBCNV PV GAS đã có những giải pháp phù hợp trong quản lý, điều hành; tận tâm, sáng tạo trong sản xuất, kinh doanh; phát huy sức mạnh nội lực kết hợp với tận dụng

lợi nhuận, nộp ngân sách Nhà nước, sản xuất khí khô, LPG và Condensate từ nguồn khí Cửu Long về đích trước thời hạn kế hoạch năm từ 2 đến 4 tháng;



cơ hội, hỗ trợ của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, sự ủng hộ của các khách hàng, đối tác và đặc biệt là Quý cổ đông để khắc phục khó khăn, vượt qua thách thức, tự tin vững bước.

Và cho đến ngày hôm nay, chúng ta - Ban Lãnh đạo, toàn thể CBCNV cùng tất cả các cổ đông của PV GAS đều rất phấn khởi cùng điểm lại những con số, sự kiện có ý nghĩa quan trọng của PV GAS trong năm 2014:

Hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch năm 2014 đã được ĐHĐCĐ thông qua và tăng trưởng so với năm 2013, đặc biệt là chỉ tiêu

2014 là năm đầu tiên tiếp nhận và tiêu thụ trên 10 tỷ m<sup>3</sup> khí/năm;

Đạt doanh thu 73.648 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế 17.991 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 14.370 tỷ đồng - lợi nhuận cao nhất kể từ khi thành lập đến nay và cao nhất trên sàn giao dịch chứng khoán Việt Nam; được tạp chí Nikkei Asian Review bình chọn vào danh sách 50 công ty giá trị nhất Đông Nam Á và lọt vào top 2.000 doanh nghiệp lớn nhất thế giới do Forbes bình chọn, tiếp tục là một trong số các đơn vị dẫn đầu của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam cũng như trên sàn giao dịch chứng



## THÔNG ĐIỆP CỦA BAN LÃNH ĐẠO (tiếp theo)

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ



# 17.991

TỶ ĐỒNG

LỢI NHUẬN SAU THUẾ



# 14.370

TỶ ĐỒNG



khoản về lợi nhuận; đóng góp đáng kể vào ngân sách Nhà nước, góp phần cùng Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam ổn định kinh tế vĩ mô của cả nước;

Đạt trên 6,3 triệu giờ làm việc an toàn trên tất cả các công trình khí;

Cung cấp m<sup>3</sup> khí thứ 90 tỷ cho các Nhà máy điện, đạm, khách hàng tiêu thụ khí thấp áp và JVPC vào tháng 10; đáp ứng nguồn nguyên, nhiên liệu để sản xuất 35% sản lượng điện, 70% nhu cầu phân đạm cả nước;

Sản xuất và kinh doanh tấn LPG thứ 9 triệu tại thị trường trong và ngoài nước; chiếm xấp xỉ 70% thị phần LPG cả nước, giữ vững vị trí là nhà sản xuất và kinh doanh LPG hàng đầu tại Việt Nam;

Hoàn thành trước tiến độ công tác bảo dưỡng, sửa chữa trong đợt dừng khí của hệ thống khí Cửu Long và PM3 - Cà Mau, đưa các hệ thống khí vào vận hành trở lại an toàn, sớm hơn kế hoạch;

Chuẩn bị đầu tư và thực hiện đầu tư các dự án lớn như Đường ống khí Nam Côn Sơn 2 - giai đoạn 1, Hàm Rồng - Thái Bình, Nhà máy xử lý khí Cà Mau,..., giúp tăng cường hệ thống cơ sở vật chất của PV GAS phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh hiện tại và trong tương lai;

Sản xuất và bọc ống cho các dự án Đường ống khí Nam Côn Sơn 2 - giai đoạn 1, Su Tử Nâu, Su Tử Vàng South West,...;

Tinh thần làm việc hăng say, vượt khó, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất lan truyền trong mỗi người lao động PV GAS.

Những thành công trên cũng sẽ là áp lực cho PV GAS trong năm 2015 khi một số khó khăn trong năm 2014 vẫn còn kéo dài và còn có cả những thách thức mới, đặc biệt là diễn biến của giá dầu, chưa thể dự báo hết được. Tuy nhiên, cũng không vì thế mà chúng ta quá e ngại, lo lắng, vì:

Việc tăng giá khí trong nước dần tiếp cận với giá khí thế giới tiếp tục được thực hiện theo đúng lộ trình đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

Nhu cầu tiêu thụ khí của khách hàng lớn vẫn ổn định;

Các dự án Nam Côn Sơn 2 - giai đoạn 1, Hàm Rồng - Thái Bình, cấp bù khí ẩm Nam Côn Sơn hoàn thành sẽ góp phần tăng sản lượng khí cung cấp cũng như gia tăng giá trị khí;

Lợi thế của PV GAS về nhân lực, cơ sở vật chất, tài sản, tài chính, kinh nghiệm, thương hiệu,... là một trong những yếu tố thuận lợi;

Công nghiệp khí là 1 trong 5 lĩnh vực kinh doanh chính trong Chiến lược phát triển của PVN;

Và không kém phần quan trọng là mỗi cán bộ lãnh đạo của PV GAS luôn phấn đấu với tinh thần trách nhiệm cao nhất để nâng cao năng lực quản trị chuyên nghiệp hiện đại, nhạy bén với những diễn biến của thực tế, có tầm nhìn chiến lược lâu dài, kịp thời ban hành các quyết sách hợp lý; và mỗi người lao động của PV GAS luôn nỗ lực làm việc sáng tạo với ý thức kỷ luật cao nhất để PV GAS đạt được những mục tiêu phát triển không chỉ riêng trong năm 2015, mà còn cả trong dài hạn, luôn là doanh nghiệp hàng đầu của ngành công nghiệp khí Việt Nam, sớm vươn ra khu vực và thế giới, đáp ứng kỳ vọng của cổ đông.

Thay mặt cho hơn 3.000 CBCNV PV GAS, Ban Lãnh đạo PV GAS xin được gửi lời cảm ơn sâu sắc đến Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, các khách hàng, đối tác và đặc biệt là Quý cổ đông đã luôn hỗ trợ, ủng hộ, đồng hành với PV GAS trong những năm qua và trên hành trình phát triển bền vững trong những năm tiếp theo.

**CHỦ TỊCH HĐQT**

**LÊ NHƯ LINH**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**ĐỖ KHANG NINH**

# MANH tiềm lực

NĂM 2014

VỐN ĐIỀU LỆ



**18.950**

TỶ ĐỒNG

VỐN CHỦ SỞ HỮU



**35.981**

TỶ ĐỒNG

TỔNG TÀI SẢN



**53.791**

TỶ ĐỒNG

TỔNG SỐ LAO ĐỘNG



**3.550**

NGƯỜI

## GIỚI THIỆU PV GAS

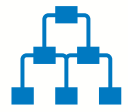
Lịch sử hình thành và phát triển

Sự kiện nổi bật năm 2014

Ngành nghề kinh doanh, sản phẩm, dịch vụ

Sơ đồ tổ chức

Giới thiệu Ban Lãnh đạo



## LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



**09/1990**

Thành lập Công ty Khí đốt với nhiệm vụ thu gom, vận chuyển, chế biến, tàng trữ, kinh doanh khí và các sản phẩm khí.



**04/1995**

Dòng khí đầu tiên từ bể Cửu Long được đưa vào bờ cung cấp cho hộ tiêu thụ khu vực Đồng Nam Bộ.



**10/1998**

LPG & Condensate lần đầu tiên được sản xuất tại Việt Nam.



**12/2002**

Dòng khí đầu tiên từ bể Nam Côn Sơn được đưa vào bờ cung cấp cho hộ tiêu thụ khu vực Đồng Nam Bộ.



**11/2003**

Mạng cấp khí thấp áp đầu tiên hoàn thành.



**05/2007**

Dòng khí đầu tiên từ mỏ PM3 - 46 Cái Nước được đưa vào bờ cung cấp cho hộ tiêu thụ khu vực Tây Nam Bộ.



**07/2007**

Trở thành Tổng Công ty Khí, hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con.



**05/2011**

Trở thành Công ty cổ phần, vốn điều lệ: 18.950 tỷ đồng.



**05/2012**

Niêm yết và giao dịch ngày đầu tiên cổ phiếu của PV GAS trên sàn chứng khoán TP. HCM.



Hoàn thành công tác bảo dưỡng sửa chữa lớn tại Nhà máy xử lý khí Dinh Cố, Kho cảng Thị Vải, hệ thống khí PM3-Cà Mau, đảm bảo an toàn và đưa vào vận hành trước thời hạn.



Hoàn thành chỉ tiêu về lợi nhuận, nộp ngân sách Nhà nước, sản xuất khí khô, LPG và Condensate từ nguồn Cửu Long trước thời hạn kế hoạch năm từ 2 đến 4 tháng. Năm đầu tiên đạt sản lượng khí trên 10 tỷ m<sup>3</sup>, lợi nhuận cao nhất từ trước đến nay.



Thực hiện đầu tư Dự án Đường ống khí Nam Côn Sơn 2 - giai đoạn 1, Hàm Rồng - Thái Bình, góp phần quan trọng trong việc bổ sung nguồn khí trong nước/tạo cơ sở để phát triển thị trường tiêu thụ khí tại miền Bắc.



“ THÀNH LẬP VÀO NĂM 1990, TRẢI QUA HAI MƯƠI BỐN NĂM HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN, ĐẾN NAY PV GAS TỰ HÀO LÀ CÔNG TY KHÍ HÀNG ĐẦU VIỆT NAM, GÓP PHẦN QUAN TRỌNG VÀO VIỆC PHÁT TRIỂN NGÀNH CÔNG NGHIỆP KHÍ NƯỚC NHÀ. ”

Hoạt động chính trong lĩnh vực thu gom, nhập khẩu, vận chuyển, tàng trữ, chế biến, kinh doanh khí và các sản phẩm khí; vận hành 3 hệ thống khí: Cửu Long, Nam Côn Sơn tại khu vực Đông Nam Bộ, hệ thống khí PM3 tại khu vực Tây Nam Bộ, 2 nhà máy xử lý khí: Dinh Cố, Nam Côn Sơn tại khu vực Đông Nam Bộ và hệ thống các kho chứa LPG trên khắp cả nước, hàng năm cung cấp khoảng 10 tỷ m<sup>3</sup> khí, kinh doanh và vận chuyển trên 250.000 tấn Condensate, sản xuất và kinh doanh khoảng 1 triệu tấn LPG cho các nhà máy điện, đạm, chế biến xăng và các công ty kinh doanh LPG.

**Ngành nghề kinh doanh**

- Thu gom, vận chuyển, chế biến, tàng trữ, kinh doanh, xuất nhập khẩu khí và các sản phẩm khí: LNG, CNG, LPG, Condensate; kinh doanh vật tư, thiết bị, hóa chất trong lĩnh vực chế biến, sử dụng khí và các sản phẩm khí; kinh doanh dịch vụ cảng, kho bãi;
- Đầu tư cơ sở hạ tầng, hệ thống phân phối sản phẩm khí khô, khí lỏng đồng bộ, thống nhất trong toàn PV GAS từ khâu nguồn cung cấp đến khâu phân phối bán buôn, bán lẻ trên phạm vi cả nước;
- Đại lý bao tiêu LPG từ các nhà máy lọc hóa dầu và các nguồn khác của PVN;
- Nghiên cứu ứng dụng ngành khí, thiết kế, cải tạo công trình khí;
- Cung cấp dịch vụ trong lĩnh vực khí: Vận chuyển khí, sản phẩm khí và vận hành công trình khí, cung cấp ống thép và bọc ống;
- Tham gia đầu tư các dự án khí thượng nguồn nhằm tăng tính chủ động và hiệu quả cho hoạt động chế biến và kinh doanh sản phẩm khí;
- Đầu tư tài chính vào các công ty bên ngoài; mua, bán, chuyển nhượng, đàm phán, ký các hợp đồng, dự án, tài sản, công trình khí.

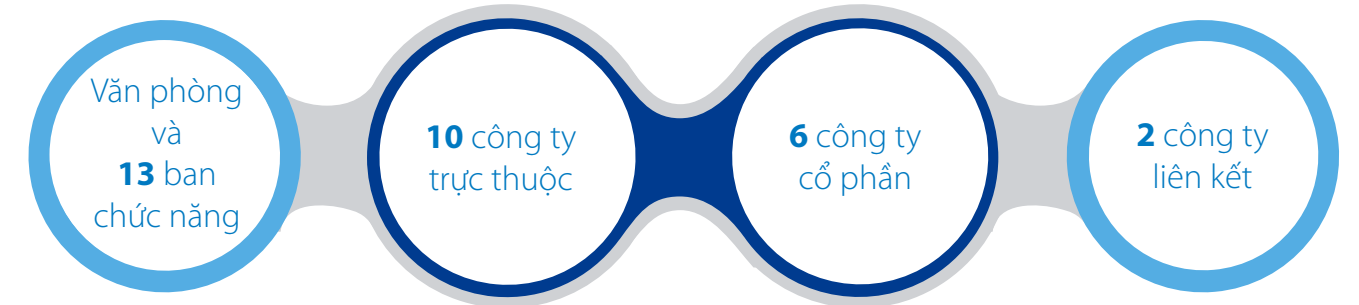
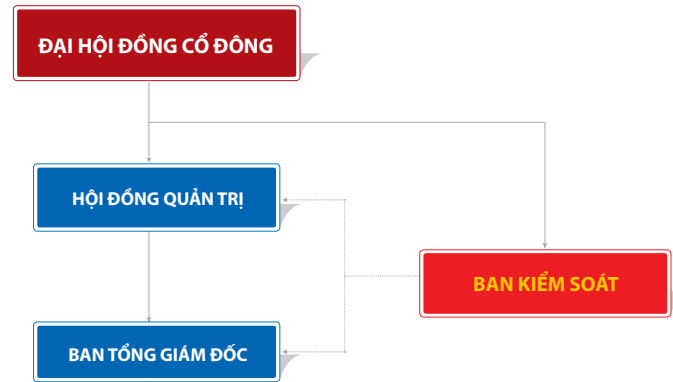
**Sản phẩm**

- Khí khô, LPG, Condensate, CNG;
- LNG, Ethane: Đang phát triển.

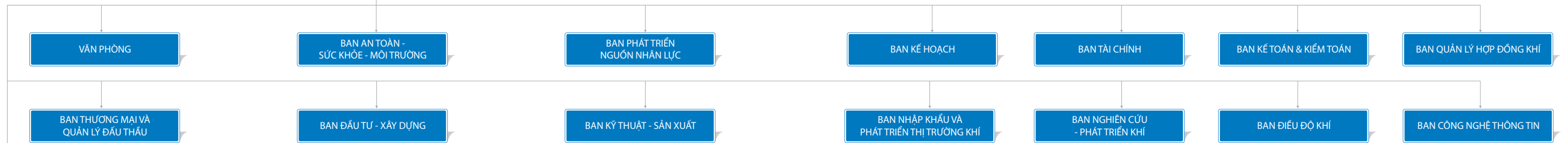
**Dịch vụ**

- Vận chuyển khí và các sản phẩm khí;
- Sản xuất ống thép và bọc ống.

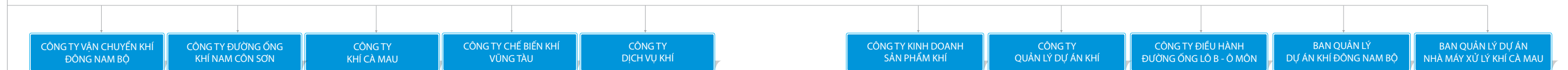




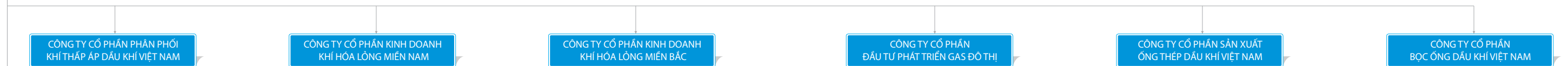
**VĂN PHÒNG, CÁC BAN CHUYÊN MÔN**



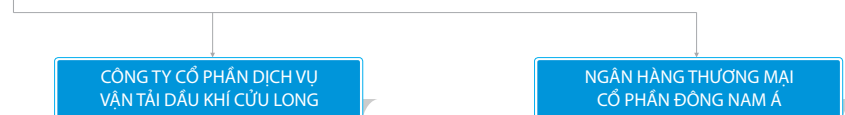
**CÁC CÔNG TY TRỰC THUỘC**

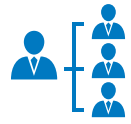


**CÁC CÔNG TY PV GAS NẴM GIỮ QUYỀN KIỂM SOÁT HOẶC CỔ PHẦN CHI PHỐI**



**CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT**





## GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

“ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÓ 5 THÀNH VIÊN, TRONG ĐÓ CÓ 4 THÀNH VIÊN CHUYÊN TRÁCH VÀ 1 THÀNH VIÊN KIỂM NHIỆM CHỨC DANH TỔNG GIÁM ĐỐC PV GAS. ”



### Ông LÊ NHƯ LINH

Chủ tịch Hội đồng Quản trị  
*Trình độ chuyên môn*  
Tiến sĩ Kinh tế địa chất dầu khí.

#### Tóm tắt quá trình công tác

Ông Lê Như Linh đã công tác trong ngành Dầu khí từ năm 1994. Trước khi đảm nhiệm chức vụ Chủ tịch HĐQT PV GAS, Ông Lê Như Linh đã từng đảm nhiệm nhiều chức vụ quản lý và lãnh đạo quan trọng tại các đơn vị khác như: Trưởng ban Đầu tư Phát triển Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN), Chủ tịch HĐQT Tổng công ty cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu Khí (PV Drilling), Chủ tịch HĐTV Tổng công ty Dầu Việt Nam (PV Oil).



### Ông ĐỖ KHANG NINH

Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc  
*Trình độ chuyên môn*  
Thạc sĩ ngành thiết kế đường ống và kho chứa dầu khí (tốt nghiệp tại CHLB Nga).

#### Tóm tắt quá trình công tác

Ông Đỗ Khang Ninh đã công tác trong ngành Dầu khí từ năm 1984, từng đảm nhiệm nhiều chức vụ quản lý và lãnh đạo quan trọng tại Xí nghiệp liên doanh Vietsovpetro và PV GAS. Trước khi đảm nhiệm chức vụ Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc PV GAS, Ông Đỗ Khang Ninh từng đảm nhiệm nhiều chức vụ lãnh đạo quan trọng khác tại PV GAS: Phó Tổng Giám đốc, Tổng Giám đốc, Thành viên HĐTV, Chủ tịch HĐTV, Chủ tịch HĐQT.



### Ông NGUYỄN TRUNG DÂN

Thành viên Hội đồng Quản trị  
*Trình độ chuyên môn*  
Cử nhân Toán - Cơ lý thuyết (tại Belarus).

#### Tóm tắt quá trình công tác

Ông Nguyễn Trung Dân đã công tác trong ngành Dầu khí từ năm 1980, từng đảm nhiệm nhiều chức vụ quản lý và lãnh đạo quan trọng tại các đơn vị tiền thân của PV GAS: Ban Quản lý Công trình Dầu khí Vũng Tàu, Công ty Khí đốt, Công ty Chế biến và Kinh doanh các sản phẩm Khí. Trước khi đảm nhiệm chức vụ Thành viên HĐQT PV GAS, Ông Nguyễn Trung Dân từng đảm nhiệm nhiều chức vụ lãnh đạo quan trọng khác tại PV GAS: Phó Tổng Giám đốc, Thành viên HĐTV.



### Ông PHAN QUỐC NGHĨA

Thành viên Hội đồng Quản trị  
*Trình độ chuyên môn*  
Kỹ sư Cơ khí, Cử nhân Anh ngữ,  
Thạc sĩ Quản trị kinh doanh,  
Thạc sĩ kỹ nghệ công nghiệp (tốt nghiệp tại Thái Lan).

#### Tóm tắt quá trình công tác

Ông Phan Quốc Nghĩa đã công tác tại PV GAS từ năm 1999. Trước khi đảm nhiệm chức vụ Thành viên HĐQT PV GAS, Ông Phan Quốc Nghĩa từng đảm nhiệm nhiều chức vụ quản lý và lãnh đạo quan trọng khác tại PV GAS: Trưởng ban Kinh tế Thị trường, Thành viên HĐTV.



### Ông NGUYỄN XUÂN HÒA

Thành viên Hội đồng Quản trị  
*Trình độ chuyên môn*  
Cử nhân Tài chính kế toán,  
Thạc sĩ Quản trị kinh doanh.

#### Tóm tắt quá trình công tác

Ông Nguyễn Xuân Hòa đã công tác trong ngành Dầu khí từ năm 1994, từng đảm nhiệm nhiều chức vụ quản lý tại Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (PV Power), Công ty Nhập khẩu và phân phối than Dầu khí (PVCoal), Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư (PETEC), Tổng công ty Dầu Việt Nam (PV OIL). Trước khi đảm nhiệm chức vụ Thành viên HĐQT PV GAS, Ông Nguyễn Xuân Hòa từng đảm nhiệm nhiều chức vụ quản lý và lãnh đạo quan trọng khác tại PV GAS như: Phó phòng Thương mại; Trưởng phòng Thương mại, Phó Tổng Giám đốc, Thành viên HĐTV kiêm Phó Tổng Giám đốc.



**Ông NGUYỄN ANH TUẤN**  
 Trưởng Ban Kiểm soát  
 Trình độ chuyên môn  
 Cử nhân Tài chính kế toán.

**Tóm tắt quá trình công tác**

Ông Nguyễn Anh Tuấn đã công tác trong ngành Dầu khí từ năm 1999. Trước khi đảm nhiệm chức vụ Trưởng Ban Kiểm soát PV GAS, Ông Nguyễn Anh Tuấn từng đảm nhiệm các chức vụ: Trưởng phòng Kế toán Công ty Quản lý Dự án Khí - đơn vị trực thuộc PV GAS, Kiểm soát viên chính.



**Ông PHẠM ĐÌNH ĐẠT**  
 Thành viên Ban Kiểm soát  
 Trình độ chuyên môn  
 Cử nhân Kinh tế kế hoạch.

**Tóm tắt quá trình công tác**

Ông Phạm Đình Đạt đã công tác trong ngành Dầu khí từ năm 1985. Trước khi đảm nhiệm chức vụ Thành viên Ban Kiểm soát PV GAS, Ông Phạm Đình Đạt đảm nhiệm các chức danh: Chuyên viên Ban Kế hoạch, Kiểm soát viên.



**Bà HỒ THỊ ÁI THANH**  
 Thành viên Ban Kiểm soát  
 Trình độ chuyên môn  
 Cử nhân Kinh tế tài chính doanh nghiệp,  
 Thạc sĩ Quản trị kinh doanh.

**Tóm tắt quá trình công tác**

Bà Hồ Thị Ái Thanh đã công tác tại PV GAS từ năm 1999 đến nay. Trước khi đảm nhiệm chức vụ Thành viên Ban Kiểm soát PV GAS, Bà Hồ Thị Ái Thanh đảm nhiệm các chức danh: Chuyên viên Ban Kế toán, Kiểm soát viên.



**Ông ĐỖ KHANG NINH**  
 Thành viên Hội đồng quản trị; Tổng Giám đốc  
 (Xem phần giới thiệu HĐQT)



**ÔNG DƯƠNG MẠNH SƠN**  
 Phó Tổng Giám đốc thường trực  
 Trình độ chuyên môn  
 Kỹ sư Cơ khí chế tạo máy - Công nghệ hàn,  
 Thạc sĩ Quản trị kinh doanh.

**Tóm tắt quá trình công tác**

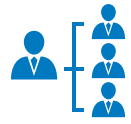
Ông Dương Mạnh Sơn đã công tác trong ngành Dầu khí từ năm 1994, từng đảm nhiệm nhiều chức vụ quản lý và lãnh đạo tại Tổng công ty cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC), Công ty đăng kiểm Lloyd's Register. Trước khi đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc thường trực PV GAS, Ông Dương Mạnh Sơn từng đảm nhiệm nhiều chức vụ lãnh đạo quan trọng khác tại PV GAS: Trưởng ban Kỹ thuật sản xuất, Trưởng ban Xây dựng, Phó Tổng Giám đốc.



**ÔNG NGUYỄN QUỐC HUY**  
 Phó Tổng Giám đốc  
 Trình độ chuyên môn  
 Cử nhân Khoa học ngành tin học,  
 Thạc sĩ Quản trị kinh doanh.

**Tóm tắt quá trình công tác**

Ông Nguyễn Quốc Huy đã công tác tại PV GAS từ năm 1994 đến nay. Trước khi đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc PV GAS, Ông Nguyễn Quốc Huy từng đảm nhiệm nhiều chức vụ quản lý và lãnh đạo quan trọng khác tại PV GAS: Phó Giám đốc và Giám đốc Công ty Chế biến Khí Vũng Tàu - đơn vị trực thuộc PV GAS.



## GIỚI THIỆU BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)



### **Ông TRẦN HƯNG HIỂN**

Phó Tổng Giám đốc  
*Trình độ chuyên môn*  
Thạc sĩ ngành xây dựng đường ống, bể chứa dầu khí (tại CHLB Nga), Cử nhân Quản lý công nghiệp.

#### **Tóm tắt quá trình công tác**

Ông Trần Hưng Hiến đã công tác trong ngành Dầu khí từ năm 1982. Trước khi đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc PV GAS, Ông Trần Hưng Hiến từng đảm nhiệm nhiều chức vụ quản lý và lãnh đạo quan trọng khác tại Tổng công ty cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC), Tổng công ty Dầu Việt Nam (PV Oil) và đảm nhiệm chức vụ Trưởng Ban Quản lý Dự án đường ống dẫn khí Phú Mỹ - Tp.HCM thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN).



### **Ông NGUYỄN THANH NGHỊ**

Phó Tổng Giám đốc  
*Trình độ chuyên môn*  
Cử nhân Kinh tế kế hoạch, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh.

#### **Tóm tắt quá trình công tác**

Ông Nguyễn Thanh Nghị đã công tác trong ngành Dầu khí từ năm 1996. Trước khi đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc PV GAS, Ông Nguyễn Thanh Nghị từng đảm nhiệm chức vụ quản lý và lãnh đạo quan trọng: Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam (PVI).



### **Ông PHẠM HỒNG LĨNH**

Phó Tổng Giám đốc  
*Trình độ chuyên môn*  
Kỹ sư Xây dựng, Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh.

#### **Tóm tắt quá trình công tác**

Ông Phạm Hồng Lĩnh đã công tác trong ngành Dầu khí từ năm 1983. Trước khi đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc PV GAS, Ông Phạm Hồng Lĩnh từng đảm nhiệm nhiều chức vụ quản lý và lãnh đạo quan trọng tại các đơn vị khác thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam: Tổng công ty cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC), Phó giám đốc Công ty Dịch vụ Du lịch Dầu khí (Petrosetco), Phó giám đốc Công ty Tư vấn đầu tư xây dựng Dầu khí, Trưởng Ban quản lý Dự án nhà số 1-5 Lê Duẩn - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN), Giám đốc Công ty điều hành đường ống Lô B - Ô Môn.



### **Ông BÙI NGỌC QUANG**

Phó Tổng Giám đốc  
*Trình độ chuyên môn*  
Kỹ sư Khoan - Khai thác dầu khí.

#### **Tóm tắt quá trình công tác**

Ông Bùi Ngọc Quang đã công tác trong ngành Dầu khí từ năm 1983. Trước khi đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc PV GAS kiêm Trưởng Ban quản lý Dự án Khí Đông Nam Bộ - đơn vị trực thuộc PV GAS, Ông Bùi Ngọc Quang từng đảm nhiệm nhiều chức vụ quản lý và lãnh đạo quan trọng tại các đơn vị khác: Phó giám đốc thứ nhất Công ty liên doanh ADF - Việt Nam, Chủ tịch HĐQT Công ty liên doanh M-I-Việt Nam, Tổng Giám đốc và Chủ tịch HĐQT Tổng công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí (DMC), Trưởng Ban quản lý Dự án khí Đông Nam Bộ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN).



### **Ông HỒ TÙNG VŨ**

Phó Tổng giám đốc  
*Trình độ chuyên môn*  
Kỹ sư Kinh tế Dầu khí (tốt nghiệp tại CHLB Nga),  
Thạc sĩ QTKD (tốt nghiệp tại trường ĐH Oklahoma State University của Mỹ).

#### **Tóm tắt quá trình công tác**

Ông Hồ Tùng Vũ đã công tác trong ngành Dầu khí từ năm 1983. Trước khi đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc PV GAS, Ông Hồ Tùng Vũ từng đảm nhiệm nhiều chức vụ quản lý và lãnh đạo quan trọng khác tại Công ty Thương mại Dầu khí (Petechim) và chức vụ Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Dầu Việt Nam (PV Oil).



### **Ông NGUYỄN MẬU DŨNG**

Phó Tổng Giám đốc  
*Trình độ chuyên môn*  
Kỹ sư Cơ khí,  
Thạc sĩ Quản trị kinh doanh.

#### **Tóm tắt quá trình công tác**

Ông Nguyễn Mậu Dũng đã công tác trong ngành Dầu khí từ năm 1991, từng đảm nhiệm nhiều chức vụ quản lý và lãnh đạo quan trọng tại Tổng công ty cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC), Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí, Công ty cổ phần tư vấn Đầu tư và Thiết kế Dầu khí. Trước khi đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc PV GAS, Ông Nguyễn Mậu Dũng từng đảm nhiệm nhiều chức vụ quản lý quan trọng khác tại PV GAS: Giám đốc, Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần bọc ống Dầu khí Việt Nam (PV Coating), Giám đốc Công ty cổ phần chế tạo ống thép Dầu khí (PV Pipe).



### **Ông PHẠM ĐĂNG NAM**

Phó Tổng Giám đốc  
*Trình độ chuyên môn*  
Cử nhân Kinh tế công nghiệp,  
Thạc sĩ Quản trị kinh doanh.

#### **Tóm tắt quá trình công tác**

Ông Phạm Đăng Nam đã công tác trong ngành Dầu khí từ năm 1993, trước khi đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc PV GAS, Ông Phạm Đăng Nam từng đảm nhiệm nhiều chức vụ quản lý quan trọng tại Liên doanh Dầu khí Vietsovetro, Công ty liên doanh Nhà máy lọc dầu Việt - Nga (Vietross), Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN), Tổng công ty Phân bón và hóa chất Dầu khí (PVFCCo), Công ty TNHH MTV Lọc Hóa Dầu Bình Sơn, Tổng công ty cổ phần Vận tải Dầu khí (PVTrans).



### **Ông MAI HỮU NGẠN**

Kế toán trưởng  
*Trình độ chuyên môn*  
Cử nhân Kinh tế - Ngành kế toán.

#### **Tóm tắt quá trình công tác**

Ông Mai Hữu Ngạn đã công tác trong ngành Dầu khí từ năm 1988, từng đảm nhiệm nhiều chức vụ quản lý và lãnh đạo quan trọng tại Tổng công ty cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC) và Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp Dầu khí (Petrosetco). Trước khi đảm nhiệm chức vụ Kế toán trưởng Công ty Vận chuyển khí Đông Nam Bộ - đơn vị trực thuộc của PV GAS.

# BỀN giá trị


NĂM 2014

GIÁ TRỊ VỐN HÓA  
NGÀY 31/12/2014 TRÊN

 6

TỶ USD

TỔNG DOANH THU

 73.648

TỶ ĐỒNG

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

 17.991

TỶ ĐỒNG

LỢI NHUẬN SAU THUẾ

 14.370

TỶ ĐỒNG

## BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Tổng quan kết quả hoạt động năm 2014

Tình hình tài chính

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Báo cáo của Hội đồng Quản trị

Báo cáo của Ban Kiểm soát

Dữ liệu cổ đông

Danh hiệu và giải thưởng

2



## TỔNG QUAN KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2014

ĐƯỢC TẠP CHÍ NIKKEI ASIAN REVIEW BÌNH CHỌN VÀO DANH SÁCH 50 CÔNG TY GIÁ TRỊ NHẤT ĐÔNG NAM Á VÀ LỘT VÀO TOP 2.000 DOANH NGHIỆP LỚN NHẤT THẾ GIỚI DO FORBES BÌNH CHỌN



### Sơ lược về đặc điểm môi trường sản xuất kinh doanh của PV GAS

- Tình hình chính trị trong khu vực phức tạp, kinh tế thế giới cũng như trong nước có phục hồi song vẫn còn nhiều khó khăn. Trong nước, tăng trưởng tín dụng vẫn còn ở mức thấp, tình trạng nợ xấu vẫn chưa được cải thiện, thị trường tiêu thụ giảm sút, ..., ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp đến nhu cầu tiêu thụ khí của các khách hàng của PV GAS.
- Điều kiện thời tiết mưa nhiều, thuận lợi cho huy động thủy điện nhiều hơn; thời gian khách hàng dừng nhận khí để bảo dưỡng sửa chữa kéo dài so với kế hoạch; cùng với tình trạng hoạt động sản xuất của các khách hàng công nghiệp sử dụng khí thấp áp không thay đổi nhiều so với năm 2013, ... làm cho nhu cầu tiêu thụ khí của các khách hàng của PV GAS không ổn định.
- Thị trường LPG thế giới diễn biến bất thường, khác với quy luật thông thường, với xu hướng giảm giá mạnh trong 10 tháng; ảnh hưởng dây chuyền đến thị trường LPG Việt Nam, trong đó có hoạt động kinh doanh LPG của PV GAS.
- PV GAS đồng thời triển khai các dự án lớn như Đường ống khí Nam Côn Sơn 2 giai đoạn 1, Hàm Rồng - Thái Bình, ... theo phương án đầu tư điều chỉnh trong điều kiện yêu cầu tiến độ gấp, phải tập trung các nguồn lực (nhân sự, tài chính, ...) để đảm bảo tiến độ, chất lượng, chi phí đầu tư.

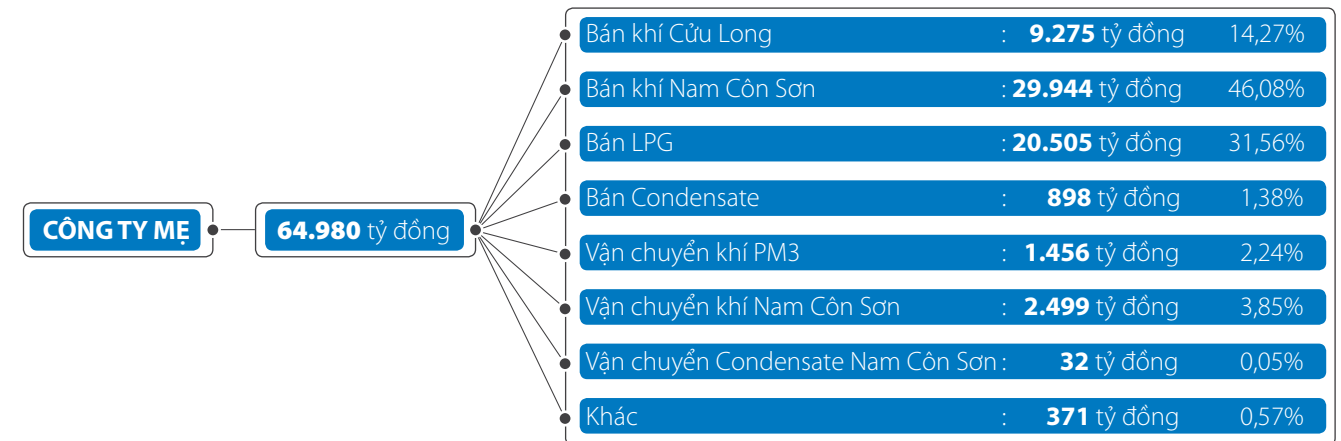
Chủ động nhìn nhận, đánh giá được những trở ngại này, tập thể lãnh đạo và người lao động PV GAS càng quyết liệt hơn trong quản lý, điều hành, càng nhiệt tình, sáng tạo hơn trong sản xuất, kinh doanh để giảm thiểu những tác động xấu của trở ngại, tận dụng những cơ hội tốt, phát huy các thế mạnh để không chỉ tăng trưởng mà còn phát triển bền vững. Nhờ vậy, PV GAS đã thực hiện thắng lợi hầu hết các nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Đó là vận hành an toàn và liên tục hệ thống khí, không để sự cố đáng tiếc nào xảy ra ảnh hưởng đến con người và uy tín của PV GAS; hoàn thành và hoàn thành vượt mức hầu hết các chỉ tiêu kế hoạch đã được ĐHQĐ thông qua và tăng trưởng so với năm 2013, đặc biệt là chỉ tiêu lợi nhuận, nộp ngân sách Nhà nước, sản xuất khí khô, LPG và Condensate từ nguồn khí Cửu Long đã về đích trước thời hạn kế hoạch năm từ 2 đến 4 tháng; là năm đầu tiên tiếp nhận và tiêu thụ trên 10 tỷ m<sup>3</sup> khí/năm để cung cấp nguồn nguyên, nhiên liệu sản xuất 35% sản lượng điện, 70% nhu cầu phân đạm toàn quốc, chiếm xấp xỉ 70% thị phần LPG cả nước; được tạp chí Nikkei Asian Review bình chọn vào danh sách 50 công ty giá trị nhất Đông Nam Á và lọt vào top 2.000 doanh nghiệp lớn nhất thế giới do Forbes bình chọn, tiếp tục là một trong số các đơn vị dẫn đầu của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam cũng như trên sàn giao dịch chứng khoán về lợi nhuận; đóng góp đáng kể vào ngân sách Nhà nước, góp phần cùng PVN ổn định kinh tế vĩ mô của cả nước.



## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

DOANH THU HỢP NHẤT  
**73.648**  
TỶ ĐỒNG

Năm 2014, PV GAS hầu như không bị tác động bởi giá dầu giảm, kết quả kinh doanh tốt, đạt doanh thu và lợi nhuận cao nhất kể từ khi thành lập đến nay.



### Hợp nhất

Hoạt động sản xuất kinh doanh tốt, tình hình tài chính lành mạnh của cả PV GAS - công ty mẹ và các công ty thành viên, liên kết, kết quả là doanh thu hợp nhất đạt 73.648 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế hợp nhất 17.991 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 14.370 tỷ đồng.

Doanh thu hợp nhất năm 2014 đạt 73.648 tỷ đồng, tăng 8.051 tỷ đồng (tương ứng với mức tăng 12%) so với năm 2013. Nguyên nhân là do trong năm 2014, PV GAS ghi nhận doanh thu chênh lệch tiền khí trên mức bao tiêu cho giai đoạn từ 01/07/2009 - 31/03/2014 là 3.898 tỷ đồng; sản lượng khí khô bán cho các hộ tiêu thụ tăng; giá khí bình quân bán cho khách hàng tăng so với năm 2013; kéo theo lợi nhuận trước thuế hợp nhất năm 2014 đạt 17.991 tỷ đồng, tăng 2.400 tỷ đồng (tương đương với mức tăng 13%) so với năm 2013. Nhưng trên hết, đội ngũ cán bộ quản lý và lực lượng lao động của PV GAS là nhân tố quan trọng tạo nên kết quả ấn tượng này.

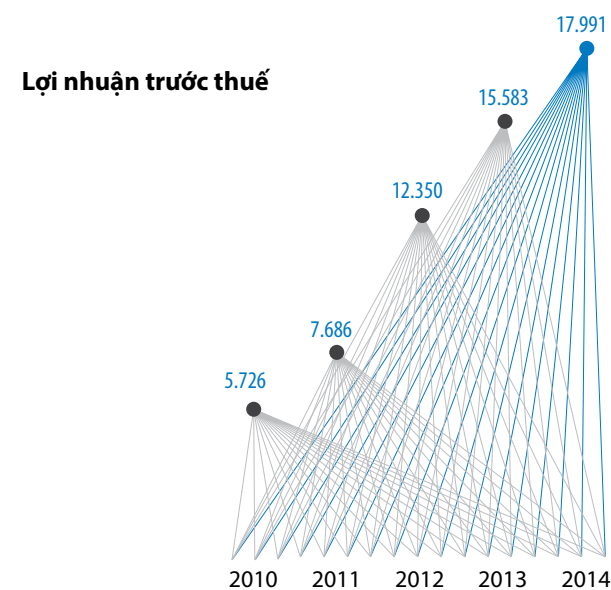
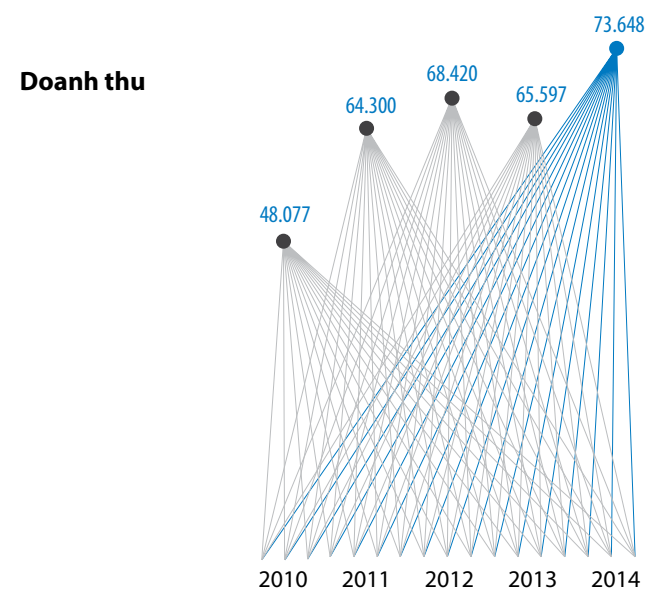
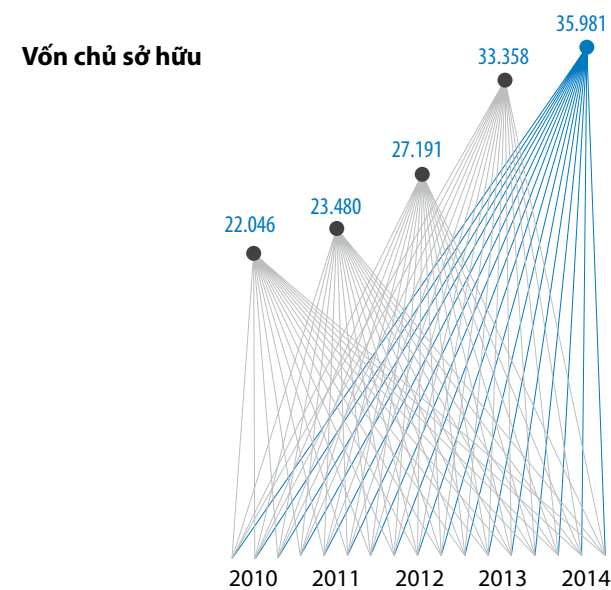
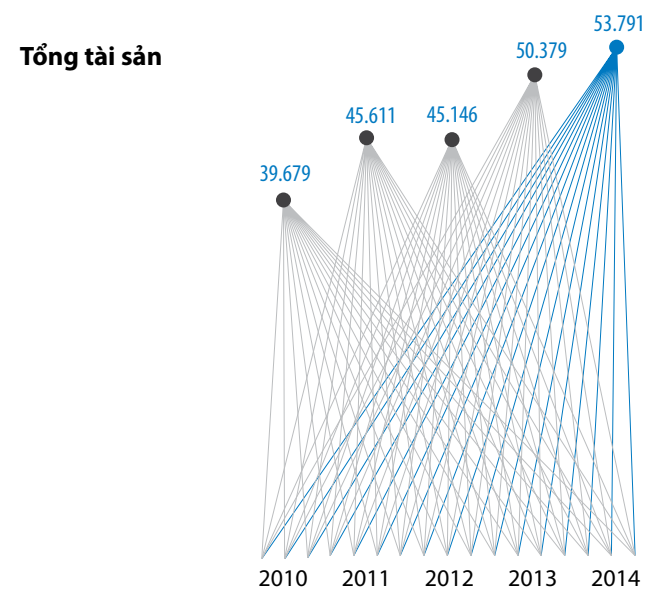
Công tác thu xếp vốn được triển khai tích cực, bám sát tiến độ của từng dự án và có kết quả thuận lợi từ uy tín của PV GAS và hiệu quả kinh tế của các dự án đầu tư có nhu cầu vốn vay, mặc dù điều kiện tín dụng bị thắt chặt. Cụ thể là PV GAS đã ký hợp đồng tín dụng thu xếp vốn cho dự án Kho chứa LPG Đình Vũ với ngân hàng Seabank, dự án Nhà máy xử lý khí Cà Mau với 3 ngân hàng SHB, Seabank và Vietinbank.



## TÀI CHÍNH (tiếp theo)

VỐN CHỦ SỞ HỮU  
**35.981**  
TỶ ĐỒNG

### Chỉ số hoạt động cơ bản (ĐVT: tỷ VNĐ)



Các chỉ số tài chính khác	2010	2011	2012	2013	TH 2014
<b>TSNH/Tổng TS</b>	0,41	0,42	0,45	0,56	0,62
<b>TSDH/Tổng TS</b>	0,59	0,56	0,54	0,43	0,37
<b>Nợ phải trả/Tổng NV</b>	0,43	0,45	0,36	0,30	0,30
<b>VCSH/Tổng NV</b>	0,56	0,51	0,60	0,66	0,67
<b>Lợi nhuận trước thuế/Tổng doanh thu</b>	12%	12%	18%	24%	24%
<b>Lợi nhuận sau thuế/Tổng doanh thu</b>	10%	10%	15%	19%	20%
<b>Lợi nhuận ròng/Tổng tài sản (ROA)</b>	16%	15%	22%	26%	28%
<b>Lợi nhuận ròng/Vốn CSH (ROE)</b>	33%	28%	40%	42%	41%
<b>Hệ số TT hiện hành (lần)</b>	1,66	1,86	2,53	2,87	3,14
<b>Hệ số TT nhanh (lần)</b>	1,57	1,76	2,33	2,62	2,96
<b>Vòng quay các khoản phải thu (vòng)</b>	8,55	8,94	11,08	11,58	13,42
<b>Thời gian quay vòng khoản phải thu (ngày)</b>	42,69	40,81	32,93	31,53	27,21
<b>Vòng quay hàng tồn kho (vòng)</b>	40,27	55,70	39,96	23,64	24,64
<b>Thời gian quay vòng hàng tồn kho (ngày)</b>	9,06	6,55	9,13	15,44	14,81
<b>EPS (đồng)</b>			5.167	6.478	7.140
<b>P/E (lần)</b>			7,47	10,27	9,87



2013

65.597 TỶ ĐỒNG

2014

73.648 TỶ ĐỒNG

### TỔNG DOANH THU

#### Kết quả nổi bật đạt được trong năm 2014

##### Vận hành sản xuất

HOẠT ĐỘNG VẬN HÀNH, SẢN XUẤT CỦA PV GAS BẮT ĐẦU KỂ TỪ KHI CÓ DÒNG KHÍ ĐẦU TIÊN VÀO BỜ VÀO NĂM 1995 ĐẾN NAY, DIỄN RA LIÊN TỤC SUỐT CÁC NGÀY TRONG NĂM VÀ 24/24 GIỜ; BẮT ĐẦU TỪ CÁC MỎ KHÍ NGOÀI KHƠI BIỂN VIỆT NAM ĐẾN CÁC ĐỊA ĐIỂM GIAO NHẬN KHÍ, SẢN PHẨM KHÍ VỚI KHÁCH HÀNG; KẾT NỐI TRỰC TIẾP VỚI CÁC CHỦ MỎ, BÊN BÁN KHÍ, CHỦ ĐƯỜNG ỐNG, NHÀ MÁY ĐIỆN, NHÀ MÁY ĐẠM, NHÀ MÁY CHẾ BIẾN CONDENSATE, CÔNG TY KINH DOANH LPG, BÊN VẬN CHUYỂN,...



■ **Hệ thống khí Cửu Long:** Khí ẩm từ các mỏ Bạch Hổ, Vòm Bắc, Rồng, Đồi Mồi, Rạng Đông, Phương Đông, Sư Tử Đen, Sư Tử Vàng, Sư Tử Trắng, Tê Giác Trắng, Hải Sư Đen, Hải Sư Trắng, Cá Ngừ Vàng,... được vận chuyển về bờ bằng đường ống khí Cửu Long, tiếp bờ tại Long Hải, qua Nhà máy xử lý khí Dinh Cố (GPP Dinh Cố) tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu để sản xuất ra 3 loại sản phẩm: Khí khô, LPG và Condensate. Khí khô sau đó được vận chuyển bằng đường ống từ GPP Dinh Cố lên Bà Rịa, Phú Mỹ để cấp cho các khách hàng tiêu thụ. LPG và Condensate được vận chuyển bằng đường ống lên Kho cảng Thị Vải, tàng chứa trong các bồn và xuất bán cho các công ty kinh doanh LPG bằng tàu hoặc xe bồn, cho Nhà máy chế biến Condensate của PV Oil bằng đường ống. Ngoài ra, từ cuối tháng 11/2014, khí ẩm từ các mỏ Sư Tử Đen, Sư Tử Vàng, Tê Giác Trắng, Hải Sư Đen, Hải Sư Trắng còn được vận chuyển và cung cấp cho Liên doanh Dầu khí Việt Nhật (JVPC) ngay tại các giàn khai thác ngoài khơi để JVPC nâng cao hiệu suất thu hồi dầu (EOR).

■ **Hệ thống khí Nam Côn Sơn:** Khí từ các lô, mỏ 06.1, 11.2, Chim Sáo, Hải Thạch, Mộc Tinh được vận chuyển bằng đường ống khí Nam Côn Sơn về bờ, tiếp bờ tại Long Hải, qua Nhà máy xử lý khí Nam Côn Sơn tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu để sản xuất ra 2 loại sản phẩm: Khí khô và Condensate. Khí khô sau đó được vận chuyển bằng đường ống từ GPP Nam Côn Sơn lên Phú Mỹ, Nhơn Trạch, Hiệp Phước để cấp cho các khách hàng tiêu thụ. Condensate được vận chuyển bằng đường ống của hệ thống khí Cửu Long lên Kho cảng Thị Vải, tàng chứa trong các bồn và xuất lên tàu cho bên mua.

Khí Cửu Long và khí Nam Côn Sơn có thể cấp bù cho nhau thông qua Trung tâm phân phối khí Phú Mỹ.





## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)



■ **Hệ thống khí PM3:** Khí từ các mỏ PM3-CAA, 46 Cái Nước được vận chuyển bằng đường ống khí PM3 về bờ, tiếp bờ tại Mũi Tràm, tiếp tục đến Trung tâm phân phối khí Cà Mau và cấp cho các khách hàng tiêu thụ.

■ Ngoài ra, PV GAS còn mua LPG từ Dung Quất và nhập khẩu từ nước ngoài, tàng chứa tại hệ thống kho chứa LPG tại 3 miền Bắc, Trung, Nam và xuất bán cho các công ty kinh doanh LPG bằng tàu hoặc xe bồn.

Hoạt động vận hành và sản xuất của PV GAS sẽ tiếp tục được nối dài theo các công trình khí mới, với các sản phẩm khí mới trong những năm tiếp theo.

Năm 2014, PV GAS duy trì trạng thái vận hành, sản xuất an toàn, ổn định và liên tục 3 hệ thống khí Cửu Long, Nam Côn Sơn và PM3 bao gồm đường ống, nhà máy, trung tâm phân phối khí, kho chứa, cảng xuất,...

Kết quả là tổng sản lượng khí về bờ và bán cho dự án EOR là 10.137 triệu m<sup>3</sup>, sản xuất được 9.966 triệu m<sup>3</sup> khí khô, 303,4 nghìn tấn LPG và 59,5 nghìn tấn Condensate, đều vượt kế hoạch năm 2014; trong đó:

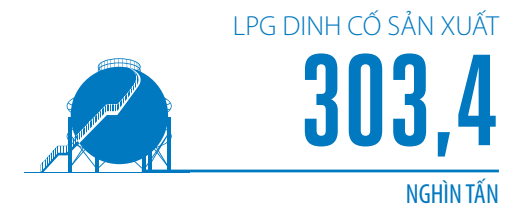
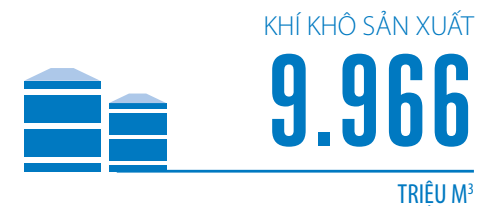
■ **Hệ thống khí Cửu Long:** Với việc hoàn thành công tác bảo dưỡng sửa chữa trong đợt dừng khí tháng 9/2014, đưa hệ thống khí vào vận hành trở lại an toàn sớm hơn thời hạn kế hoạch 79 giờ; đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định, liên tục; nỗ lực vận hành 5 tổ máy nén khí trên giàn CCP tại một số thời điểm; sản lượng khai thác một số mỏ ổn định nên năm 2014, sản lượng khí Cửu Long đạt 1.479 triệu m<sup>3</sup> khí ẩm (bao gồm gần 3 triệu m<sup>3</sup> khí ẩm cho Dự án EOR), tăng 4% so với năm 2013, giúp sản xuất 1.271 triệu m<sup>3</sup> khí khô, 303,4 nghìn tấn LPG và 59,5 nghìn tấn Condensate.

■ **Hệ thống khí Nam Côn Sơn:** Mặc dù một số mỏ bị gián đoạn cấp khí và nhu cầu huy động khí sản xuất điện thấp vào mùa mưa, nhưng do hệ thống khí hoạt động ổn



định, công tác ổn định, điều độ hợp lý, nên sản lượng khí Nam Côn Sơn về bờ vẫn vượt trội so với các nguồn khí khác, đạt 6.812 triệu m<sup>3</sup>, tăng 9% so với năm 2013 và chiếm 67% tổng sản lượng khí; không có trường hợp nào dừng khí để tiến hành bảo dưỡng sửa chữa trong năm 2014.

■ **Hệ thống khí PM3:** Mặc dù hệ thống khí PM3 của PV GAS luôn sẵn sàng tiếp nhận và vận chuyển khí ở mức cao và PV GAS đã nỗ lực hoàn thành công tác bảo dưỡng sửa chữa trước thời hạn 96 giờ trong đợt dừng khí vào tháng 7/2014 để có thể huy động tối đa nguồn khí vào bờ, tận dụng hết quyền lợi của Việt Nam trong việc khai thác mỏ khí tại khu vực chồng lấn với Malaysia, nhưng do sự cố tại giàn khai thác của chủ mỏ xảy ra nhiều lần và kéo dài hơn năm 2013, Trung tâm điều độ hệ thống điện quốc gia A0 huy động khí sản xuất điện thấp và thời gian bảo dưỡng sửa chữa của Nhà máy điện Cà Mau 1 kéo dài hơn so với kế hoạch, nên sản lượng khí PM3 chỉ đạt 1.846 triệu m<sup>3</sup>, bằng 95% kế hoạch năm.



“ NĂM 2014, PV GAS DUY TRÌ TRẠNG THÁI VẬN HÀNH, SẢN XUẤT AN TOÀN, ỔN ĐỊNH VÀ LIÊN TỤC 3 HỆ THỐNG KHÍ CỬU LONG, NAM CÔN SƠN VÀ PM3 BAO GỒM ĐƯỜNG ỐNG, NHÀ MÁY, TRUNG TÂM PHÂN PHỐI KHÍ, KHO CHỨA, CẢNG XUẤT,...” ”





## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

### Sản lượng khí ẩm theo cơ cấu hệ thống khí

Đvt: Triệu m<sup>3</sup>

Khí Cửu Long	1.479	Khí Nam Côn Sơn	6.812	Khí PM3	1.846
Bạch Hổ, Vòm Bắc, Rồng, Đồi Mồi	416	06.1	3.879		
Rạng Đông, Phương Đông	158	11.2	1.016		
Sư Tử Đen, Sư Tử Vàng, Sư Tử Trắng	434	12W	247		
Tê Giác Trắng, Hải sư Đen, Hải sư Trắng	312	Hải Thạch, Mộc Tinh	1.670		
Cá Ngừ Vàng	159				

Trong năm 2015, với việc đón nhận dòng khí mới từ mỏ Đại Hùng hòa vào hệ thống khí Cửu Long tại khu vực Đồng Nam Bộ và dòng khí mới từ mỏ Thái Bình tại khu vực Bắc Bộ được đưa vào bờ, PV GAS đảm bảo sẽ tiếp tục đáp ứng đủ nhu cầu khí của khách hàng.

### Bảo dưỡng sửa chữa

Hoạt động bảo dưỡng sửa chữa của PV GAS được thực hiện nhằm mục đích duy trì trạng thái vận hành liên tục, ổn định, hiệu quả của các công trình khí; ngăn ngừa, khắc phục nhanh chóng sự cố làm gián đoạn quá trình vận hành, sản xuất; và trên hết là cho mục tiêu an toàn - chất lượng - hiệu quả; được phân cấp thực hiện cho các công ty trực thuộc - những đơn vị trực tiếp quản lý và vận hành các công trình khí (bao gồm Công ty vận chuyển khí Đông Nam Bộ, Công ty khí Cà Mau, Công ty đường ống khí Nam Côn Sơn, Công ty chế biến khí Vũng Tàu, Công ty dịch vụ khí) với các hoạt động bảo dưỡng sửa chữa thường xuyên, kiểm định hiệu chuẩn; bảo dưỡng sửa chữa ngăn ngừa; và bảo dưỡng sửa chữa đột xuất các công trình khí của PV GAS. Việc thực hiện tốt công tác bảo dưỡng sửa chữa về mặt khối lượng công việc, tiến độ và chất lượng đóng vai trò quan trọng, góp phần giúp hoạt động vận hành, sản xuất, kinh doanh của PV GAS an toàn, không xảy ra sự cố nghiêm trọng nào trong suốt 24 năm qua.

Năm 2014, PV GAS thực hiện cả 3 loại hình bảo dưỡng sửa chữa thường xuyên, kiểm định hiệu chuẩn, ngăn ngừa và đột xuất. Một số công việc lớn đã thực hiện bao gồm:

- Bảo dưỡng sửa chữa thường xuyên thực hiện trong thời gian dừng khí: Hoàn thành bảo dưỡng sửa chữa trong đợt dừng khí PM3 vào tháng 7/2014, trước thời hạn 96 giờ; bảo dưỡng sửa chữa trong đợt dừng khí Cửu Long vào tháng 9/2014



“ TRONG NĂM 2015, VỚI VIỆC TIẾP NHẬN NGUỒN KHÍ MỚI TỪ MỎ ĐẠI HÙNG, THÁI BÌNH VÀ ẮN ĐỊNH, ĐIỀU ĐỘ HỢP LÝ CÁC NGUỒN KHÍ TRONG TỪNG THỜI ĐIỂM, ĐỐI VỚI TỪNG ĐỐI TƯỢNG KHÁCH HÀNG, PV GAS SẼ ĐÁP ỨNG TỐI ĐA NHU CẦU TIÊU THỤ KHÍ TRONG NƯỚC, KHAI THÁC HIỆU QUẢ NGUỒN TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN CỦA ĐẤT NƯỚC VÀ ĐEM VỀ LỢI NHUẬN TỐI ĐA CHO PV GAS TRONG HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH KHÍ.

và đưa hệ thống khí vào vận hành trở lại an toàn, sớm hơn thời hạn kế hoạch: Giàn nén trung tâm Bạch Hổ trước 44 giờ, Nhà máy xử lý khí Dinh Cố trước 79 giờ; bảo dưỡng sửa chữa các bồn chứa LPG tại Kho cảng Thị Vải.

Xét trong điều kiện hoạt động sản xuất kinh doanh của PV GAS diễn ra 24/24 giờ, với tất cả các ngày trong năm, việc hoàn thành bảo dưỡng sửa chữa trước thời hạn trong các đợt dừng khí có nghĩa rất lớn đối với PV GAS, giúp PV GAS hạn chế mức giảm sút sản lượng, doanh thu, lợi nhuận do dừng sản xuất kinh doanh.

- Khảo sát, sửa chữa các tuyến ống: Hoàn thành khảo sát ROV tuyến ống Sư Tử Vàng - Rạng Đông - Bạch Hổ - Long Hải, Tê Giác Trắng - Bạch Hổ, Rồng mở rộng, PM3 - Cà Mau; sửa chữa các tuyến ống theo kết quả khảo sát, phóng thoi.
- Và rất nhiều đầu việc bảo dưỡng sửa chữa thường xuyên, kiểm định hiệu chuẩn, ngăn ngừa và đột xuất khác.

### Kinh doanh

#### Khí khô

Năm 2014, mặc dù thời tiết không thuận lợi, mưa nhiều vào những tháng mùa mưa, EVN huy động thủy điện nhiều hơn; nhà máy điện Cà Mau 1 kéo dài thời gian bảo dưỡng sửa chữa so với kế hoạch,... Tuy nhiên với nỗ lực ổn định, điều độ khí linh hoạt, hợp lý, PV GAS đã cung cấp được 9.969 triệu m<sup>3</sup>, bằng 104% kế hoạch năm 2014 và tăng 5% so với năm 2013; trong đó khách hàng điện chiếm tỷ trọng 83% sản lượng khí tiêu thụ, đạm 11%, khách hàng công nghiệp khác 6% và từ cuối tháng 11/2014 bắt đầu có thêm khách hàng là JVPC, tiêu thụ khí ẩm từ các mỏ Sư Tử Đen, Sư Tử Vàng, Tê Giác Trắng, Hải Sư Đen, Hải Sư Trắng, ngay tại các giàn khai thác ngoài khơi để JVPC nâng cao hiệu suất thu hồi dầu (EOR).

### Sản lượng khí tiêu thụ theo cơ cấu khách hàng

Đvt: Triệu m<sup>3</sup>

Năm	TH 2012	TH 2013	KH 2014	TH 2014	Cơ cấu TH 2014
Tổng sản lượng	9.175	9.469	9.600	9.969	100%
Điện	7.580	7.845	7.848	8.298	83%
Đạm	982	1.011	1.042	1.034	11%
Khí thấp áp	613	613	620	635	6%
JVPC			89	2	0%



## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

CUNG CẤP THỊ TRƯỜNG  
**1.269**  
NGHÌN TẤN LPG

### LPG

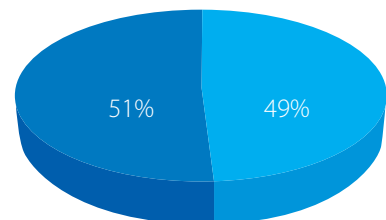
#### Tổng quan về thị trường LPG thế giới

Thị trường LPG thế giới năm 2014 diễn biến rất bất thường, khác với quy luật thông thường, với xu hướng giảm giá gần như bao trùm toàn bộ thị trường trong năm: 10 tháng giảm giá (-630 USD/tấn) và chỉ có 2 tháng tăng giá với mức tăng không đáng kể (+27,5 USD/tấn). Giá CP trung bình năm ở mức 800,63 USD/tấn, giảm 70,42 USD/tấn (tương đương 8%) so với năm 2013 (871,04 USD/tấn). Nếu so sánh thời điểm đầu năm 2014 với thời điểm cuối năm 2014 thì giá CP đã giảm tới 45%. Nguyên nhân chính của việc giảm giá năm nay là do nhu cầu thị trường tăng trưởng không đáng kể trong khi nguồn cung từ thị trường Mỹ tăng mạnh nhờ cuộc cách mạng sản xuất khí đá phiến và sản lượng LPG sản xuất từ một số nước khu vực Trung Đông tăng hơn so với năm ngoái. Yếu tố tác động lớn và là nguyên nhân chính của việc giảm giá LPG trong các tháng cuối năm là do giá dầu thô giảm liên tục.

Đvt: USD/tấn

Giá CP (theo Saudi Aramco)	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	Trung bình năm
2012	880,0	1.025,0	1.205,0	992,5	852,5	722,5	597,5	775,0	950,0	995,0	1.020,0	980,0	916,25
2013	955,0	910,0	895,0	812,5	755,0	757,5	792,5	820,5	862,5	835,0	895,0	1.162,5	871,04
2014	1.105,0	970,0	862,5	807,5	817,5	835,0	830,0	790,0	765,0	750,0	605,0	560,0	800,63

#### Cơ cấu nguồn cung LPG tại Việt Nam năm 2014



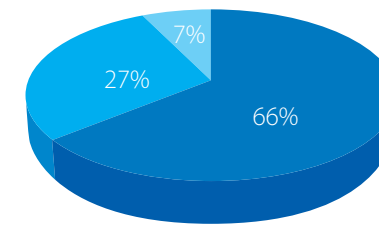
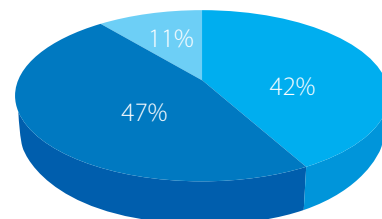
- Nội địa (Nhà máy xử lý khí Dinh Cố, nhà máy lọc dầu Dung Quất)
- Nhập khẩu (Trung Đông và các nước lân cận như Trung Quốc, Malaysia, Đài Loan, Singapore, Indonesia...)

#### Tổng quan về thị trường LPG Việt Nam

Tiêu thụ LPG tại thị trường nội địa trong năm 2014 đạt khoảng 1,3 triệu tấn; xấp xỉ năm 2013. Nguyên nhân dẫn đến tình trạng mức tiêu thụ LPG năm 2014 không tăng trưởng là do nhu cầu trong lĩnh vực công nghiệp tiếp tục giảm vì LPG kém cạnh tranh về giá so với các loại nhiên liệu khác như dầu nhiên liệu, khí thấp áp, CNG, than, biomass trong bối cảnh thị trường dầu thô giảm mạnh bắt đầu từ cuối năm 2014. Trong khi đó, trong lĩnh vực dân dụng, mặc dù giá LPG đặc biệt thấp trong các tháng cuối năm, song vì không kích thích được nhu cầu đầu cơ từ các tổng đại lý/đại lý nên nhu cầu tiêu thụ trong các tháng cuối năm không tăng nhiều như các năm trước.

#### Cơ cấu thị trường tiêu thụ LPG tại Việt Nam năm 2014

- Miền Nam
- Miền Trung
- Miền Bắc



- Nguồn Dinh Cố
- Nguồn Dung Quất
- Nguồn NK và KD quốc tế

#### Hoạt động kinh doanh LPG của PV GAS

Hoạt động kinh doanh LPG của PV GAS năm 2014 cũng chịu sự tác động trực tiếp của thị trường LPG thế giới và Việt Nam, nổi bật là nhu cầu tiêu thụ LPG hầu như không thay đổi so với năm trước và giá CP giảm mạnh trong 10 tháng, chỉ tăng không đáng kể trong 2 tháng. Do đó, sản lượng LPG kinh doanh của PV GAS hầu như không thay đổi so với năm 2013, trong đó bao gồm cả yếu tố giảm sản lượng nhập khẩu và kinh doanh quốc tế để tránh rủi ro biến động giá CP. Năm 2014, PV GAS cung cấp ra thị trường trong và ngoài nước 1.086 nghìn tấn, và đạt trên 1.269 nghìn tấn nếu tính cả sản lượng LPG của PV GAS South, PV GAS North, PV GAS City (đã trừ phần trùng), chiếm xấp xỉ 70% thị phần LPG toàn quốc. Lợi thế về cơ sở vật chất, nguồn hàng, đội ngũ nhân viên và đối tác kinh doanh LPG giúp PV GAS tiếp tục giữ vững vị trí là nhà sản xuất và kinh doanh LPG số 1 tại thị trường Việt Nam; và là doanh nghiệp duy nhất tại Việt Nam có khả năng nhập khẩu LPG lạnh từ Trung Đông.

#### Sản lượng LPG kinh doanh theo cơ cấu nguồn hàng

Đvt: Nghìn tấn

Năm	TH 2012	TH 2013	KH 2014	TH 2014	Cơ cấu TH 2014
Sản lượng công ty mẹ	1.027	1.061	940	1.086	100%
Nguồn Dinh Cố	258	302	212	290	27%
Nguồn Dung Quất	105	66	84	74	7%
NK và KD quốc tế	664	693	644	722	66%
Sản lượng hợp nhất	1.275	1.326		1.269	

#### Condensate

Hoạt động kinh doanh Condensate bán cho Nhà máy chế biến Condensate của PV Oil theo hợp đồng dài hạn với sản lượng 58,9 nghìn tấn trong năm 2014.

#### Sản lượng Condensate kinh doanh

Đvt: Nghìn tấn

Năm	TH 2012	TH 2013	KH 2014	TH 2014
Sản lượng	61	62	47	59

#### Vận chuyển

Vận chuyển khí và sản phẩm khí là một loại hình hoạt động dịch vụ quan trọng của PV GAS, bao gồm vận chuyển khí và Condensate từ bể Nam Côn Sơn, và khí từ mỏ PM3 cho chủ mỏ, bên bán.

Năm 2014, PV GAS vận chuyển 6.849 triệu m<sup>3</sup> khí Nam Côn Sơn, 140,5 nghìn tấn Condensate Nam Côn Sơn, Hải Thạch - Mộc Tinh và 1.846 triệu m<sup>3</sup> khí PM3, đáp ứng 100% yêu cầu của bên thuê.



## Đầu tư xây dựng

Hoạt động đầu tư xây dựng của PV GAS được thực hiện hoàn toàn cho mục đích đầu tư phát triển bao gồm phát triển nguồn cung cấp khí từ các mỏ trong nước và nhập khẩu khí từ nước ngoài, phát triển cơ sở hạ tầng để tăng năng lực sản xuất kinh doanh, để chế biến sâu gia tăng giá trị sản phẩm...; được phân cấp thực hiện cho các Công ty, Ban quản lý dự án (bao gồm Công ty quản lý dự án khí, Công ty điều hành đường ống lô B - Ô Môn, Ban quản lý dự án khí Đông Nam Bộ, Ban quản lý dự án nhà máy xử lý khí Cà Mau) với đội ngũ chuyên gia, kỹ sư, chuyên viên,... có năng lực chuyên môn vững vàng, đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm kể từ khi PV GAS đầu tư xây dựng công trình khí đầu tiên đến nay. Toàn bộ quá trình đầu tư xây dựng đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành và chịu sự kiểm tra, giám sát cũng như hỗ trợ, hướng dẫn của PV GAS, PVN và cơ quan quản lý Nhà nước nên luôn đảm bảo chất lượng công trình, đúng mục tiêu và nguồn vốn của dự án.

## Tình hình thực hiện đầu tư xây dựng

Năm 2014, PV GAS đã triển khai chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư, thanh quyết toán 8 dự án nhóm A, 9 dự án nhóm B và các dự án nhóm C, mua sắm trang thiết bị và đầu tư tài chính; giải ngân 4.156 tỷ đồng, bằng 89% kế hoạch. Điều này cho thấy công tác đầu tư xây dựng được triển khai tích cực, quyết liệt, bám sát kế hoạch, tiến độ và đảm bảo nguồn vốn theo tiến độ giải ngân của dự án; đặc biệt chuẩn bị sẵn sàng để năm 2015 PV GAS đón nhận dòng khí đầu tiên từ mỏ Đại Hùng, Thái Bình về bờ.

## Giá trị giải ngân của một số dự án lớn

Đvt: tỷ đồng

TT	Tên Dự án	Giá trị giải ngân năm 2014
	<b>Tổng cộng</b>	<b>4.156,1</b>
<b>I</b>	<b>Thu gom khí</b>	<b>3.244</b>
1	Đường ống khí Nam Côn Sơn 2, giai đoạn 1	2.730
2	Đường ống khí Hàm Rồng - Thái Bình, giai đoạn 1	413
3	Đường ống khí lô B - Ô Môn	101
4	Đường ống khí Nam Côn Sơn 2, giai đoạn 2, Thu gom và vận chuyển khí mỏ Sư Tử Trắng	
<b>II</b>	<b>Nhập khẩu khí</b>	<b>4,1</b>
1	Kho chứa LNG 1 triệu tấn/năm tại Thị Vải	0,1
2	Kho chứa, cảng LNG 3-6 triệu tấn/năm tại Sơn Mỹ	4
<b>III</b>	<b>Tăng cường năng lực chế biến, tàng trữ khí, sản phẩm khí</b>	<b>88</b>
1	Nâng công suất Kho chứa LPG Đình Vũ, Hải Phòng	27
2	Cấp bù khí ấm Nam Côn Sơn cho GPP Đình Cố	29
3	Nhà máy xử lý khí Cà Mau	27
4	Tách Ethane từ khí Cửu Long và Nam Côn Sơn	5
<b>IV</b>	<b>Thanh quyết toán; chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư các DABT khác; mua sắm trang thiết bị; và đầu tư tài chính</b>	<b>820</b>

## Công việc thực hiện của một số dự án lớn

### ■ Thu gom khí

Xây dựng các đường ống mới để thu gom khí ở các mỏ mới, bổ sung nguồn cung cấp khí cho thị trường tiêu thụ.

### Đường ống khí Nam Côn Sơn 2, giai đoạn 1

Đầu tư đường ống dài 151 km từ mỏ Thiên Ứng kết nối vào Bạch Hổ để thu gom, vận chuyển khí mỏ Thiên Ứng, Đại Hùng với tổng mức đầu tư 402,6 triệu USD; thời gian dự kiến hoàn thành đầu tư vào quý III/2015.

Công việc thực hiện năm 2014: Hoàn thành 85% khối lượng công việc gói cung cấp ống thép (sản xuất và bàn giao khoảng 120 km ống), 75% gói bọc ống (bọc khoảng 114 km ống và bàn giao 20 km ống cho VSP để thi công rải ống) và 30% gói EPC (100% thiết kế, rải 17 km ống).

### Đường ống khí Hàm Rồng - Thái Bình, giai đoạn 1

Đầu tư đường ống dài 20 km để thu gom, vận chuyển khí từ mỏ Thái Bình về bờ, cung cấp cho các hộ tiêu thụ khí tại khu công nghiệp Tiến Hải, Thái Bình và các hộ tiêu thụ khí khác tại các tỉnh lân cận với tổng mức đầu tư 91,7 triệu USD; thời gian dự kiến hoàn thành đầu tư là quý III/2015.

Công việc thực hiện năm 2014: Hoàn thành 100% khối lượng công việc thiết kế chi tiết, 8% xây lắp và 83% mua sắm.

### Đường ống khí lô B - Ô Môn

Đầu tư đường ống để vận chuyển khí từ các mỏ thuộc lô B&52 về bờ, cung cấp cho các nhà máy điện và các hộ tiêu thụ khí khác tại khu vực Tây Nam Bộ.

Công việc thực hiện năm 2014: Mặc dù tạm dừng triển khai dự án chờ kết quả đàm phán giá khí ở khâu thượng nguồn; nhưng vẫn tiếp tục thực hiện một số công việc cần thiết để chuẩn bị sẵn sàng tái khởi động dự án. Cụ thể là đã hoàn thành cơ bản xử lý nền trạm GDC Ô Môn; thực hiện đến bù, giải phóng mặt bằng; Hoàn thành đo đạc tại 5/5 tỉnh, kiểm đếm tại 4/5 tỉnh.

### Đường ống khí Nam Côn Sơn 2, giai đoạn 2, Thu gom và vận chuyển khí mỏ Sư Tử Trắng

Đầu tư các hạng mục đường ống, công trình khí còn lại của DA Đường ống khí Nam Côn Sơn 2 sau khi đã hoàn thành giai đoạn 1 và đường ống từ mỏ Sư Tử Trắng để thu gom khí các mỏ Sư Tử Trắng, Đại Nguyệt,... về bờ.

Công việc thực hiện năm 2014: Lập Báo cáo nghiên cứu định hướng triển khai.

### ■ Nhập khẩu khí

Để bổ sung nguồn cung cấp khí cho thị trường trong tương lai khi sản lượng khai thác từ nguồn cung trong nước nhỏ hơn nhu cầu tiêu thụ, triển khai theo 2 giai đoạn:

### Kho chứa LNG 1 triệu tấn/năm tại Thị Vải

Đầu tư Kho chứa LNG 1 triệu tấn/năm tại Thị Vải, Vũng Tàu để nhập khẩu LNG và cung cấp cho các hộ tiêu thụ khí với tổng mức đầu tư 285,8 triệu USD.

Công việc thực hiện năm 2014: Tổ chức lựa chọn nhà thầu EPC; ký hợp đồng khung mua LNG spot (MSA) với Gazprom Marketing and Trading Singapore và Shell, đàm phán MSA với các đối tác tiềm năng khác.

### Kho chứa, cảng LNG 3-6 triệu tấn/năm tại Sơn Mỹ

Là một dự án thành phần quan trọng của Tổ hợp khí - điện quốc gia tại Sơn Mỹ, Bình Thuận. Đầu tư cảng nhập và Kho chứa LNG 3-6 triệu tấn/năm tại Sơn Mỹ, Bình Thuận là để nhập khẩu LNG và cung cấp cho Trung tâm điện lực Sơn Mỹ và cung cấp bổ sung cho lượng khí thiếu hụt tại khu vực Đông Nam Bộ trong tương lai.

Công việc thực hiện năm 2014: Báo cáo mô hình kinh doanh, nguyên tắc xác định giá bán khí đã được Bộ Công Thương thông qua; hoàn thành dự án đầu tư và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; triển khai xúc tiến đầu tư và đàm phán với các đối tác về phương án hợp tác.





### ■ Tăng cường năng lực chế biến, tàng trữ khí, sản phẩm khí

#### Nâng công suất Kho chứa LPG Đình Vũ - Hải Phòng

Đầu tư nâng cấp Kho chứa LPG Đình Vũ - Hải Phòng (mở rộng công suất kho chứa hiện hữu gồm 1 bồn 1.500 tấn lên thành 3 bồn với tổng công suất chứa 4.500 tấn) là nhằm đa dạng hóa nguồn cung LPG, chủ động trong xuất nhập khẩu LPG, nâng cao khả năng cạnh tranh, mở rộng thị trường, duy trì và phát triển thị phần LPG tại thị trường miền Bắc với tổng mức đầu tư 8,7 triệu USD; thời gian dự kiến hoàn thành đầu tư là quý IV/2015.

Công việc thực hiện năm 2014: Hoàn thành 100% khối lượng công việc thiết kế chi tiết, 60% lắp đặt bồn và 30% mua sắm.

#### Cấp bù khí ẩm Nam Côn Sơn cho GPP Dinh Cố

Đầu tư đường ống, thiết bị để vận chuyển một phần sản lượng khí Nam Côn Sơn sang GPP Dinh Cố để sản xuất LPG và Condensate, gia tăng giá trị khí Nam Côn Sơn và đảm bảo hiệu quả hoạt động của GPP Dinh Cố với tổng mức đầu tư 177 tỷ đồng; thời gian dự kiến hoàn thành là vào quý III/2015.

Công việc thực hiện năm 2014: Ký kết hợp đồng về điểm giao nhận khí thứ 2; hoàn thành 100% khối lượng công việc thiết kế, 40% mua sắm, 10% xây lắp.

#### Nhà máy xử lý khí Cà Mau

Đầu tư và nâng cấp đường ống, nhà

máy xử lý khí, kho chứa, cảng xuất tại tỉnh Cà Mau để sản xuất LPG và Condensate từ khí các mỏ PM3, lô 46-CN và các khu vực lân cận với tổng mức đầu tư 494 triệu USD; thời gian dự kiến hoàn thành đầu tư là quý III/2016.

Công việc thực hiện năm 2014: Phê duyệt dự án đầu tư và kế hoạch lựa chọn nhà thầu điều chỉnh; chuẩn bị hồ sơ mời thầu các gói thầu để tổ chức đấu thầu; triển khai các công việc liên quan để đảm bảo tiến độ dự án.

#### Tách Ethane từ khí Cửu Long và Nam Côn Sơn

Đầu tư, cải hoán thiết bị tại Nhà máy xử lý khí Dinh Cố để tách ethane từ khí Cửu Long và Nam Côn Sơn, cung cấp cho Tổ hợp hóa dầu Long Sơn.

Công việc thực hiện năm 2014: Hoàn thành đánh giá hồ sơ dự thầu; ký kết và triển khai hợp đồng lập dự án đầu tư.

### ■ Thanh quyết toán

Công việc thực hiện năm 2014: Quyết toán/phê duyệt quyết toán vốn đầu tư Đường ống khí Phú Mỹ - Tp.HCM, Rồng - Đồi Mới, Rồng - Đồi Mới mở rộng, Sư Tử Đen/Sư Tử Vàng - Rạng Đông, Máy nén khí Cà Mau, Kho LPG lạnh Thị Vải, Tòa nhà PV GAS Tower,...

#### Công tác đổi mới, tái cấu trúc doanh nghiệp

Công tác đổi mới, tái cấu trúc doanh nghiệp của PV GAS được thực hiện để có những điều chỉnh phù hợp về mặt cơ cấu, tổ chức, chức năng, nhiệm vụ trong toàn PV GAS để củng cố và tập

trung hơn nữa vào ngành nghề kinh doanh chính của PV GAS và các ngành nghề hỗ trợ trực tiếp cho ngành nghề kinh doanh chính của PV GAS.

Năm 2014, PV GAS tiếp tục thực hiện công tác đổi mới, tái cấu trúc doanh nghiệp theo phương án tái cơ cấu PV GAS giai đoạn 2012 - 2015; cụ thể là:

- Đối với PV GAS South, PV GAS North, PV GAS D, PV GAS City: PV GAS giữ nguyên tỷ lệ góp vốn tại 4 công ty;
- Đối với PV Coating: Thực hiện thủ tục bán bớt phần vốn của PV GAS xuống còn 51%;
- Đối với PV Pipe: PV GAS đang tìm kiếm các đối tác trong và ngoài nước có đủ năng lực tài chính và chuyên ngành về sản xuất ống thép để chuyển nhượng phần vốn góp của PV GAS tại PV Pipe xuống còn 51%;
- Đối với Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Dầu khí Cửu Long - CGT (mã chứng khoán PCT): Đang thực hiện thủ tục bán toàn bộ vốn của PV GAS tại CGT.
- Đối với Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Nam Á - SeABank: PV GAS đang xem xét các hình thức chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của PV GAS tại SeABank.



#### Hoạt động của các công ty thành viên

Với sự hỗ trợ thiết thực, kịp thời từ PV GAS - công ty mẹ, cổ đông lớn và nỗ lực của chính mình, hoạt động của các công ty cổ phần trong năm 2014 đạt kết quả khá tốt, nổi bật là PV GAS D, PV GAS South và PV Coating, cùng nhau góp phần xây dựng ngành công nghiệp khí Việt Nam.

PV GAS D đã cung cấp trên 630 triệu m<sup>3</sup> khí cho 51 khách hàng công nghiệp và sản xuất CNG tại Bà Rịa - Vũng Tàu, Đồng Nai, Tp Hồ Chí Minh, tăng gần 2% sản lượng so với năm 2013, thu được 6.965 tỷ đồng doanh thu và 165 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế, đạt tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn điều lệ khá cao (28%). Để mở rộng thị trường tiêu thụ, PV GAS D đang thực hiện đầu tư dự án Đường ống khí Tiền Hải -Thái Bình, dự

kiến hoàn thành đồng thời với dự án Đường ống khí Hàm Rồng - Thái Bình của PV GAS vào quý III/2015 để bắt đầu cung cấp khí thấp áp cho các khách hàng công nghiệp tại tỉnh Thái Bình cũng như phối hợp với PV GAS North, PV GAS South kinh doanh CNG tại thị trường miền Bắc. Ngoài ra, trong năm 2014, PV GAS D cũng đã hoàn thành việc tăng vốn điều lệ lên 600 tỷ đồng.

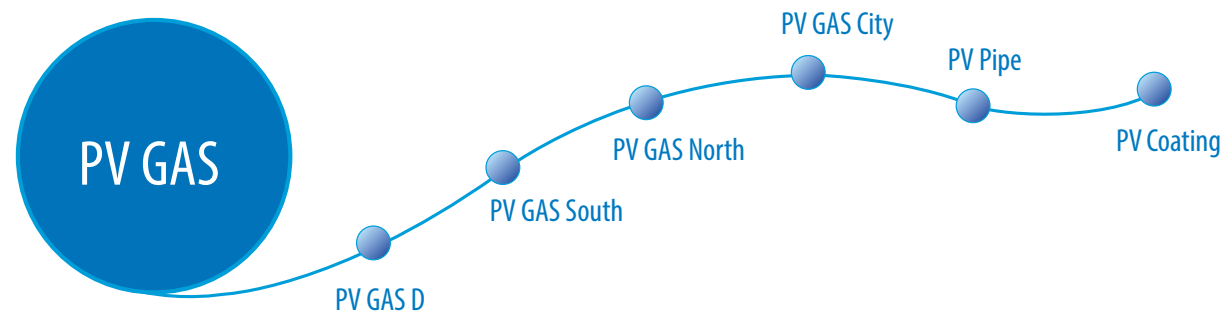
PV GAS South với 6 thương hiệu bình PetroVietnam, VTG, A Gas, Đặng Phước, Dak Gas, JP Gas đã cung cấp ra thị trường khoảng 237 nghìn tấn LPG cho các hộ gia đình, nhà hàng, khách sạn và khách hàng công nghiệp. Sở hữu hệ thống cơ sở vật chất khá tốt với đầy đủ kho chứa, trạm nạp LPG, trạm sơn sửa kiểm định bình phân bổ trên các khu vực thị trường kinh doanh, được sự hỗ trợ của PV GAS - Công ty mẹ về nguồn hàng,..., PV GAS South hiện là

công ty kinh doanh LPG (bán lẻ) hàng đầu tại thị trường miền Nam và Nam Trung Bộ về mặt sản lượng. Đối với hoạt động kinh doanh CNG, PV GAS South cùng công ty con là CNG Việt Nam vẫn chiếm lĩnh thị trường kinh doanh CNG tại khu vực Đông Nam Bộ, cung cấp khoảng 159 triệu m<sup>3</sup> CNG cho các khách hàng công nghiệp và phương tiện giao thông vận tải. Nhờ vậy, hoạt động kinh doanh của PV GAS South luôn đảm bảo hiệu quả với với 7.658 tỷ đồng doanh thu và 192 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế, đạt tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn điều lệ lên đến 50%.

Giá LPG thế giới giảm sâu, khác với quy luật các năm đã ảnh hưởng nhiều đến kết quả kinh doanh của PV GAS North. Tuy nhiên, đến nay, PV GAS North vẫn là công ty kinh doanh LPG (bán lẻ) hàng đầu tại thị trường miền Bắc và Bắc Trung Bộ về mặt sản lượng với



## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)



khoảng 197.000 tấn LPG. Sang năm 2015, PV GAS North sẽ tăng cường công tác dự báo, quản trị, nhạy bén với những biến động của thị trường để củng cố hoạt động kinh doanh LPG cũng như sẽ bắt đầu hợp tác với PV GAS D kinh doanh CNG tại tỉnh Thái Bình và các vùng lân cận từ quý III/2015, giúp PV GAS North đa dạng hóa sản phẩm và có thêm lợi nhuận.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của PV GAS City không thay đổi nhiều so với năm 2013, với các con số gần 40 nghìn tấn LPG, trên 853 tỷ đồng doanh thu và gần 10 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế do thị trường bất động sản còn trầm lắng, làm ảnh hưởng dây chuyền đến tiến độ triển khai và khai thác các dự án đầu tư và kinh doanh hệ thống gas trung tâm cho các khu đô thị, chung cư của PV GAS City. Trong những năm tiếp theo, khi thị trường bất động sản Việt Nam sôi động trở lại, hoạt động sản xuất kinh doanh của PV GAS City chắc chắn sẽ có nhiều chuyển biến tích cực.

Hiện nay, PV Pipe đã được các tổ chức thế giới cấp chứng nhận hệ thống quản lý HSE theo ISO 14001 & OHSAS 18001, chứng chỉ API 2B, API 5L - là những điều kiện cần thiết để PV Pipe

tham gia đấu thầu và ký kết hợp đồng sản xuất ống thép trong và ngoài ngành Dầu khí. Nhờ vậy, năm 2014, PV Pipe đã sản xuất và bàn giao trên 36 nghìn tấn ống thép cho các khách hàng, khẳng định năng lực của PV Pipe trong hoạt động sản xuất ống cho dự án trong và ngoài ngành Dầu khí. Bước sang năm 2015, PV Pipe sẽ tiếp tục sản xuất ống cho dự án Đường ống khí Nam Côn Sơn 2 - giai đoạn 1 (phần khối lượng công việc còn lại), Nhà máy xử lý khí Cà Mau cũng như cho các đơn hàng khác.

Công tác bọc ống, bàn giao ống bọc thành phẩm của PV Coating cho chủ đầu tư của các dự án (Đường ống khí Nam Côn Sơn 2 - giai đoạn 1, Nam Côn Sơn 2 - Bạch Hổ, Sư Tử Nâu, Sư Tử Vàng South West, H5/Tê Giác Trắng...) thực hiện đúng tiến độ cam kết và đảm bảo chất lượng, giúp PV Coating đạt doanh thu trên 1.001 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 148 tỷ đồng, cao hơn so với năm 2013 và kế hoạch năm 2014, đạt tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn điều lệ rất ấn tượng (68%), là điều kiện thuận lợi về mặt uy tín, tài chính để PV Coating tiếp tục tham gia đấu thầu bọc ống cho các dự án mới khác trong năm 2015.



ĐƠN VỊ NỘP THUẾ LỚN NHẤT VIỆT NAM



CÔNG TY CÓ GIÁ TRỊ NHẤT ĐÔNG NAM Á

### Nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến kỹ thuật

Hoạt động nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến kỹ thuật ngày càng có tính thực tiễn cao, đem lại lợi ích kinh tế thiết thực cho hoạt động sản xuất kinh doanh của PV GAS trong những năm qua cũng như những năm tiếp theo.

Các hoạt động cụ thể trong năm 2014 bao gồm:

+ Hoàn thành 6 đề tài nghiên cứu khoa học:

- Lập Quy hoạch hệ thống phân phối LNG tại miền Nam;
- Lập quy hoạch hệ thống phân phối LNG miền Bắc;
- Nghiên cứu, đánh giá các phương án sử dụng khí Cá Voi Xanh;
- Nghiên cứu áp dụng các công nghệ mới, không đường ống trong thu gom, vận chuyển và phân phối khí từ các mỏ nhỏ, cận biên và xa bờ;
- Nghiên cứu sản xuất khí từ than tại Việt Nam với KEPCO;
- Biên soạn tiêu chuẩn về hệ thống đo trong hệ thống cung cấp khí dân dụng cho các khu đô thị;

+ Tiếp tục triển khai đề tài xây dựng TCVN cho kho LNG vệ tinh - Hệ thống thiết bị và lắp đặt.

Tiếp tục phát huy truyền thống và kết quả đạt được của những năm trước, phong trào phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất được phát động ngay từ đầu năm, đến từng đơn vị, bộ phận và được toàn thể CBCNV PV GAS hưởng ứng sôi nổi, thiết thực, làm lợi cho PV GAS trên 56 tỷ đồng.

Ngoài ra, PV GAS cũng đã hoàn thành đề án Mô hình ngành công nghiệp khí Việt Nam, Chiến lược phát triển PV GAS đến năm 2025 và định hướng đến năm 2035, Kế hoạch 5 năm 2016 đến 2020, trình PVN và các cấp thẩm quyền xem xét, phê duyệt làm cơ sở để PV GAS triển khai thực hiện.



## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



“ TRONG NĂM 2014, PV GAS TRIỂN KHAI THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG ĐIỀU KIỆN KINH TẾ THẾ GIỚI CŨNG NHƯ TRONG NƯỚC CÓ PHỤC HỒI SONG VẪN CÒN NHIỀU KHÓ KHĂN. TRONG NƯỚC, TĂNG TRƯỞNG TÍN DỤNG VẪN CÒN Ở MỨC THẤP, TÌNH TRẠNG NỢ XẤU VẪN CHƯA ĐƯỢC CẢI THIỆN; GIÁ LPG THẾ GIỚI LIÊN TỤC BIẾN ĐỘNG VÀ GIẢM SÂU; GIÁ DẦU THÔ GIẢM THẤP NHẤT TRONG VÒNG 5 NĂM QUA,...



Nhờ chủ động nhìn nhận, lường trước được những trở ngại và có giải pháp phù hợp, kịp thời tháo gỡ những khó khăn vướng mắc trong quản lý, điều hành, sáng tạo trong sản xuất kinh doanh; tận dụng tốt những cơ hội, phát huy đầy đủ sức mạnh của cả hệ thống chính trị với sự đoàn kết, quyết tâm cao của tập thể Ban Lãnh đạo và toàn thể CBCNV, PV GAS đã thực hiện thắng lợi hầu hết các nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Đó là vận hành an toàn và liên tục hệ thống khí, không để sự cố đáng tiếc nào xảy ra ảnh hưởng đến con người và uy tín của PV GAS, hoàn thành và hoàn thành vượt mức hầu hết các chỉ tiêu kế hoạch, đặc biệt là chỉ tiêu lợi nhuận, nộp ngân sách Nhà nước, sản xuất khí khô, LPG và Condensate từ nguồn khí Cửu Long đã về đích trước thời hạn kế hoạch năm từ 2 đến 4 tháng; PV GAS được tạp chí Nikkei Asia Review công bố nằm trong danh sách 50 công ty giá trị nhất Đông Nam Á (Xếp thứ 48/50 công ty) và lọt vào top 2.000 doanh nghiệp lớn nhất thế giới do tạp chí Forbes bình chọn (Xếp thứ 1.651/2.000), tiếp tục là một trong số các đơn vị dẫn đầu của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam cũng như trên sàn giao dịch chứng khoán về lợi nhuận; đóng góp đáng kể vào ngân sách Nhà nước, góp phần cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ổn định kinh tế vĩ mô của cả nước. Cụ thể, những chỉ tiêu chính được trình bày trong bảng sau:



DOANH NGHIỆP LỚN NHẤT THẾ GIỚI DO TẠP CHÍ FORBES BÌNH CHỌN

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	TH 14	TH 14/KH14	TH 14/TH13
1	Khí ẩm (Khí vào bờ + Tiêu thụ cho EOR)	Tr.m <sup>3</sup>	10.137	103%	105%
2	Khí tiêu thụ (Khí khô + Khí ẩm cho EOR)	Tr.m <sup>3</sup>	9.969	104%	105%
3	Condensate	1000T	59	125%	95%
4	LPG	1000T	1.086	116%	102%
5	Doanh thu	Tỷ Đ	73.648	118%	112%
6	LN trước thuế	Tỷ Đ	17.991	171%	115%
7	LN sau thuế	Tỷ Đ	14.370	167%	114%
8	Tỷ suất LNST/VĐL	%	76	167%	114%
9	Nộp NSNN	Tỷ Đ	6.975	167%	120%
10	Vốn giải ngân ĐTXD (C.ty mẹ)	Tỷ Đ	4.156	89%	178%

Ghi chú:

Nếu tính cả sản lượng LPG của các đơn vị thành viên trừ phần trùng thì năm 2014 PV GAS cung cấp ra thị trường trong và ngoài nước là 1.269.329 tấn.

Bên cạnh việc vận hành an toàn các công trình khí, hoàn thành công tác bảo dưỡng sửa chữa lớn các hệ thống khí và đưa vào vận hành an toàn trước thời hạn, hoàn thành toàn bộ các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh, năm 2014, PV GAS còn thực hiện đầu tư các dự án Đường ống khí Nam Côn Sơn 2 - giai đoạn 1, Hàm Rồng - Thái Bình, Lô B - Ô Môn, Nâng công suất Kho chứa LPG Đình Vũ, Hải Phòng, Cấp bù khí ẩm Nam Côn Sơn; tổ chức đấu thầu dự án Nhà máy xử lý khí Cà Mau, Kho chứa LNG 1 triệu tấn/năm tại Thị Vải; chuẩn bị đầu tư các dự án Kho chứa, cảng LNG 3-6 triệu tấn/năm tại Sơn Mỹ, Đường ống khí Nam Côn Sơn 2 - giai đoạn 2, Thu gom và vận chuyển khí mỏ Sư Tử Trắng, Tách ethane từ nguồn khí Cửu Long và Nam Côn Sơn;...

Cùng với thành công của hoạt động sản xuất kinh doanh chính, lĩnh vực tiền lương, thu nhập và công tác an sinh xã hội cũng đã đạt kết quả tốt. PV GAS đảm bảo thu nhập của người lao động năm 2014 không thấp hơn năm 2013 và thực hiện các chính sách bảo hiểm tốt nhất cho người lao động mà Nhà nước cho phép. Năm 2014, PV GAS đã dành khoản kinh phí gần 100 tỷ đồng và 4 ngày lương của tất cả CBCNV PV GAS làm thêm vào 4 ngày thứ Bảy cho công tác an sinh xã hội, hỗ trợ rất nhiều chương trình ở các địa phương trong cả nước, góp phần không nhỏ trong công tác an sinh xã hội của PVN và cả nước.



## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

“ MỤC TIÊU PHÂN ĐẤU NĂM 2015 LÀ: VẬN HÀNH AN TOÀN, HIỆU QUẢ CÁC CÔNG TRÌNH KHÍ HIỆN CÓ, ĐẢM BẢO TIẾN ĐỘ CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ; CUNG CẤP TRÊN 9,5 TỶ M<sup>3</sup> KHÍ CHO CÁC HỘ TIÊU THỤ, ĐẢM BẢO SẢN LƯỢNG LPG CUNG CẤP CHIẾM 70% THỊ PHẦN TOÀN QUỐC, TIẾP TỤC LÀ ĐƠN VỊ CHỦ LỰC CỦA TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM VÀ ĐẠT ĐƯỢC KỶ VỌNG CỦA CỔ ĐÔNG PV GAS.



### Kế hoạch hoạt động năm 2015 của Hội đồng Quản trị

Theo dự báo, kinh tế thế giới vẫn còn nhiều khó khăn, tăng trưởng thấp. Những khó khăn chung của kinh tế thế giới sẽ tiếp tục ảnh hưởng đến kinh tế Việt Nam và đến hoạt động của các doanh nghiệp Việt Nam.

Đối với PV GAS, nhiệm vụ đặt ra cũng hết sức nặng nề và khó khăn. Đó là, ngoài việc đảm bảo vận hành an toàn, cấp khí với sản lượng được giao, trong năm 2015, PV GAS còn tiếp tục triển khai đồng loạt nhiều dự án quan trọng với yêu cầu vốn lớn, tiến độ gấp và liên quan đến nhiều bên.

Với đặc điểm tình hình trong và ngoài nước nói chung, cũng như của riêng PV GAS, để đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch năm 2015, HĐQT đã xác định những nội dung chính cần thực hiện như sau:

- Tiếp tục tổ chức bộ máy HĐQT làm việc chuyên nghiệp với tinh thần trách nhiệm cao, thực hiện tốt công tác chỉ đạo, giám sát hoạt động của Ban Điều hành;
- Duy trì các phiên họp định kỳ theo quy định và tổ chức họp bất thường khi cần thiết để giải quyết các công việc thuộc thẩm quyền của HĐQT, đồng thời tham gia đầy đủ các phiên họp của Ban Điều hành theo quy định/được mời để cùng Ban Điều hành xử lý kịp thời các công việc;
- Đôn đốc, giám sát chặt chẽ việc triển khai các Nghị quyết/Quyết định/Chỉ thị của HĐQT;
- Chỉ đạo xây dựng và thực hiện tái cấu trúc PV GAS theo hướng gọn nhẹ, hiệu quả và tập trung vào lĩnh vực kinh doanh cốt lõi;
- Chỉ đạo rà soát tổng thể công tác đầu tư xây dựng, ưu tiên tập trung nguồn lực cho thực hiện các dự án đầu tư trọng điểm, có hiệu quả;
- Chỉ đạo xây dựng và đưa vào áp dụng Văn hóa doanh nghiệp PV GAS, đảm bảo các hoạt động của PV GAS được thực hiện một cách chuyên nghiệp, xứng tầm;
- Chỉ đạo đẩy mạnh nghiên cứu, tìm kiếm đối tác hợp tác chiến lược, đặc biệt là các nhà đầu tư nước ngoài có chuyên môn sâu và kinh nghiệm về lĩnh vực khí, đảm bảo cho sự phát triển bền vững của PV GAS.







GIỮA BAN KIỂM SOÁT VÀ HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC PV GAS LUÔN CÓ SỰ PHỐI HỢP CHẶT CHẼ. CÁC BÁO CÁO TỔNG KẾT CÔNG TÁC KIỂM TRA, KIỂM SOÁT CỦA BAN KIỂM SOÁT ĐỀU ĐƯỢC GỬI TỚI HĐQT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC.

### Tình hình và kết quả hoạt động năm 2014 của Ban Kiểm soát

Thực hiện chức năng nhiệm vụ của Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều lệ PV GAS và quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát, năm 2014 Ban Kiểm soát đã tiến hành thực hiện giám sát các hoạt động của PV GAS như sau:

#### Công tác kiểm tra, kiểm toán

- Ban Kiểm soát tiến hành thực hiện công tác kiểm tra, kiểm toán theo đúng kế hoạch đã xây dựng từ đầu năm 2014 đối với các đơn vị (là các công ty trực thuộc và công ty cổ phần có vốn góp chi phối của PV GAS), phản ánh những kết quả đạt được, những tồn tại, thiếu sót trong hoạt động sản xuất kinh doanh tại các đơn vị và nêu kiến nghị, giải pháp khắc phục. Sau mỗi đợt kiểm tra, Ban Kiểm soát thông báo cho HĐQT/Tổng Giám đốc PV GAS để Tổng Giám đốc ban hành các chỉ thị đối với từng đơn vị;
- Công tác giám sát cũng được thực hiện thông qua các báo cáo định kỳ, đột xuất của các đơn vị, và thông qua kết quả kiểm tra, kiểm toán của các cơ quan quản lý Nhà nước, của cấp trên về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình quản lý sử dụng vốn, hoạt động đầu tư, thương mại, tiết giảm chi phí và công tác tái cấu trúc;
- Định kỳ hàng quý/năm, lập báo cáo kiểm tra, giám sát việc tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh và quản lý tài chính của PV GAS. Trong đó, Ban Kiểm soát phản ánh những thuận lợi, khó khăn, những kết quả đã đạt được và chưa đạt được để báo cáo cơ quan cấp trên (PVN).

#### Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2014

Tiến hành thẩm định Báo cáo tài chính hàng quý và cả năm, đảm bảo tính đúng đắn, minh bạch trong các báo cáo. Kết quả thẩm định cho thấy:

- Việc ghi chép, mở sổ kế toán, phân loại các nội dung kinh tế, theo các chuẩn mực kế toán do Bộ Tài chính ban hành, lập và nộp báo cáo theo đúng quy định Nhà nước, phản ánh tính đúng đắn và toàn diện hoạt động tài chính của PV GAS;
- Báo cáo tài chính năm 2014 của PV GAS đã phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính của PV GAS tại thời điểm 31/12/2014, cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2014;
- Tổ chức quản lý, lưu trữ chứng từ, sổ sách kế toán đúng quy định;
- Đã thực hiện báo cáo và công bố thông tin cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch Chứng khoán theo quy định của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;



- PV GAS thực hiện báo cáo quản trị đầy đủ theo quy định của PVN;
- Các chỉ số tài chính cho thấy tình hình tài chính năm 2014 của PV GAS là lành mạnh, đảm bảo khả năng thanh toán, bảo toàn và phát triển vốn;
- Báo cáo tài chính năm 2014 của PV GAS đã được Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam kiểm toán theo quy định tại Điều lệ PV GAS và Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2014.

### Kết quả giám sát việc thực hiện nhiệm vụ quản lý, điều hành của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

#### Hoạt động của Hội đồng Quản trị

- HĐQT đã nghiêm túc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2014 đã được ĐHĐCĐ thông qua;
- HĐQT đã ban hành các Nghị quyết/Quyết định/Chỉ thị liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng và tổ chức nhân sự theo đúng quy định tại Điều lệ PV GAS. HĐQT đã thực hiện tốt vai trò chỉ đạo, giám sát và hỗ trợ Ban Tổng Giám đốc và các phòng, ban chức năng, đơn vị của PV GAS điều hành tốt hoạt động sản xuất kinh doanh, và đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh được ĐHĐCĐ thông qua;
- HĐQT thực hiện nghiêm túc việc sắp xếp, ổn định hoạt động của PV GAS theo mô hình Công ty cổ phần, đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh liên tục; thực hiện tái cấu trúc theo Nghị quyết của PVN;
- HĐQT tiếp tục công tác thúc đẩy các hoạt động hợp tác, tìm kiếm cơ hội đầu tư trong và ngoài nước nhằm tìm thêm các nguồn khí, phát triển hệ thống đường ống thu gom, vận chuyển, xây dựng các kho chứa và chủ động tạo lập thị trường kinh doanh khí, quảng bá thương hiệu của PV GAS trên thị trường trong nước và quốc tế.

#### Hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

- Ban Tổng Giám đốc đã triển khai, chỉ đạo các đơn vị, phòng, ban chức năng phối hợp thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết/Quyết định/Chỉ thị của HĐQT và cố gắng khắc phục các khó khăn, có những biện pháp điều hành sát sao và đã hoàn thành xuất sắc, vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2014;
- Ban Tổng Giám đốc đã tăng cường công tác quản lý, đánh giá phân loại và có các biện pháp thu hồi, xử lý với các khoản nợ, hàng tồn kho, tài sản không



cần dùng tại đơn vị nhằm giảm thiểu rủi ro, hạn chế bị chiếm dụng vốn ảnh hưởng đến công tác cân đối vốn, dòng tiền phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh;

- Ban Tổng Giám đốc đã tiếp tục rà soát thường xuyên các dự án đầu tư nhằm đảm bảo việc triển khai dự án được an toàn, chất lượng, phù hợp với tiến độ phê duyệt;
- Ban Tổng Giám đốc đã làm việc thường xuyên với các đơn vị để kịp thời chấn chỉnh công tác sản xuất kinh doanh theo định hướng chung, giải quyết kịp thời các khó khăn vướng mắc trong sản xuất kinh doanh và đầu tư của từng đơn vị;
- Công tác tuyển dụng tại PV GAS thực hiện đúng quy trình, quy chế về tuyển dụng, đúng nhu cầu cần thiết cho công việc. Công tác nâng cao chất lượng đào tạo và phát triển nguồn lực có nhiều chuyển biến tích cực và được quán triệt đến từng công ty trực thuộc, thành viên, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả;
- Tiền lương và chế độ chính sách: PV GAS thực hiện nâng/điều chỉnh lương kịp thời cho CBCNV khi đến thời hạn, thực hiện chi trả lương đúng quy định, quy chế hiện hành.



### Báo cáo đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Giữa Ban Kiểm soát và HĐQT, Ban Tổng Giám đốc PV GAS luôn có sự phối hợp chặt chẽ. Ban Kiểm soát đã nhận được sự hợp tác, tạo điều kiện từ HĐQT, Ban Tổng Giám đốc trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình, như việc cung cấp thông tin, tài liệu, cử cán bộ làm việc với Ban Kiểm soát khi có yêu cầu. Các báo cáo tổng kết công tác kiểm tra, kiểm soát của Ban Kiểm soát đều được gửi tới HĐQT và Ban Tổng Giám đốc.

### Kế hoạch kiểm tra giám sát năm 2015 của Ban Kiểm soát

Để thực hiện nghiêm túc công tác kiểm soát theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ PV GAS, Ban Kiểm soát xây dựng kế hoạch làm việc năm 2015 như sau:

- Giám sát việc chấp hành các quy định của pháp luật, Điều lệ PV GAS, tình hình thực hiện các nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT PV GAS;
- Tiếp tục thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát các hoạt động điều hành, quản lý kinh doanh theo chức năng, nhiệm vụ quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ PV GAS;

- Giám sát việc chấp hành Điều lệ và các quy chế, quy trình quản lý nội bộ của PV GAS, đồng thời rà soát để góp ý chỉnh sửa các văn bản nội bộ của đơn vị phù hợp với các quy định hiện hành của Nhà nước, PVN, Điều lệ PV GAS và thực tiễn hoạt động tại đơn vị;
- Thực hiện giám sát và báo cáo tình hình thực hiện xử lý các khuyến nghị của PVN tại các báo cáo giám sát cũng như các chỉ thị/nghị quyết/quyết định... của PVN;
- Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện kế hoạch, tình hình triển khai công tác sản xuất kinh doanh, công tác đầu tư, công tác đấu thầu, mua sắm của PV GAS và các đơn vị trong PV GAS;
- Kiểm tra, giám sát kết quả triển khai thực hiện thực hành tiết kiệm chống lãng phí, tiết giảm chi phí (thực hiện cuối năm);
- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện tái cấu trúc;
- Tăng cường giám sát việc quản lý vốn đầu tư vào doanh nghiệp khác và Người đại diện của đơn vị tại doanh nghiệp khác;
- Giám sát, đôn đốc việc thực hiện các kiến nghị của các cơ quan quản lý Nhà nước, PVN;
- Xem xét, thẩm định báo cáo tài chính quý, năm của PV GAS;
- Lập và gửi báo cáo kiểm tra giám sát hàng quý, năm cho PVN đúng thời hạn;
- Tăng cường sự phối hợp chặt chẽ giữa các thành viên Ban Kiểm soát tại các đơn vị, với bộ phận kiểm soát nội bộ để thực hiện công tác kiểm tra, giám sát;
- Đẩy mạnh công tác phối hợp chặt chẽ với các bộ phận làm công tác kiểm toán, kiểm soát tại PVN để có được sự thống nhất, hỗ trợ tốt trong công việc kiểm tra, giám sát;
- Cử các thành viên trong Ban Kiểm soát tham gia các lớp đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, tham gia đầy đủ các hội nghị chuyên ngành liên quan đến công tác kiểm soát.





## DỮ LIỆU CỔ ĐÔNG

 **TRÊN 6 TỶ USD**  
GIÁ TRỊ VỐN HÓA THỊ TRƯỜNG NGÀY 31/12/2014

TỔNG SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU  
**1.895**  
TRIỆU CỔ PHIẾU

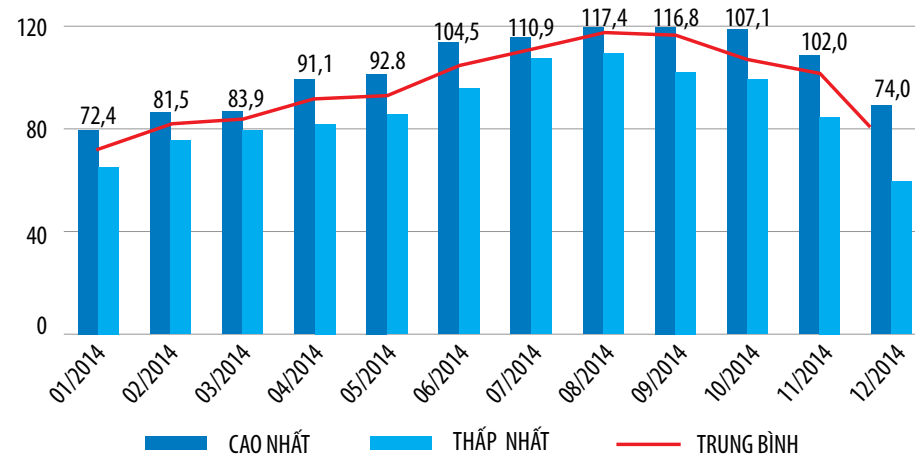
### THỐNG KÊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CỔ PHIẾU GAS TRONG NĂM 2014

Tổng số phiên	247 phiên
Tổng khối lượng khớp lệnh	106.480.800 cp
Tổng giá trị khớp lệnh	9.991.721.000.000 đồng
Giá cao nhất	128.000 đồng
Giá thấp nhất	60.000 đồng
Khối lượng giao dịch bình quân/ngày	422.734 cp
Khối lượng giao dịch cao nhất 52 tuần (16/01/2014)	1.857.438 cp
Khối lượng giao dịch thấp nhất 52 tuần (27/03/2014)	85.361 cp

### Giá cổ phiếu GAS

Năm 2014, cổ phiếu GAS luôn thu hút được sự quan tâm của nhà đầu tư trong và ngoài nước, có độ thanh khoản luôn ở mức cao, với khối lượng giao dịch bình quân/ngày đạt gần 500.000 cổ phiếu và khối lượng giao dịch cao nhất trong 52 tuần đạt 1.857.438 cổ phiếu (tại ngày 16/01/2014).

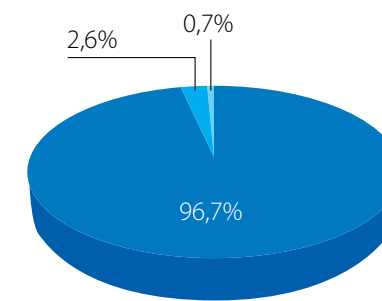
Biên độ tăng giảm của GAS lớn hơn khá nhiều so với diễn biến của thị trường chung. Giá cổ phiếu GAS biến động giảm nhiều trong những tháng cuối năm 2014, do giá dầu giảm mạnh, nhà đầu tư bán ra nhiều cổ phiếu theo tâm lý chung mà chưa đánh giá chính xác tác động của giá dầu đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của PV GAS.



### Cơ cấu cổ đông (Nguồn: Danh sách cổ đông chốt ngày 17/12/2014)

Ngày 16/05/2011, PV GAS chính thức cổ phần hóa và hoạt động theo mô hình công ty cổ phần. Đến ngày 31/12/2014, cổ đông lớn nhất của PV GAS là PVN - chiếm 96,72% tổng số cổ phần; 3,28% tổng số cổ phần còn lại được nắm giữ bởi các cổ đông là nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp trong, ngoài nước và các cổ đông khác.

#### Tỷ lệ sở hữu



- Cổ đông lớn sở hữu từ 5% cp trở lên
- Cổ đông là nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp (sở hữu < 5%)
- Cổ đông khác

STT	Danh mục	SL cổ phiếu	Tỷ lệ	SL cổ đông	Cơ cấu cổ đông	
					Tổ chức	Cá nhân
	<b>Tổng SL cổ phiếu</b>	<b>1.895.000.000</b>	<b>100,0%</b>	<b>4.067</b>	<b>158</b>	<b>3.909</b>
1	Cổ đông lớn sở hữu từ 5% cp trở lên					
	- Trong nước	1.832.835.900	96,7%	1	1	
	- Nước ngoài	0	0,0%			
2	Cổ đông là nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp (sở hữu < 5%)					
	- Trong nước	4.477.520	0,2%	28	28	
	- Nước ngoài	45.045.250	2,4%	116	116	
3	Cổ đông khác					
	- Trong nước	12.016.780	0,6%	3.732	10	3.722
	- Nước ngoài	624.550	0,0%	189	3	186
4	Công đoàn	50.000	0,0%	1		1
5	Cổ phiếu quỹ	0	0,0%			

#### Loại hình sở hữu

Stt	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu
<b>I</b>	<b>Cổ đông đặc biệt</b>	<b>1.832.992.800</b>	<b>96,7%</b>
1	Hội đồng Quản trị	1.832.958.800	96,7%
	- Trong nước	122.900	0,0%
	- Nhà nước	1.832.835.900	96,7%



## DỮ LIỆU CỔ ĐÔNG (tiếp theo)

2	Ban Tổng Giám đốc (không bao gồm TGD do đã thuộc danh sách HĐQT)	16.400	0,0%
3	Ban Kiểm soát	17.600	0,0%
4	Kế toán trưởng		
5	Người được ủy quyền CBTT	0	0,0%
<b>II</b>	<b>Cổ phiếu quỹ</b>	<b>0</b>	<b>0,0%</b>
<b>III</b>	<b>Công đoàn</b>	<b>50.000</b>	<b>0,0%</b>
<b>IV</b>	<b>Cổ đông khác</b>	<b>61.957.200</b>	<b>3,3%</b>
1	Trong nước	16.287.400	0,9%
	- Cá nhân	11.757.230	0,6%
	- Tổ chức	4.530.170	0,2%
2	Nước ngoài	45.669.800	2,4%
	- Cá nhân	411.100	0,0%
	- Tổ chức	45.258.700	2,4%
	<b>Cộng</b>	<b>1.895.000.000</b>	<b>100,0%</b>

Danh sách cổ đông lớn của PV GAS

Stt	Cổ đông	% số cp sở hữu
1	Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	96,72%
2	Beira Limited	0,15%
3	Norges Bank	0,15%
4	JPMorgan Vietnam Opportunities Fund	0,14%
5	Government of Singapore	0,10%
6	Schroder International Selection Fund	0,10%
7	Amersham Industries Limited	0,10%
8	Vietnam Investment Property Holdings Limited	0,10%
9	The Caravel Fund	0,09%
10	Danske Invest Sicav-Sif-Emerging and Frontier Markets SMID	0,09%
11	Vietnam Enterprise Investment Limited	0,09%
12	Tong Yang Vietnam Privatisation Trust Fund 1	0,06%
13	KITMC Worldwide Vietnam Rsp Balance Fund	0,06%
14	Goldman Sachs Funds	0,05%
15	Công ty TNHH Manulife Việt Nam	0,05%
16	Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán Việt Nam	0,05%
17	Wareham Group Limited	0,05%



## DANH HIỆU VÀ GIẢI THƯỞNG

**TOP 10**

**NHÂN HIỆU NỔI TIẾNG VIỆT NAM**  
(HỘI SỞ HỮU TRÍ TUỆ BÌNH CHỌN);

**TOP 50**

**DOANH NGHIỆP KINH DOANH HIỆU QUẢ NHẤT VIỆT NAM**  
(TẠP CHÍ NHỊP CẦU ĐẦU TƯ BÌNH CHỌN);

**TOP 50**

**CÔNG TY GIÁ TRỊ NHẤT ĐÔNG NAM Á**  
(TẠP CHÍ NIKKEI ASIAN REVIEW BÌNH CHỌN);

**TOP 500**

**DOANH NGHIỆP LỚN NHẤT VIỆT NAM VNR500**  
(CTCP BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ VN BÌNH CHỌN);

**TOP 1000**

**DOANH NGHIỆP NỘP THUẾ CAO NHẤT VIỆT NAM V1000**  
(CTCP BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ VN, BÁO VIETNAMNET, TẠP CHÍ THUẾ BÌNH CHỌN);

**TOP 2000**

**DOANH NGHIỆP LỚN NHẤT THẾ GIỚI GLOBAL2000**  
(TẠP CHÍ FORBES BÌNH CHỌN);

**DOANH NGHIỆP ĐẠT CHỈ SỐ TÍN NHIỆM, NHÀ CUNG CẤP CHẤT LƯỢNG**  
(VIỆN DOANH NGHIỆP VIỆT NAM BÌNH CHỌN).

# CHẮC niềm tin



HỆ THỐNG  
KHÍ CỬU LONG

370

KM



HỆ THỐNG  
KHÍ NAM CÔN SƠN

400

KM



HỆ THỐNG  
KHÍ CÀ MAU

325

KM

## QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

Tình hình quản trị  
Quản trị rủi ro  
Chính sách nhân viên  
Quan hệ cổ đông

3





## TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ

“ **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÓ 5 THÀNH VIÊN, TRONG ĐÓ CÓ 4 THÀNH VIÊN CHUYÊN TRÁCH VÀ 1 THÀNH VIÊN KIỂM NHIỆM CHỨC DANH TỔNG GIÁM ĐỐC PV GAS.** ”

### Hoạt động của Hội đồng Quản trị trong năm 2014

Trong năm 2014, HĐQT đã hoàn thành tốt chức năng nhiệm vụ của mình trong việc chỉ đạo, giám sát hoạt động của Ban Điều hành thông qua các quy chế, nghị quyết/quyết định (200 NQ/QĐ), các cuộc họp với Ban Điều hành. HĐQT luôn hỗ trợ tốt cho Tổng Giám đốc và Ban Điều hành PV GAS trong triển khai thực hiện các nhiệm vụ của PV GAS. Trong công tác chỉ đạo, HĐQT cũng đã có nhiều văn bản hỗ trợ các công ty thành viên. Việc giám sát, đôn đốc, hỗ trợ, kiểm tra của HĐQT đã giúp Ban Điều hành tổ chức triển khai các nghị quyết, quyết định của HĐQT kịp thời, hiệu quả, giúp cho PV GAS hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2014 một cách xuất sắc, tiếp tục là một trong những đơn vị dẫn đầu của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam. Cụ thể là:

- Các cuộc họp HĐQT: Các thành viên HĐQT đều tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT và các cuộc họp khác, trừ trường hợp đi công tác ở các tỉnh, thành khác. Khi không thể tham gia các cuộc họp do phải đi công tác ở các tỉnh, thành khác, thành viên HĐQT vắng mặt cho ý kiến, biểu quyết,... qua điện thoại;
- Tổ chức các cuộc họp HĐQT vào các ngày 16/01/2014, 02/04/2014, 01/10/2014, 24/12/2014;
- Tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2014;
- Chủ trì/đồng chủ trì nhiều cuộc họp quan trọng liên quan đến triển khai các dự án trọng điểm, công tác tái cấu trúc, sơ kết/tổng kết tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của PV GAS,... ;
- Tham gia tất cả các cuộc họp giao ban định kỳ của Ban TGD (16 cuộc họp).
- Kế hoạch: HĐQT đã chỉ đạo xây dựng, xem xét, thông qua và trình PVN đúng hạn Chiến lược phát triển PV GAS đến năm 2025 và định hướng đến năm 2035, Kế hoạch 5 năm 2016-2020, Kế hoạch 2015 và Mô hình ngành công nghiệp khí Việt Nam; phê duyệt phương án kinh doanh LPG Dinh Cố; đồng thời thông qua/phê duyệt kịp thời kế hoạch hoạt động năm 2015 cũng như các kế hoạch năm 2014 điều chỉnh/bổ sung trong quá trình triển khai thực hiện của tất cả các đơn vị trong PV GAS;
- HĐQT đã ban hành và giám sát chặt chẽ Chương trình Hành động số 205/CTr-KVN ngày 19/02/2014 về việc thực hiện Chương trình Hành động số 604/CTr-DKVN ngày 23/01/2014 của PVN triển khai thực hiện Nghị quyết 01/NQ-CP ngày 02/01/2014 của Chính phủ về những giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và dự toán vào ngân sách Nhà nước năm 2014;

- Tái cấu trúc: HĐQT đã chỉ đạo xây dựng và trình PVN vào tháng 10/2014 về phương án tăng vốn điều lệ của PV GAS; chấp thuận và chỉ đạo PV GAS D, PV GAS South, PV Pipe tăng vốn điều lệ (PV GAS D, PV Pipe đã thực hiện xong); chỉ đạo tích cực triển khai công tác tìm đối tác để bán toàn bộ/một phần vốn của PV GAS tại Seabank, CGT, PV Coating, PV Pipe theo kế hoạch PVN phê duyệt;
- HĐQT đã ban hành mới/sửa đổi nhiều quy chế/quy trình để phù hợp thực tế cũng như đảm bảo tính thống nhất, như Quy chế Quản lý công tác Đào tạo, Quy chế Tổ chức và Hoạt động của Ban liên lạc hưu trí, Quy chế Tài chính của đơn vị thành viên, Quy chế Quản lý nợ, Quy trình Giám sát và Đánh giá đầu tư, Quy trình Đấu giá LPG Dinh Cố,...;
- Đầu tư xây dựng và hoạt động sản xuất kinh doanh: HĐQT đã thực hiện phân cấp mạnh mẽ cho Tổng Giám đốc và các đơn vị, đồng thời tăng cường công tác kiểm tra, giám sát. Thông qua Ban Kiểm soát PV GAS, trên cơ sở kế hoạch được thống nhất giữa HĐQT và Ban Kiểm soát, Ban Kiểm soát đã thực hiện kiểm tra hoạt động sản xuất kinh doanh tại 10 đơn vị (6 công ty trực thuộc và 4 công ty cổ phần có vốn góp chi phối của PV GAS). Từ kết quả kiểm tra, Ban Lãnh đạo PV GAS đã có chỉ thị chấn chỉnh kịp thời đối với từng đơn vị. Về đầu tư

xây dựng, ngay từ đầu năm, HĐQT đã thông qua trình PVN phê duyệt Chương trình Giám sát và Đánh giá đầu tư cả năm 2014 làm cơ sở triển khai thực hiện. HĐQT đã thông qua/phê duyệt nhiều dự án lớn quan trọng, đó là: Dự án đầu tư, kế hoạch lựa chọn nhà thầu điều chỉnh, phân định trách nhiệm triển khai thực hiện dự án Nhà máy xử lý khí Cà Mau điều chỉnh; dự án đầu tư, kế hoạch lựa chọn nhà thầu điều chỉnh của dự án Đường ống khí Hàm Rồng - Thái Bình; Hồ sơ mời thầu dự án Kho chứa LNG 1 triệu tấn/năm tại Thị Vải; kế hoạch đấu thầu dự án Đường ống khí Nam Côn Sơn 2 - giai đoạn 1; dự án đầu tư, kế hoạch lựa chọn nhà thầu điều chỉnh của dự án Đường ống khí thấp áp Tiền Hải - Thái Bình; báo cáo quyết toán các dự án Đường ống khí Phú Mỹ - Tp. Hồ Chí Minh, Sư Tử Vàng - Rạng Đông, Rồng - Đồi Mồi, Kho LPG lạnh Thị Vải, tòa nhà PV GAS Tower,... Kết quả là các hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng của PV GAS thực hiện đúng định hướng, đúng các quy định hiện hành;

- Hợp tác đầu tư và các thỏa thuận dài hạn: Để phục vụ cho chiến lược phát triển ổn định, lâu dài, việc tìm kiếm, hợp tác với các khách hàng có tiềm lực, kinh nghiệm về lĩnh vực khí/liên quan lĩnh vực khí là hết sức quan trọng và cấp thiết. Chính vì vậy, năm 2014, một số nội dung hợp tác liên quan đến lĩnh vực này với đối tác nước ngoài đã

EPS  
**7.140**  
ĐỒNG

được HĐQT xem xét, chấp thuận làm cơ sở cho Ban Điều hành PV GAS triển khai (ký MOU với Shell Gas & Power Developments B.V về hợp tác trong dự án Kho chứa và cảng LNG 3-6 triệu tấn/năm tại Sơn Mỹ; ký MOU với Tokyo Gas về hợp tác trong lĩnh vực LNG; triển khai thành lập Liên doanh giữa PV GAS với Gazprom để thực hiện dự án sản xuất và kinh doanh LNG tại Việt Nam).

### Quyền lợi của Ban Điều hành

PV GAS xây dựng và áp dụng chế độ tiền lương, tiền thưởng cho Ban Điều hành phù hợp với các quy định của pháp luật và quy định của PVN về tiền lương, tiền thưởng và các chế độ chính sách đối với người đại diện của PVN tại PV GAS theo chức danh công việc đảm nhận và kết quả hoàn thành nhiệm vụ của từng thành viên, đồng thời hài hòa với Chính sách Nhân viên của PV GAS. Chế độ tiền lương, tiền thưởng của Ban Điều hành PV GAS được thực hiện theo quyết định của ĐHĐCĐ.





## TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ (tiếp theo)

### Nghị quyết/quyết định của HĐQT (phải công bố thông tin (CBTT) theo quy định của Thông tư 52/2012/TT-BTC)

Stt	NQ/QĐ	Ngày	Nội dung
1	35/NQ-KVN	27/02/14	Nghị quyết về việc thông qua kế hoạch chốt danh sách cổ đông và thời gian tổ chức cuộc họp đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 của PV GAS.
2	56/NQ-ĐHĐCĐ	17/04/14	Nghị quyết cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 của Tổng công ty khí Việt Nam - C.T.C.P.
3	61/NQ-KVN	25/04/14	Nghị quyết về việc phê duyệt chi trả cổ tức đợt 3 năm 2013 bằng tiền mặt.
4	104/NQ-KVN	05/09/14	Nghị quyết về việc phê duyệt tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2014 bằng tiền mặt.
5	1188/QĐ-KVN	01/10/14	Quyết định về việc bổ nhiệm ông Nguyễn Xuân Hòa.
6	1189/QĐ-KVN	01/10/14	Quyết định về việc bổ nhiệm ông Phạm Đăng Nam.
7	120/NQ-KVN	01/12/14	Nghị quyết về việc phê duyệt tạm ứng cổ tức đợt 2 năm 2014 bằng tiền mặt.

### Thay đổi danh sách về người có liên quan (NCLQ) của PV GAS theo quy định tại khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán

Stt	Tên	Chức vụ tại PV GAS	Thời điểm bắt đầu là NCLQ	Ghi chú
<b>Hội đồng Quản trị</b>				
1	Ông Nguyễn Xuân Hòa	Thành viên HĐQT	01/10/2014 (thay ông Vũ Đình Chiến-Nguyên PCT HĐQT)	QĐ 1188/QĐ-KVN ngày 01/10/2014
<b>Ban Tổng Giám đốc</b>				
1	Ông Phạm Đăng Nam	Phó TGD	01/10/2014	QĐ 1189/QĐ-KVN ngày 01/10/2014
<b>Người được ủy quyền CBTT</b>				
1	Ông Trịnh Văn Minh	Trưởng Ban KH	30/10/2014	Thay ông Đỗ Tấn

### Sở hữu của cổ đông nội bộ

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số CP nắm giữ (31/12/2014)	% tổng số CP (31/12/2014)
<b>Hội đồng Quản trị</b>				
1	Ông Lê Như Linh Đại diện phần vốn PVN	Chủ tịch HĐQT	0 506.335.900	0 26,7196
2	Ông Đỗ Khang Ninh Đại diện phần vốn PVN	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	107.000 379.000.000	0,00565 20
3	Ông Nguyễn Trung Dân Đại diện phần vốn PVN	Thành viên HĐQT	0 284.250.000	0 15



4	Ông Phan Quốc Nghĩa Đại diện phần vốn PVN	Thành viên HĐQT	15.900 284.250.000	0,00084 15
5	Ông Nguyễn Xuân Hòa Đại diện phần vốn PVN	Thành viên HĐQT	0 379.000.000	0 20

### Ban Kiểm soát

1	Ông Nguyễn Anh Tuấn	Trưởng BKS	0	0
2	Ông Phạm Đình Đạt	Thành viên BKS	11.500	0,00061
3	Bà Hồ Thị Ái Thanh	Thành viên BKS	6.100	0,00032

### Ban Tổng Giám đốc

1	Ông Đỗ Khang Ninh	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	Như trên	
2	Ông Dương Mạnh Sơn	Phó TGD	0	0
3	Ông Nguyễn Quốc Huy	Phó TGD	0	0
4	Ông Trần Hưng Hiển	Phó TGD	16.400	0,00087
5	Ông Nguyễn Thanh Nghị	Phó TGD	0	0
6	Ông Phạm Hồng Linh	Phó TGD	0	0
7	Ông Bùi Ngọc Quang	Phó TGD	0	0
8	Ông Hồ Tùng Vũ	Phó TGD	0	0
9	Ông Nguyễn Mậu Dũng	Phó TGD	0	0
10	Ông Phạm Đăng Nam	Phó TGD	0	0

### Kế toán trưởng

1	Ông Mai Hữu Ngạn	Kế toán trưởng	0	0
---	------------------	----------------	---	---

### Người được ủy quyền CBTT

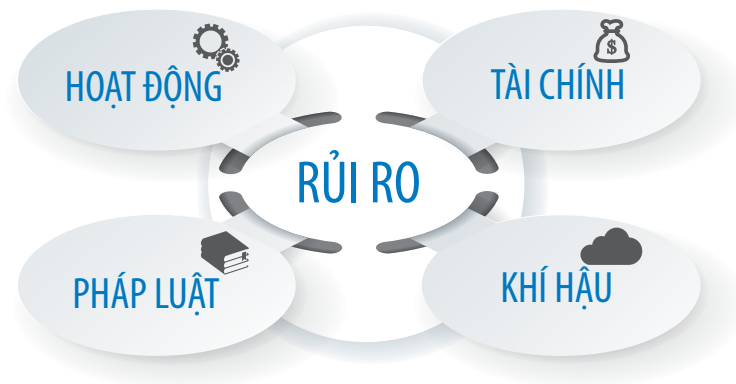
1	Ông Trịnh Văn Minh	Trưởng Ban KH	0	0
---	--------------------	---------------	---	---

### Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và người có liên quan

Stt	Người thực hiện giao dịch	Chức vụ/Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cp đầu kỳ	Số cp cuối kỳ
1	Ông Phạm Hồng Linh	Phó TGD	5.000	0

### Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ

Trong năm 2014, không phát sinh các giao dịch giữa PV GAS với các thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý.



“LÀ DOANH NGHIỆP HÀNG ĐẦU VÀ CHỦ ĐẠO TRONG NGÀNH CÔNG NGHIỆP KHÍ VIỆT NAM, PV GAS ĐÓN NHẬN NGÀY Càng NHIỀU CƠ HỘI CŨNG NHƯ THÁCH THỨC ĐÒI HỎI SỰ ĐỔI MỚI, NÂNG CAO NĂNG LỰC QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP; TRONG ĐÓ, CÔNG TÁC QUẢN TRỊ RỦI RO ĐÓNG VAI TRÒ QUAN TRỌNG, GÓP PHẦN MANG LẠI SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA DOANH NGHIỆP.”

Nhận thức rõ tầm quan trọng này, công tác quản trị rủi ro luôn được Ban Lãnh đạo PV GAS đặt lên hàng đầu, quan tâm hơn bao giờ hết, thông qua việc nhận dạng, đánh giá những nhân tố rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh, xây dựng và hoàn thiện hệ thống xác định, đánh giá, phân tích, kiểm soát rủi ro nhằm đạt hiệu quả sản xuất kinh doanh cao nhất.

Rủi ro chủ yếu tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của PV GAS được nhận diện và đánh giá như sau:

### Rủi ro hoạt động

#### Vận hành

Khí và các sản phẩm khí là những sản phẩm dễ cháy nổ, là nguyên nhân tiềm tàng gây thiệt hại về tài sản, con người, môi trường. Ngoài ra, nếu sự cố xảy ra trên các công trình, hệ thống đường ống dẫn khí thì đó sẽ là những nguyên nhân làm gián đoạn hoạt động sản xuất kinh doanh của PV GAS.

#### Giải pháp

- Đặt mục tiêu vận hành an toàn, chất lượng, bảo vệ môi trường lên trên hết;
- Thường xuyên kiểm tra việc tuân thủ các quy trình quản lý AT-CL-MT theo tiêu chuẩn quốc tế như OHSAS 18001:2007, ISO 9001:2008, ISO 14001:2004;
- Xây dựng đầy đủ các phương án chữa cháy, ứng cứu khẩn cấp, định kỳ hàng năm tổ chức thực tập các phương án;
- Công tác bảo dưỡng sửa chữa ngăn ngừa thường xuyên, đột xuất, kiểm định hiệu chuẩn, phóng thoi được triển khai theo kế hoạch, đúng quy trình, có chất lượng và đảm bảo hệ thống/công trình/nhà máy hoạt động ổn định, liên tục.

#### Nhân sự

Để phát triển ngành công nghiệp khí đặc thù đòi hỏi công nghệ và kỹ thuật cao, thì một lực lượng lao động thiếu hụt năng lực, nhân sự chủ chốt sẽ không thể tạo nên đòn bẩy để phát triển PV GAS.

#### Giải pháp

- Luôn tạo mọi điều kiện cho CBCNV PV GAS phát huy năng lực bản thân;
- Xây dựng và áp dụng chính sách lao động phù hợp.



### Quy trình, quy chế

Sự thiếu hụt hoặc sai sót của các quy trình, quy chế trong quản trị nội bộ sẽ gây nên tính mất thống nhất trong doanh nghiệp.

#### Giải pháp

- Thường xuyên ban hành mới/sửa đổi và ban hành lại các quy chế, quy trình để phù hợp với thực tế: Điều lệ, Quy chế Tài chính, Quy chế Kinh doanh khí thấp áp, Quy trình Đấu giá LPG Dinh Cố, Chương trình Giám sát Đánh giá đầu tư hằng năm,...

### Công nghệ thông tin

Trở thành công ty cổ phần, PV GAS chú trọng nhiều hơn nữa đến hệ thống công nghệ thông tin, cầu nối quan trọng giúp nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, thiết lập quan hệ với khách hàng, nhà đầu tư, đối tác, cổ đông. Hệ thống công nghệ thông tin không phù hợp, bị gián đoạn, không bảo mật sẽ gây ảnh hưởng lớn đến hoạt động của PV GAS.

#### Giải pháp

- Hoàn thiện hệ thống công nghệ thông tin phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của PV GAS: Áp dụng hệ thống quản lý ERP trong quản trị tài chính, kế toán; mở rộng phần mềm Maximo trong bảo dưỡng, sửa chữa; thiết lập phần mềm KPoint Online Project Collaboration trong quản lý dự án...;
- Ngày càng hoàn thiện website PV GAS, tăng cường công tác quan hệ cổ đông;
- Tăng cường hệ thống bảo mật thông tin.

### Công bố thông tin

Việc công bố thông tin chậm trễ, sai lệch sẽ ảnh hưởng đến niềm tin của cổ đông, nhà đầu tư, đối tác cũng như uy tín, hoạt động sản xuất kinh doanh của PV GAS.

#### Giải pháp

- Nâng cao hoạt động quản trị, đảm bảo tính minh bạch, công khai, hiệu quả;
- Thành lập tổ chuyên trách quan hệ cổ đông, đảm bảo cập nhật thông tin, công bố thông tin đảm bảo minh bạch và nhanh chóng.





### Rủi ro tài chính

#### Lãi suất

PV GAS chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi đã được ký kết. PV GAS chịu rủi ro lãi suất khi PV GAS vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định.

#### Giải pháp

- Duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

#### Tỷ giá hối đoái

Một số hoạt động của PV GAS chịu ảnh hưởng từ biến động tỷ giá: Kinh doanh khí và các sản phẩm khí; vay vốn bằng ngoại tệ để đầu tư các dự án.

#### Giải pháp

- Hoạt động kinh doanh khí và các sản phẩm khí: Ký hợp đồng bán khí, LPG cho khách hàng theo tỷ giá hiện hành;
- Các khoản vay ngoại tệ dài hạn: Chủ động làm việc với các ngân hàng thương mại để thu xếp được nguồn ngoại tệ với giá cạnh tranh nhất, tránh phát sinh chi phí chênh lệch tỷ giá.

#### Biến động giá

Giá dầu, giá CP ảnh hưởng đến giá mua; giá bán khí khô, LPG của PV GAS => ảnh hưởng đến tình hình tài chính PV GAS.

#### Giải pháp

- Lập tổ chuyên trách theo dõi thị trường; dự báo giá dầu, LPG để hoạch định kế hoạch kinh doanh khí khô, LPG hiệu quả;
- Triển khai dự án đầu tư xây dựng, có chính sách kinh doanh phù hợp với sự thay đổi của giá dầu, LPG;
- Xây dựng các phương án, giải pháp giá dầu, giá CP khác nhau để kịp thời ứng phó.

#### Thanh khoản

Hoạt động của PV GAS được duy trì rất ổn định và tăng trưởng liên tục trong những năm qua. Do đó, các chỉ số liên quan đến tính thanh khoản đều ở mức hợp lý, đảm bảo nguồn vốn và đáp ứng các nghĩa vụ tài chính của PV GAS.



#### Giải pháp

- Theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

#### Tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng, dẫn đến các tổn thất tài chính cho PV GAS. Hiện nay, PV GAS không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác, bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

#### Giải pháp

- Duy trì chính sách tín dụng phù hợp;
- Thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem PV GAS có chịu rủi ro tín dụng hay không.

#### Rủi ro khí hậu

Sự thay đổi khí hậu, mùa trong năm ảnh hưởng đến sản lượng tiêu thụ khí và các sản phẩm khí, đến sự cân đối cung - cầu khí của PV GAS.

#### Giải pháp

- Tăng cường công tác dự báo nhu cầu tiêu thụ nhằm khai thác hiệu quả, triệt để nguồn khí và sản phẩm khí.

#### Rủi ro pháp luật

Hoạt động của PV GAS chịu ảnh hưởng của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Dầu khí và thị trường chứng khoán, ... Sự thay đổi của Luật, các văn bản dưới Luật và biến động của thị trường chứng khoán ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của PV GAS.

#### Giải pháp

- Cập nhật thường xuyên Luật và các văn bản dưới Luật;
- Phổ biến rộng rãi các quy định, văn bản Luật liên quan tới CBCNV PV GAS.



“ PV GAS ĐÃ XÂY DỰNG VÀ BAN HÀNH CHÍNH SÁCH NHÂN VIÊN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VÀ ĐẶC THÙ CỦA PV GAS VỚI CƠ CHẾ TRẢ LƯƠNG, TRẢ THƯỞNG LINH HOẠT, CÓ TÍNH CẠNH TRANH THEO CƠ CHẾ THỊ TRƯỜNG NHẪM GIỮ VÀ THU HÚT NHÂN TÀI TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC LÀM VIỆC LÂU DÀI TẠI PV GAS.



#### Chính sách lương, thưởng, phúc lợi

- Đảm bảo tiền lương, thu nhập cao và ổn định; việc trả lương, trả thưởng và các chế độ đãi ngộ khác dựa trên năng lực thực sự và hiệu quả công việc của từng cá nhân;
- Thưởng thành tích định kỳ và đột xuất cho cá nhân và đơn vị, thưởng sáng kiến cải tiến; thưởng vận hành an toàn công trình khí; thưởng nhân các ngày lễ của quốc gia và sự kiện đặc biệt của PV GAS;
- Các loại phụ cấp đặc thù ngành khí được áp dụng phù hợp với điều kiện, môi trường làm việc của từng vị trí công việc;
- Chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của Nhà nước; chế độ bảo hiểm mang tính phúc lợi cao cho CBCNV (Bảo hiểm tai nạn, bảo hiểm sinh mạng và phẫu thuật nằm viện);
- Người lao động được khám và theo dõi sức khỏe định kỳ; chương trình du lịch trong và ngoài nước hàng năm; trợ cấp, tặng quà nhân các sự kiện đặc biệt của CBCNV;
- Phúc lợi cho gia đình CBCNV (Chính sách hỗ trợ đào tạo, khen thưởng thành tích học tập, ngày hội gia đình...); chế độ nhà công vụ hoặc trợ cấp tiền thuê nhà và hỗ trợ vay tiền mua nhà;
- Thường xuyên tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao cho CBCNV;

**Năm 2014, người lao động PV GAS được hưởng tiền lương, thu nhập ổn định cùng các chế độ đãi ngộ, phúc lợi khác nêu trên, xứng đáng với năng suất lao động cao.**

#### Chính sách tuyển dụng, sử dụng và phát triển tài năng

“Con người là yếu tố then chốt. Trân trọng, phát huy tối đa tiềm năng của mỗi nhân viên và trọng dụng nhân tài” là một trong những giá trị cốt lõi quan trọng của PV GAS. Do đó, việc xây dựng, củng cố và phát triển nguồn nhân lực có chất lượng luôn là ưu tiên hàng đầu trong Chiến lược Phát triển của PV GAS. Cụ thể là:

- Xây dựng và áp dụng triệt để hệ thống quy trình chuẩn từ tuyển mộ - tuyển chọn - đào tạo, hội nhập - để bạt, bổ nhiệm/phân công công việc - đánh giá thực hiện công việc - luân chuyển, điều động - đào tạo, phát triển - đãi ngộ;
- Đảm bảo tính công bằng, minh bạch và tiêu chuẩn hóa; không hạn chế nguồn ứng viên, tích cực đa dạng hóa công tác tuyển mộ, kể cả lao động là người nước ngoài, Việt kiều; công khai hóa quy trình tuyển dụng, các vị trí tuyển dụng có tiêu chuẩn chức danh công việc, yêu cầu trình độ cụ thể;
- Thực hiện xây dựng quy hoạch cán bộ toàn diện hàng năm, thực hiện chính sách luân chuyển cán bộ nhằm nâng cao năng lực và khả năng đảm nhận được nhiều công việc khác nhau khi cần thiết.

Năm 2014, PV GAS tuyển dụng thêm 369 người, nhằm bổ sung nhân sự cho các dự án mới, thay thế các nhân sự giảm do nghỉ hưu, chấm dứt hợp đồng lao động.

#### Chính sách đào tạo

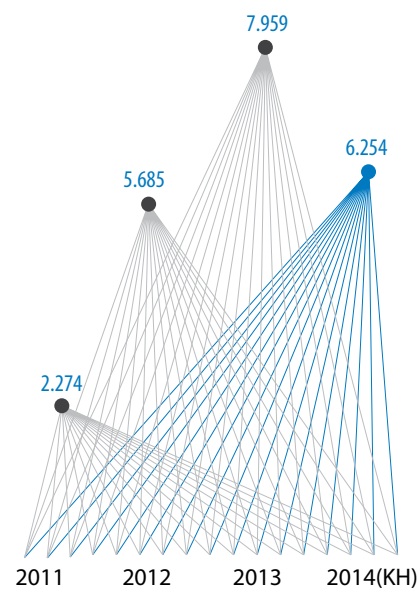
- CBCNV thường xuyên được đào tạo bồi dưỡng, trau dồi, nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ và tay nghề;
- Các khóa đào tạo trọng điểm của PV GAS cũng rất đặc thù và chuyên sâu như đào tạo về hệ thống đo đếm khí, chống ăn mòn đường ống, chế biến khí, đánh giá an toàn thiết bị đầu khí, kỹ năng vận hành, bảo dưỡng, xử lý sự cố, kỹ năng quản lý, quản lý an toàn;
- Xác định hạt nhân của công tác đào tạo, bồi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực chính là công tác đào tạo nội bộ (On the Job Training - OJT), là hình thức đào tạo mà PV GAS đặc biệt quan tâm, chú trọng. Đội ngũ giảng viên tham gia đào tạo nội bộ là các cán bộ quản lý, quản đốc, trưởng ca, kỹ sư có tay nghề chuyên môn cao, có thâm niên công tác trong ngành khí, am hiểu sâu sắc về công nghiệp khí.

**Năm 2014, PV GAS đã tổ chức đào tạo/cử gần 6.614 lượt người tham gia các khóa đào tạo nghiệp vụ trong và ngoài nước, bằng 150% kế hoạch năm, với kinh phí trên 27 tỷ đồng, bằng 125% kế hoạch năm.**



“ TẠI PV GAS, NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG QUAN HỆ VỚI NHÀ ĐẦU TƯ, CỔ ĐÔNG LÀ MỘT TRONG NHỮNG VẤN ĐỀ CỐT LÕI TRONG QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP, KHI MÀ HIỆN NAY, CÁC NHÀ ĐẦU TƯ THƯỜNG XEM CHẤT LƯỢNG QUẢN TRỊ CÔNG TY, QUAN HỆ CỔ ĐÔNG LÀ MỘT TRONG NHỮNG NHÂN TỐ QUAN TRỌNG KHI ĐƯA RA CÁC QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ. ”

Cổ tức bằng tiền mặt qua các năm (tỷ đồng)



Năm	Tỷ lệ cổ tức bằng tiền mặt (%/VDL)
2014 (Kế hoạch)	33
2013	42
2012	30
2011 (16/05/2011-31/12/2011)	12

Hoạt động quan hệ cổ đông tại PV GAS luôn hướng tới việc bảo vệ và tạo điều kiện để cổ đông PV GAS thực hiện đầy đủ quyền cổ đông. Cụ thể là:

- Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự và biểu quyết tại ĐHCĐ thường niên năm 2014;
  - Đảm bảo chi trả cổ tức đầy đủ, đúng thời hạn;
- Sau 4 năm niêm yết và giao dịch trên sàn giao dịch chứng khoán Tp.HCM, PV GAS luôn đảm bảo cổ tức bằng tiền mặt cho cổ đông với mức chi trả cao.
- Đảm bảo cung cấp thông tin kịp thời, minh bạch đến cổ đông
  - Tổ chức bộ phận chuyên trách quản trị website của PV GAS <http://www.pvgas.com.vn> về hạ tầng, ứng dụng công nghệ thông tin và về nội dung thông tin, đảm bảo tính sẵn sàng, liên tục, nhanh chóng của website và thông tin về hoạt động sản xuất kinh doanh của PV GAS được cung cấp, cập nhật đầy đủ, thường xuyên và chính xác;
  - Thành lập bộ phận quan hệ cổ đông, lập địa chỉ thư điện tử riêng của tổ IR: [IRGAS@pvgas.com.vn](mailto:IRGAS@pvgas.com.vn) - kênh liên lạc với cổ đông, nhà đầu tư, công ty chứng khoán;
  - Lập riêng chuyên mục Quan hệ cổ đông trên website PV GAS, tạo cầu nối giữa cổ đông và PV GAS;
  - Thực hiện công bố thông tin minh bạch, kịp thời, đúng quy định của pháp luật thông qua website của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM và website của PV GAS;
  - Chủ động liên lạc với cơ quan báo chí khi có thông tin sai lệch ảnh hưởng đến PV GAS; trả lời phỏng vấn trên các báo được cổ đông, nhà đầu tư quan tâm: Báo Đầu tư Chứng khoán, Tin nhanh Chứng khoán...
  - Tăng cường tổ chức các buổi gặp gỡ, tạo mối giao lưu trực tiếp giữa PV GAS với cổ đông, nhà đầu tư trong và ngoài nước, công ty quản lý quỹ, công ty chứng khoán;
  - Và tạo điều kiện cho cổ đông thực hiện các quyền khác của cổ đông theo quy định tại Điều lệ PV GAS.



# VỮNG tương lai

NĂM 2014

KHÍ TIÊU THỤ

 **9.969**

— TRIỆU M<sup>3</sup> —

CONDENSATE TIÊU THỤ

 **59**

— NGHÌN TẤN —

LPG TIÊU THỤ

 **1.269**

— NGHÌN TẤN —

**BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG**

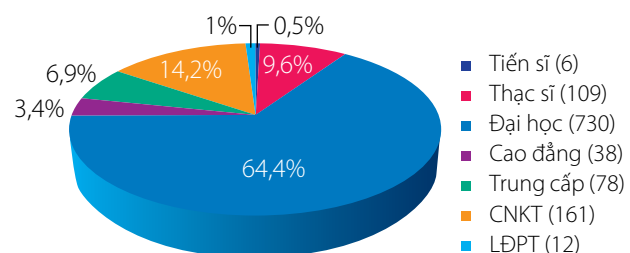
Con người và doanh nghiệp  
Hoạt động cộng đồng  
An toàn - chất lượng - sức khỏe - môi trường

“ TÍNH ĐẾN NGÀY 31/12/2014, TỔNG SỐ CBCNV CỦA PV GAS LÀ 3.550 NGƯỜI, TRONG ĐÓ TỔNG SỐ CBCNV TẠI CƠ QUAN ĐIỀU HÀNH VÀ CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC CỦA PV GAS LÀ 1.134 NGƯỜI. ”

**Cơ cấu lao động theo giới tính**

Gần 80% lao động của PV GAS là nam giới, trong đó tập trung vào các lĩnh vực vận hành, bảo dưỡng sửa chữa, xây dựng công trình khí.

**Cơ cấu lao động theo trình độ**



Đội ngũ lãnh đạo, CBCNV của PV GAS là những người có trình độ chuyên môn, tay nghề cao, có ý thức tổ chức kỷ luật trong lao động, trưởng thành qua thực tiễn sản xuất kinh doanh, đáp ứng yêu cầu phát triển và hội nhập kinh tế xã hội, làm chủ khoa học công nghệ. Lao động có trình độ từ đại học trở lên chiếm tỷ trọng 74,5%, tập trung trong nhóm lao động quản lý cấp cao và cấp trung, nhóm chuyên môn nghiệp vụ kỹ thuật. Nguồn lực lao động chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của ngành công nghiệp khí là tài sản quý báu đối với PV GAS, tạo thêm thế và lực cho PV GAS, là nhân tố then chốt giúp PV GAS đạt kết quả cao trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

**Văn hóa doanh nghiệp**

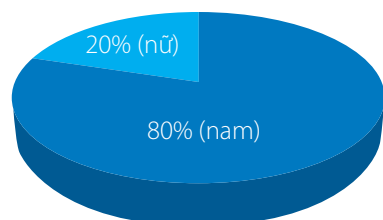
Để hòa nhịp với xu thế phát triển chung, PV GAS đã phát huy những thành tích đạt được và những kinh nghiệm đã được tích lũy. Cùng với sức trẻ, truyền thống đoàn kết nhất trí của tập thể lãnh đạo và CBCNV, PV GAS sẽ có những bước phát triển mạnh mẽ, trong điều kiện Việt Nam đang hội nhập sâu, rộng với cộng đồng quốc tế, để thực hiện thành công mục tiêu Chiến lược Phát triển PV GAS.

Nhận thấy tầm quan trọng của văn hóa doanh nghiệp trong việc nâng cao hiệu quả kinh doanh, là nhân tố củng cố sự gắn kết và cống hiến của đội ngũ CBCNV, Ban Lãnh đạo PV GAS luôn mong muốn xây dựng một nền văn hóa doanh nghiệp mang bản sắc riêng của PV GAS, tạo nên giá trị cốt lõi PV GAS, nhưng đồng thời cũng phù hợp, nhất quán với Văn hóa Doanh nghiệp PetroVietnam, để PV GAS không ngừng hoàn thiện và phát triển bền vững, trở thành một tổ chức thật sự chuyên nghiệp, hiệu quả và mang đến cho khách hàng những sản phẩm và dịch vụ với chất lượng tốt nhất. Tất cả nhân viên của PV GAS ở mọi cấp, đặc biệt là quản lý cấp cao đều phải là những “đại sứ” cho những giá trị này trong và ngoài PV GAS để tạo nên một thông điệp thương hiệu đồng nhất, khác biệt, góp phần phấn đấu thực hiện mục tiêu chiến lược là đưa nền công nghiệp khí trở thành một trong những ngành công nghiệp đầu tàu trong nền kinh tế, từng bước vươn ra thị trường quốc tế.

**Giá trị cốt lõi bao gồm:**

- An toàn là vấn đề sống còn;
- Trân trọng, phát huy tối đa tiềm năng của mỗi nhân viên và trọng dụng nhân tài;
- Phát triển bền vững cùng cộng đồng xã hội và môi trường thân thiện;
- Đề cao tính trách nhiệm với nhân viên, khách hàng, nhà đầu tư và đối tác;
- Tính chuyên nghiệp: Thành thạo công việc, năng động, sáng tạo và hiệu quả;
- Tính liên kết: Thống nhất, khả năng làm việc theo nhóm, phối hợp giữa các bộ phận trong PV GAS;
- Tính hội nhập: Luôn luôn chủ động thích ứng với những thay đổi của tình hình trong hội nhập quốc tế, bảo đảm hiệu quả và lợi ích Quốc gia;
- Tính trung thành: Trung thành với lợi ích Quốc gia, PVN và PV GAS;
- Tính quyết liệt: Tự tin, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì sự phát triển của PV GAS;
- Tính truyền thống: Phát huy truyền thống của “Những người đi tìm lửa”.

Ngành công nghiệp khí là ngành có yêu cầu đầu tư lớn về vốn, kỹ thuật, công nghệ với cơ sở vật chất, thiết bị hầu hết là loại kỹ thuật cao, tự động hoá. Vì vậy, công nghiệp khí có tiềm ẩn nguy cơ rủi ro rất cao, môi trường lao động nguy hiểm, độc hại cao, công trình khí tập trung trên biển hoặc xa khu dân cư. Đối với PV GAS, giá trị cốt lõi quan trọng nhất là “An toàn là vấn đề sống còn”. Đây là nhân tố được PV GAS đánh giá, xác định, lựa chọn và định hướng phát triển, thấm nhuần và lan tỏa trong từng ý nghĩ, hành động của từng người lao động PV GAS.



Cơ cấu lao động theo giới tính



Là doanh nghiệp hàng đầu trong ngành công nghiệp Khí Việt Nam, PV GAS nhận thức rõ vai trò của mình không chỉ là đơn vị tiên phong, đóng góp tích cực cho nền kinh tế Việt Nam, mà còn là đơn vị góp phần quan trọng phát triển xã hội, cộng đồng, đảm bảo an sinh.

Trong những năm qua, PV GAS đã chia sẻ, hỗ trợ các chương trình giáo dục thanh niên, nâng cao ý thức cộng đồng, gắn bó và mang lại lợi ích thiết thực cho công cuộc phát triển thế hệ tương lai, cũng như các chương trình y tế cộng đồng để chăm sóc sức khỏe và nâng cao đời sống cho nhân dân, là hoạt động ưu tiên có ý nghĩa mà PV GAS luôn tích cực tham gia. Trong năm 2014, PV GAS đã dành khoản kinh phí gần 100 tỷ đồng và 4 ngày lương làm thêm vào 4 ngày thứ Bảy của tất cả CBCNV PV GAS làm thêm cho công tác an sinh xã hội, thông qua các hoạt động:

- **Y tế:** Hỗ trợ trang thiết bị tại cho các bệnh viện đa khoa tỉnh Hà Tĩnh, Thống Nhất - Tp.HCM, Sân - nhi Phú Yên, Hữu Nghị - Hà Nội, Đa khoa Hòe Nhai - Hà Nội; hỗ trợ xây dựng trạm y tế tại các xã: Cổ Bi - Hải Dương, Thụy Sơn - Thái Bình; hỗ trợ Chương trình Mổ tìm cho bệnh nhân nghèo tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;
- **Giáo dục:** Xây dựng trường học ở Nghệ An, Phú Thọ, Hà Tĩnh, Tiền Hải, Kinh Môn, Quảng Bình, Quảng Yên, Quảng Trị..., trao học bổng cho các học sinh nghèo hiếu học...;
- **Hoạt động khác:** Tổ chức các hoạt động hưởng ứng Tháng Thanh niên 2014, hưởng ứng Giờ Trái đất; tổ chức hoạt động mừng Ngày 8/3; tổ chức Đêm Trung thu và tặng quà cho các em khó khăn tại Tp.HCM; Ngày hội Hiến máu Nhân đạo; xây dựng nhà Đại Đoàn kết; hoạt động từ thiện; tổ chức các phong trào thi đua lao động sản xuất, phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, các phong trào thể dục thể thao;...



“ THÔNG QUA CÁC CHƯƠNG TRÌNH AN SINH XÃ HỘI, HOẠT ĐỘNG CỘNG ĐỒNG, MÀ Ở ĐÓ CÓ SỰ CHIA SẺ, ĐỒNG CẢM, ĐỒNG LÒNG VÀ ĐOÀN KẾT CỦA TOÀN DÂN TỘC, BAN LÃNH ĐẠO CŨNG NHƯ CÁC TỔ CHỨC ĐOÀN THỂ, NGƯỜI LAO ĐỘNG PV GAS MONG MUỐN GÓP PHẦN XÂY DỰNG ĐẤT NƯỚC PHỒN VINH, GIÀU MẠNH. ”





TỔNG SỐ GIỜ LÀM VIỆC AN TOÀN

6,3

TRIỆU GIỜ

CHÍNH SÁCH AT-CL-SK-MT LÀ KIM CHỈ NAM CHO MỌI HOẠT ĐỘNG CỦA PV GAS NHẪM NGĂN NGỪA VÀ TIẾN TỚI ĐẢM BẢO KHÔNG CÓ CÁC THIẾT HẠI VỀ CON NGƯỜI, TÀI SẢN VÀ MÔI TRƯỜNG TRONG CÁC HOẠT ĐỘNG THU GOM, VẬN CHUYỂN, CHẾ BIẾN, TÀNG TRỮ, PHÂN PHỐI, KINH DOANH KHÍ VÀ CÁC SẢN PHẨM KHÍ

Ngành công nghiệp khí là một ngành có kỹ thuật và công nghệ tiên tiến, có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, phòng chống cháy nổ. Các công trình khí của PV GAS trải dài trên diện rộng, dưới biển, trên bờ, đi qua nhiều tỉnh, thành, nhiều khu vực có địa hình phức tạp như: Sông ngòi, rừng cây, khu công nghiệp, đường giao thông có các hoạt động sinh lửa, tiềm ẩn nhiều nguy cơ mất an toàn. Do đó, công tác AT-CL-SK-MT luôn là mối quan tâm hàng đầu của PV GAS.

Nếu như phương thức quản lý AT-CL-SK-MT truyền thống thường quan tâm đến việc đối phó với tai nạn, sự cố liên quan tới công việc thì tại PV GAS, công tác AT-CL-SK-MT được triển khai toàn diện cả phòng ngừa lẫn khắc phục sự cố. Trong đó, việc lập kế hoạch kiểm soát, hạn chế rủi ro được ưu tiên trước hết. Kinh nghiệm tại nhiều quốc gia đã cho thấy các sự cố cháy nổ công trình khí xảy ra thường để lại hậu quả vô cùng nặng nề, có khi trở thành thảm họa.

Công tác AT-CL-SK-MT tại PV GAS luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo thường xuyên, sát sao của Ban Lãnh đạo nhờ ý thức được mức độ rủi ro trên, tạo động lực thúc đẩy phong trào phát triển mạnh đến từng đơn vị trực thuộc, thành viên và người lao động, thực hiện tốt việc ngăn ngừa rủi ro, không để xảy ra sự cố nghiêm trọng ảnh hưởng đến con người, tài sản, môi trường cũng như hình ảnh, uy tín của PV GAS, bảo đảm hệ thống các công trình khí, nhà máy của PV GAS vận hành an toàn, ổn định, liên tục, cung cấp khí tối đa có thể cho các hộ tiêu thụ, góp phần đảm bảo an ninh năng lượng, lương thực Quốc gia.

Hệ thống quản lý AT-CL-SK-MT

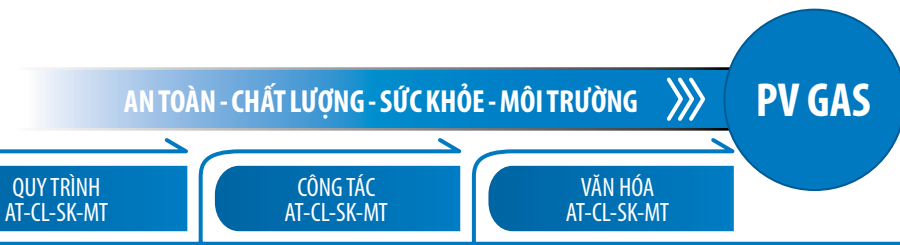
Trong quá trình sản xuất, kinh doanh, bên cạnh việc đầu tư xây dựng hệ thống cơ sở vật chất các công trình khí có chất lượng tốt, công nghệ hiện đại, đáp ứng các yêu cầu về vận hành an toàn theo tiêu chuẩn quốc tế thì tại tất cả các đơn vị trong toàn PV GAS đều đã xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến liên tục hệ thống quản lý AT-CL-SK-MT, bao gồm các quy định của pháp luật và Hệ thống Quản lý Tích hợp được các tổ chức quốc tế TUV, BSI đánh giá và cấp giấy chứng nhận: OHSAS 18001:2007, ISO 9001:2008, ISO 14001:2004.

Quy trình AT-CL-SK-MT

Đặc biệt, rất nhiều quy chế, quy trình quản lý để giảm thiểu rủi ro được triển khai tại PV GAS như: Thực hiện và Kiểm soát An toàn xuyên suốt quá trình sản xuất, kinh doanh; Tổ chức Kiểm tra, Giám sát định kỳ, đột xuất và đánh giá chi tiết việc thực hiện an toàn; Duy trì và Nâng cao Hiệu quả Huấn luyện, Đào tạo về an toàn; Thực hiện Bảo hộ Lao động; Chương trình Quan sát Huấn luyện An toàn,...

Công tác AT-CL-SK-MT

Công tác AT-CL-SK-MT luôn được đẩy mạnh và thực hiện nghiêm túc. Các hệ thống khí, cơ sở sản xuất kinh doanh hoạt động an toàn, không để sự cố đáng tiếc nào xảy



ra gây ảnh hưởng đến con người, môi trường và tài sản cũng như uy tín của PV GAS. Tổng số giờ làm việc an toàn trong năm 2014 trên 6,3 triệu giờ.

PV GAS đã tuân thủ đầy đủ các quy định của PV GAS, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và Nhà nước về công tác AT-CL-SK-MT cũng như đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế về công tác quản lý AT-CL-SK-MT; liên tục rà soát, ban hành đầy đủ các quy định, nội quy và biện pháp về đảm bảo AT-CL-SK-MT theo quy định của pháp luật; tổ chức kiểm tra thường xuyên, kịp thời chỉ ra các khuyến cáo để nâng cao độ tin cậy của hệ thống, đảm bảo cho công trình vận hành an toàn, liên tục, ổn định; xây dựng đầy đủ các phương án chữa cháy, ứng cứu khẩn cấp và tổ chức diễn tập định kỳ hàng năm với nhiều lực lượng tham gia; huấn luyện nghiệp vụ AT-CL-SK-MT cho toàn thể CBCNV; tổ chức/phối hợp chặt chẽ với Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển, Bộ Tư lệnh Hải quân, Cục Hàng hải Việt Nam và Cục Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản và chính quyền địa phương các tỉnh thực hiện tốt công tác tuần tra, truyền thông bảo vệ đường ống dẫn khí dưới biển. Công tác thống kê, kiểm tra, báo cáo về an ninh, an toàn, PCCC các công trình khí với các bộ ngành, chính quyền địa phương cũng như PVN luôn được thực hiện đầy đủ. Kết quả là các cơ sở sản xuất kinh doanh của PV GAS hoạt động an toàn, không vi phạm quy định về môi trường, không để sự cố nghiêm trọng nào xảy ra.

PV GAS hiện có Văn phòng Ứng cứu Sự cố Khẩn cấp, được trang bị đầy đủ các phương tiện thông tin liên lạc, duy trì chế độ liên lạc 24/24h, thường

xuyên theo dõi, cập nhật thông tin với Ban Chỉ đạo Ứng cứu Khẩn cấp của PVN, các cơ quan quản lý Nhà nước, chính quyền địa phương nơi có các công trình khí. Tất cả các đơn vị trong PV GAS đều có quy trình ứng cứu khẩn cấp, phân định trách nhiệm về công tác bảo đảm an toàn, phòng cháy chữa cháy; có Ban Chỉ đạo, Ban Chỉ huy Ứng cứu Khẩn cấp và duy trì chế độ thường trực ứng cứu thường xuyên.

Văn hóa AT-CL-SK-MT tại PV GAS

Các thống kê về tai nạn lao động ở Việt Nam và thế giới cho thấy, bên cạnh những nguyên nhân khách quan, thì tai nạn lao động, sự cố xảy ra thường gắn với việc người lao động không tuân thủ quy trình kỹ thuật an toàn khi làm việc. Nhiều người lao động còn chủ quan, cho rằng việc áp dụng các quy định về quản lý AT-CL-SK-MT sẽ làm ảnh hưởng đến năng suất lao động cũng như ngại phải sử dụng các trang thiết bị, phương tiện bảo vệ cá nhân. Tuy nhiên, trên thực tế, chi phí và năng suất bị mất đi cho thời gian thực hiện các bước đảm bảo an toàn lao động là không đáng kể so với thiệt hại về con người, tài sản và môi trường khi xảy ra sự cố.

Chính vì vậy, PV GAS định hướng xây dựng chuẩn văn hóa an toàn lao động, xây dựng ý thức về an toàn trong từng người lao động và xem đây là một trong những chuẩn hàng đầu để xây dựng một nền văn hóa doanh nghiệp phát triển bền vững. Để làm được việc này, người lao động PV GAS thường xuyên được cập nhật, phổ biến kiến thức về an toàn để tự bảo vệ mình và bảo đảm an toàn cho tập thể người

lao động tại nơi mình làm việc. PV GAS cũng có các chế độ thưởng, phạt rõ ràng với người lao động, khuyến khích phát huy và áp dụng các sáng kiến, sáng chế, đánh giá AT-CL-SK-MT trước khi thực hiện công việc nhằm hạn chế rủi ro; đồng thời xử lý nghiêm những trường hợp không tuân thủ quy định an toàn, gây nguy cơ để xảy ra các tai nạn, sự cố. Từ đó, văn hóa AT-CL-SK-MT thấm nhuần vào từng người lao động PV GAS, giúp giảm thiểu tai nạn, sự cố do lỗi con người và góp phần thực hiện thành công chính sách AT-CL-SK-MT của PV GAS.

Chính sách AT-CL-SK-MT là kim chỉ nam cho mọi hoạt động của PV GAS nhằm ngăn ngừa và tiến tới đảm bảo không có các thiệt hại về con người, tài sản và môi trường trong các hoạt động thu gom, vận chuyển, chế biến, tàng trữ, phân phối, kinh doanh khí và các sản phẩm khí, hướng tới sự thỏa mãn nhu cầu ngày càng cao của khách hàng về một nguồn nguyên, nhiên liệu sạch, có chất lượng và mang tính cạnh tranh. Mọi tập thể và cá nhân trong PV GAS có trách nhiệm cùng lãnh đạo các cấp xây dựng và duy trì nền Văn hóa An toàn PV GAS.

Được đánh giá đúng vai trò trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đưa ra các giải pháp kiểm soát để duy trì an toàn, đáp ứng các yêu cầu của pháp luật Việt Nam và chuẩn mực quốc tế, thời gian qua, công tác AT-CL-SK-MT của PV GAS được duy trì, cải tiến liên tục, đã, đang và sẽ luôn là nhân tố góp phần quan trọng vào thành công chung, phù hợp với định hướng phát triển bền vững của PV GAS.

# RỘNG quy mô

NĂM 2014

TỔNG SỐ LAO ĐỘNG

 **3.550**

NGƯỜI

LAO ĐỘNG CÓ TRÌNH ĐỘ  
TRÊN ĐẠI HỌC

 **74,5**

%

ĐÀO TẠO

 **6.614**

LƯỢT NGƯỜI

## MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

Mạng lưới hoạt động  
Đối tác  
Công ty trực thuộc  
Công ty thành viên

5







“ **HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA PV GAS ĐIỂN RA SONG SONG VỚI HOẠT ĐỘNG VẬN HÀNH VÀ SẢN XUẤT, NGHĨA LÀ CÙNG BẮT ĐẦU KỂ TỪ KHI CÓ DÒNG KHÍ ĐẦU TIÊN VÀO BỜ VÀO NĂM 1995 ĐẾN NAY, ĐIỂN RA LIÊN TỤC SUỐT CÁC NGÀY TRONG NĂM VÀ 24/24 GIỜ; CHỦ YẾU BAO GỒM KINH DOANH KHÍ, LPG, CONDENSATE, VẬN CHUYỂN KHÍ,...** ”

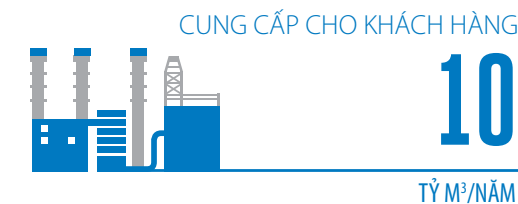
Với các khách hàng lớn hiện nay là các nhà máy điện, nhà máy đạm, Công ty cổ phần phân phối khí thấp áp Dầu khí Việt Nam (PV GAS D), Liên doanh Dầu khí Nhật Việt (JVPC), công ty kinh doanh LPG, nhà máy chế biến Condensate,... do PV GAS và các công ty trực thuộc trực tiếp thực hiện (bao gồm Công ty vận chuyển khí Đông Nam Bộ, Công ty khí Cà Mau, Công ty đường ống khí Nam Côn Sơn, Công ty chế biến khí Vũng Tàu, Công ty kinh doanh sản phẩm khí). Hoạt động kinh doanh không chỉ hướng tới mục tiêu đem lại lợi nhuận cho PV GAS mỗi năm trong hiện tại, mà còn phải cân đối hợp lý để khai thác có hiệu quả nguồn khí và đảm bảo lợi nhuận lâu dài cho PV GAS.

### Khí ẩm, khí khô

Khí ẩm là khí khai thác lên từ các mỏ, chưa qua xử lý.

Khí khô là sản phẩm khí thu được từ khí thiên nhiên hay khí đồng hành sau khi đã xử lý tách nước và các tạp chất cơ học, tách khí dầu mỏ hóa lỏng và condensate tại nhà máy xử lý khí, có thành phần chủ yếu là methane (CH<sub>4</sub>); được sử dụng rộng rãi trên thế giới và Việt Nam, làm nhiên liệu cho các nhà máy điện và làm nguyên liệu sản xuất phân đạm, methanol, DME...

Khí là sản phẩm đầu tiên PV GAS kinh doanh từ năm 1995 khi có dòng khí đầu tiên từ mỏ Bạch Hổ, bể Cửu Long với công suất ban đầu là 1 triệu m<sup>3</sup> khí/ngày đêm. Cùng với việc liên tục đầu tư thu gom, khai thác khí bể Cửu Long, Nam Côn Sơn, PM3, sản lượng khí cung cấp cho khách hàng đến nay đạt mức xấp xỉ 10 tỷ m<sup>3</sup> khí/năm.



**Hiện nay, hoạt động vận chuyển, kinh doanh khí của PV GAS được thực hiện theo 3 hình thức:**

### 3 hình thức kinh doanh chính

- PV GAS mua khí từ PVN (PVN mua khí từ các chủ mỏ) và bán khí cho các khách hàng. Hình thức này hiện đang được áp dụng đối với khí bể Cửu Long;
- PV GAS mua khí trực tiếp từ chủ mỏ và bán khí cho các khách hàng. Hình thức này hiện đang được áp dụng đối với khí bể Nam Côn Sơn;
- PV GAS chỉ thu gom, vận chuyển khí, đóng vai trò là bên vận chuyển. Hình thức này hiện đang được áp dụng đối với khí mỏ PM3, bể Malay - Thổ Chu.

Từ chỗ chỉ có 1 khách hàng duy nhất vào năm 1995 là Nhà máy điện Bà Rịa, đến nay PV GAS đang vận chuyển và bán khí cho 15 khách hàng, bao gồm 11 nhà máy điện (Bà Rịa, Phú Mỹ 1, 2.1, 2.2, 3, 4, Nhơn Trạch 1, 2, Hiệp Phước, Cà Mau 1, 2), 2 nhà máy đạm (Phú Mỹ, Cà Mau), JVPC và PV GAS D. Khu vực Đông Nam Bộ có đủ 4 nhóm khách hàng là nhà máy điện, đạm, khách hàng tiêu thụ khí thấp áp và JVPC. Hiện nay, các nhà máy điện là khách hàng lớn nhất của PV GAS; trong tổng số 9.969 triệu m<sup>3</sup> khí tiêu thụ năm 2014, sản lượng khí cung cấp cho các nhà máy điện chiếm 83%, tùy thuộc điều kiện thời tiết nắng nóng hay mưa nhiều mà EVN huy động thủy điện và nhiệt điện khác nhau; tiếp theo là 2 nhà máy đạm Phú Mỹ và Cà Mau: Tiêu thụ 11%; khách hàng tiêu thụ khí thấp áp: 6%; JVPC: Sản lượng tiêu thụ đủ đáp ứng nhu cầu của dự án Nâng cao Hiệu suất Thu hồi dầu (EOR).

PV GAS có chủ trương tăng dần tỷ trọng sản lượng khí bán cho khách hàng tiêu thụ khí thấp áp trong cơ cấu khách hàng, giúp PV GAS chủ động hơn trong kinh doanh khí và hạn chế dần sự phụ thuộc vào nhóm khách hàng lớn, bằng cách củng cố và tăng thêm sản lượng khí cấp cho khách hàng tiêu thụ khí thấp áp tại khu vực Đông Nam Bộ, sớm hoàn thành đầu tư dự án đường ống khí Hàm Rồng - Thái Bình để cấp khí cho các khách hàng tiêu thụ khí thấp áp tại Thái Bình và các tỉnh lân cận vào năm 2015.

### Khí thấp áp và CNG (Compressed Natural Gas)

Khí thấp áp và CNG là 2 dạng tồn tại khác của khí khô ở các điều kiện áp suất khác nhau; trong đó, khí thấp áp ở áp suất thấp (khoảng trên dưới 10 bar, tùy theo yêu cầu của từng khách hàng), được cung cấp tới nơi tiêu thụ bằng đường ống; và CNG ở áp suất cao (có thể lên tới 250 bar), được nén vào các bồn chuyên dụng và vận chuyển đến nơi tiêu thụ bằng các đầu kéo.

PV GAS D, PV GAS South - 2 công ty thành viên của PV GAS, và CNG Việt Nam - công ty thành viên của PV GAS South, là 3 công ty duy nhất tại Việt Nam hiện nay trực tiếp sản xuất và kinh doanh khí thấp áp và CNG, cung cấp cho các hộ tiêu thụ tại khu vực Đông Nam Bộ (các nhà máy sản xuất công nghiệp, phương tiện giao thông vận tải) với sản lượng trung bình khoảng 630 triệu m<sup>3</sup> khí thấp áp và 150 triệu m<sup>3</sup> CNG/năm.



Trong năm 2015, các đơn vị thành viên của PV GAS là PV GAS D, PV GAS North, PV GAS South sẽ tiếp tục mở rộng mạng lưới phân phối khí thấp áp và CNG ra thị trường miền Bắc từ nguồn khí Thái Bình, kéo dài chuỗi hoạt động sản xuất kinh doanh trong toàn PV GAS.

### LPG

LPG - Liquefied Petroleum Gas - khí dầu mỏ hóa lỏng là hỗn hợp hydrocarbon nhẹ, chủ yếu gồm propane và butane, có thể bảo quản và vận chuyển ở thể lỏng trong điều kiện áp suất trung bình ở nhiệt độ môi trường. Với lợi thế là chất đốt sạch, LPG là một trong những loại nhiên liệu quan trọng và phổ biến tại Việt Nam.

PV GAS bắt đầu kinh doanh LPG (và Condensate) vào năm 1998 sau khi hoàn thành đầu tư và đưa vào hoạt động Nhà máy xử lý khí Dinh Cố.

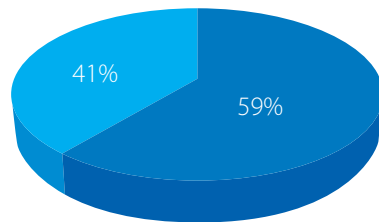
### Sản xuất, mua và nhập khẩu LPG

PV GAS kinh doanh LPG từ 3 nguồn: LPG do Nhà máy xử lý khí Dinh Cố, Nhà máy lọc dầu Dung Quất sản xuất và LPG nhập khẩu.

- LPG do Nhà máy xử lý khí Dinh Cố của PV GAS sản xuất từ khí Cửu Long có sản lượng hằng năm thay đổi theo sản lượng khí Cửu Long về bờ và tỷ lệ thu hồi sản phẩm lỏng. Năm 2014, PV GAS kinh doanh 290,3 nghìn tấn LPG Dinh Cố, chủ yếu cung cấp cho thị trường miền Nam;
- LPG do Nhà máy lọc dầu Dung Quất sản xuất: PV GAS (và các công ty thành viên) tham gia đấu giá 6 tháng/lần để mua và thực hiện bao tiêu một phần sản lượng. Khi đó, PV GAS cũng như các khách hàng khác, dựa trên kết quả đánh giá, dự báo về thị trường và phương án kinh doanh LPG của PV GAS để quyết định đấu giá mức Premium phù hợp với từng khu vực thị trường, (không đấu giá CP; giá CP thay đổi hằng tháng theo công bố của Công ty Saudi Aramco). Năm 2014, PV GAS kinh doanh 73,7 nghìn tấn LPG Dung Quất để cung cấp cho cả 3 khu vực thị trường là miền Bắc, Trung và Nam.
- LPG nhập khẩu và kinh doanh quốc tế: PV GAS nhập khẩu LPG lạnh thông qua hợp đồng nhập khẩu định hạn từ nhà sản xuất lớn ADNOC tại Trung Đông và các hợp đồng spot từ các quốc gia khác như Qatar, UAE, Arab Saudi, Kuwait và nhập khẩu LPG định áp bằng các chuyến hàng nhỏ từ nam Trung Quốc. Năm 2014, PV GAS kinh doanh 722 nghìn tấn LPG nhập khẩu và kinh doanh quốc tế để cung cấp cho thị trường nội địa và nước ngoài.

Và tương tự như khi mua LPG Dung Quất, khi nhập khẩu và kinh doanh LPG quốc tế, PV GAS và các đối tác chỉ thỏa thuận mức Premium (còn giá CP theo công bố giá CP hàng tháng của Công ty Saudi Aramco như thông lệ quốc tế).

Sản lượng LPG theo thị trường tiêu thụ năm 2014



■ Tiêu thụ nội địa

■ Xuất khẩu và kinh doanh quốc tế



### Bán, xuất khẩu LPG

#### Về đối tượng khách hàng:

- Khách hàng trong nước: Với vị trí là nhà bán buôn cấp nguồn lớn nhất thị trường Việt Nam, PV GAS có hợp đồng mua bán LPG với hầu hết các doanh nghiệp kinh doanh LPG lớn tại thị trường các miền Bắc, Trung, Nam. Số lượng khách hàng lớn nhỏ thường xuyên có giao dịch mua bán với PV GAS là khoảng 40-50, như Petrolimex, Saigon Petro, Gas Petronas, ... và 3 công ty thành viên của mình là PV GAS South, PV GAS North và PV GAS City với sản lượng khoảng 639 nghìn tấn trong năm 2014.
- Khách hàng nước ngoài: Năm 2014, PV GAS xuất khẩu LPG sang thị trường Campuchia, Malaysia, Bangladesh, Philippines, Indonesia với sản lượng tương đương 312 nghìn tấn.

Ngoài ra, như đã nêu trên, PV GAS còn tiến hành hoạt động giao dịch trao đổi hàng hóa (kinh doanh LPG quốc tế) với nhiều nhà kinh doanh LPG nước ngoài với tổng khối lượng LPG giao dịch trên thị trường nước ngoài đạt khoảng 135 nghìn tấn trong năm 2014.

#### Về chính sách bán hàng:

- Đối với LPG Dinh Cố, PV GAS tổ chức đấu giá công khai 6 tháng/lần và mời các khách hàng đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh LPG (theo Nghị định 107/2009/NĐ-CP ngày 26/11/2009 của Chính phủ) tham

gia. Tương tự như phương thức đấu giá LPG Dung Quất, các doanh nghiệp kinh doanh LPG tự quyết định đấu giá mức Premium phù hợp cho từng khu vực thị trường;

- Đối với LPG nhập khẩu: PV GAS thực hiện cơ chế giá bán cạnh tranh (so sánh mức Premium) với LPG nhập khẩu từ các nước trong khu vực về thị trường Việt Nam và các nguồn LPG nội địa khác, trên nguyên tắc đảm bảo hiệu quả kinh doanh;
- Tương tự như vậy, đối với hoạt động giao dịch trao đổi hàng hóa (kinh doanh LPG quốc tế), PV GAS cũng thực hiện cơ chế giá bán cạnh tranh (so sánh mức Premium) với LPG tại thị trường Trung Đông, cũng trên nguyên tắc đảm bảo hiệu quả kinh doanh.

Như vậy hoạt động kinh doanh LPG của PV GAS, dù với vai trò là bên mua hay bên bán, đều theo cơ chế thị trường và tuân thủ các quy định của Nhà nước cũng như các thông lệ quốc tế. Tuy nhiên, với lợi thế vừa là nhà sản xuất vừa là nhà nhập khẩu LPG lớn nhất tại Việt Nam; có hệ thống kho chứa LPG (hàng lạnh và định áp) rộng khắp, chiếm khoảng 50% tổng công suất chứa LPG của cả nước; có uy tín của thương hiệu PV GAS;... PV GAS luôn có đủ lượng LPG để thỏa mãn nhu cầu của khách hàng và có khả năng điều phối nguồn hàng LPG, giảm thiểu tình trạng khan hiếm cục bộ và tăng giá bất thường tại thị trường LPG Việt Nam;

Đối với các công ty thành viên là PV GAS South, PV GAS North và PV GAS City, sản phẩm LPG được bán cho các nhà máy sản xuất công nghiệp (sử dụng LPG làm nhiên liệu trong quá trình sản xuất), nhà hàng, khách sạn, hộ gia đình riêng lẻ hoặc các chung cư, tòa nhà cao tầng (sử dụng LPG trong các bình chứa hoặc thông qua hệ thống gas trung tâm làm nhiên liệu đun nấu, sinh hoạt), phương tiện giao thông vận tải (sử dụng LPG làm nhiên liệu thay thế cho xăng dầu),... trên phạm vi toàn quốc.

### Condensate

Condensate: Chủ yếu được sử dụng để sản xuất xăng, dung môi công nghiệp và làm nguyên liệu cho tổ hợp hóa dầu.

Tương tự như LPG, PV GAS sản xuất Condensate tại Nhà máy xử lý khí Dinh Cố từ khí Cửu Long, với sản lượng thay đổi theo sản lượng khí Cửu Long về bờ và tỷ lệ thu hồi sản phẩm lỏng và bán. Năm 2014, PV GAS cung cấp 59 nghìn tấn Condensate cho Nhà máy chế biến Condensate của PV Oil theo hợp đồng dài hạn.

Đối với Condensate sản xuất tại Nhà máy xử lý khí Nam Côn Sơn, PV GAS đóng vai trò là bên vận chuyển cho chủ mỏ, và hưởng cước phí vận chuyển, với sản lượng vận chuyển 140,5 nghìn tấn trong năm 2014.

“ **NGÀNH CÔNG NGHIỆP KHÍ LÀ MỘT CHUỖI CÁC HOẠT ĐỘNG TÌM KIẾM - THĂM DÒ - KHAI THÁC - SẢN XUẤT - KINH DOANH TỪ KHÂU THƯỢNG NGUỒN, TRUNG NGUỒN ĐẾN HẠ NGUỒN. KHÔNG MỘT DOANH NGHIỆP NÀO CÓ THỂ ĐỘC LẬP HOẠT ĐỘNG MÀ KHÔNG CÓ MỐI LIÊN HỆ VỚI CÁC DOANH NGHIỆP, TỔ CHỨC KHÁC.** ”

Do đó, PV GAS luôn tích cực tìm kiếm, duy trì và phát triển quan hệ hợp tác đầu tư, kinh doanh với các đối tác có uy tín trong và ngoài nước, các đơn vị thành viên thuộc Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam, các đối tác lớn ở khu vực Châu Á - Thái Bình Dương, Châu Âu, Châu Úc, khu vực Trung Đông.

Đổi lại, PV GAS cũng là một doanh nghiệp đáng tin cậy mà hầu hết các nhà đầu tư, doanh nghiệp trong và ngoài nước đều tìm đến và thiết lập quan hệ khi có ý định đầu tư, kinh doanh trong ngành công nghiệp khí tại Việt Nam.

Quan hệ hợp tác đầu tư, kinh doanh giữa PV GAS và các đối tác đem lại lợi ích cho các bên tham gia, trong đó có PV GAS, góp phần nâng cao vị thế của PV GAS cũng như phát triển ngành công nghiệp khí Việt Nam.

Trong năm 2014, PV GAS duy trì và mở rộng hợp tác với các đối tác lâu năm để khai thác các mỏ khí ngoài khơi Việt Nam (Rosneft, Perenco, Chevron, MOECO, PTTEP, Talisman, Vietsovpetro, JVPC, HLJOC, Thang Long JOC,...), tiêu thụ khí (EVN, PV Power, PVFCCo, PVCFC), nhập khẩu LPG (Adnoc, KPC, Astomos, Total, Shell, Statoil, Geogas, Marubeni, E1), kinh doanh LPG, Condensate (BSR, PV Oil, SaigonPetro, Petrolimex,...), đầu tư, mua bán, kinh doanh LNG (Tokyo Gas, BG LNG Trading, GDF SUEZ, Gazprom, Shell,...), sản xuất ống thép (Steel Flower và thành phố Busan Hàn Quốc),...

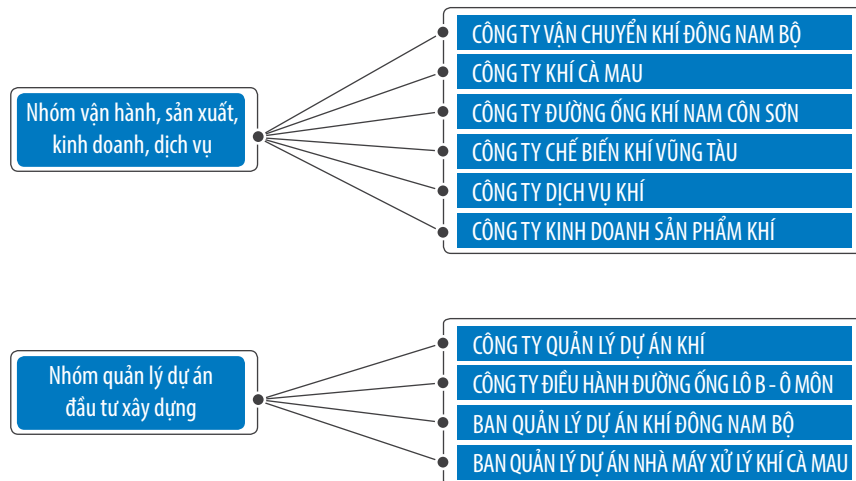
PV GAS luôn chào đón các nhà đầu tư, doanh nghiệp có uy tín quan tâm đến PV GAS và ngành công nghiệp khí Việt Nam.





“ SỨC MẠNH HỢP NHẤT CỦA PV GAS TRONG LĨNH VỰC KHÍ NGÀY CÀNG ĐƯỢC CƯỜNG CỐ BỞI TÍNH CHUYÊN NGHIỆP TRONG HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA CÁC CÔNG TY TRỰC THUỘC VÀ SỰ PHỐI HỢP NHỊP NHÀNG, HOẠT ĐỘNG HIỆU QUẢ CỦA CÁC CÔNG TY CỔ PHẦN VỚI ĐỊA BÀN KINH DOANH RỘNG KHẮP.

Tính chuyên nghiệp từ khâu thu gom, nhập khẩu, vận chuyển, chế biến, tàng trữ đến kinh doanh khí và các sản phẩm khí hình thành và khẳng định vai trò trụ cột của các công ty trực thuộc đối với PV GAS.



Nhóm vận hành, sản xuất, kinh doanh, dịch vụ

1. CÔNG TY VẬN CHUYỂN KHÍ ĐÔNG NAM BỘ

<b>Chức năng, nhiệm vụ</b>	Vận chuyển và phân phối khí từ bể Cửu Long và Nam Côn Sơn, cung cấp cho các khách hàng điện, đạm, công nghiệp và khách hàng khác tại khu vực Đông Nam Bộ.
<b>Thế mạnh</b>	Lực lượng lao động với kinh nghiệm vận hành công trình khí lâu năm nhất tại PV GAS; quản lý và vận hành hệ thống đường ống dẫn khí từ bể Cửu Long đến Bà Rịa - Phú Mỹ - Nhơn Trạch - Hiệp Phước trên 370 km và Trung tâm Phân phối Khí Phú Mỹ hiện đại và lớn nhất Việt Nam hiện nay.
<b>Hoạt động chính năm 2014</b>	Phân phối an toàn, hiệu quả 3 triệu m <sup>3</sup> khí ẩm cho khách hàng JVPC ngoài khơi và 8.120 triệu m <sup>3</sup> khí khô cho các khách hàng điện, đạm, công nghiệp.
<b>Phương hướng</b>	Tiếp tục vận hành an toàn các công trình khí để vận chuyển và phân phối tối đa sản lượng từ các nguồn khí đang khai thác tại khu vực Đông Nam Bộ; chuẩn bị sẵn sàng các nguồn lực để tiếp nhận các nguồn khí mới của bể Cửu Long và Nam Côn Sơn.
<b>Địa chỉ</b>	101 Lê Lợi, phường 6, Tp. Vũng Tàu.
<b>Điện thoại</b>	064 3834174
<b>Fax</b>	064 3834171
<b>Website</b>	www.pvgas.com.vn

2. CÔNG TY KHÍ CÀ MAU

<b>Chức năng, nhiệm vụ</b>	Vận chuyển khí từ mỏ PM3 thuộc bể Malay - Thổ Chu đến các khách hàng khách hàng điện, đạm tại khu vực Tây Nam Bộ.
<b>Thế mạnh</b>	Lực lượng lao động trẻ về tuổi đời nhưng đầy sáng tạo, nhiệt huyết và quyết tâm trong công việc, trong học tập để vận hành an toàn và hiệu quả hệ thống đường ống dẫn khí với công suất 6,2 triệu m <sup>3</sup> khí/ngày đêm.
<b>Hoạt động chính năm 2014</b>	Vận chuyển an toàn, hiệu quả 1.846 m <sup>3</sup> khí về bờ vào ngày 26/6/2014, đạt mốc vận chuyển và phân phối 10 tỷ m <sup>3</sup> khí kể từ dòng khí đầu tiên vào bờ vào năm 2007.
<b>Phương hướng</b>	Tiếp tục vận hành an toàn hệ thống đường ống dẫn khí PM3 và chuẩn bị sẵn sàng các nguồn lực để vận chuyển thêm sản lượng khí từ mỏ PM3 về bờ.
<b>Địa chỉ</b>	Xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.
<b>Điện thoại</b>	0780 3591343
<b>Fax</b>	0780 3591315
<b>Website</b>	www.pvgas.com.vn

3. CÔNG TY ĐƯỜNG ỐNG KHÍ NAM CÔN SƠN

<b>Chức năng, nhiệm vụ</b>	Vận chuyển khí từ bể Nam Côn Sơn về Trung tâm Phân phối Khí Phú Mỹ.
<b>Thế mạnh</b>	Được tổ chức trên cơ sở một Hợp doanh với các công ty Dầu khí hàng đầu thế giới với phương thức quản trị tiên tiến; quản lý và vận hành hệ thống đường ống dẫn khí có công suất vận chuyển lớn nhất Việt Nam hiện nay, 22 triệu m <sup>3</sup> khí/ngày đêm.
<b>Hoạt động chính năm 2014</b>	Vận chuyển an toàn, hiệu quả 6.849 triệu m <sup>3</sup> khí về bờ liên tục 3 năm liền hệ thống khí đạt độ tin cậy, sẵn sàng 100%.
<b>Phương hướng</b>	Tiếp tục vận hành an toàn các công trình khí để vận chuyển tối đa khí bể Nam Côn Sơn và duy trì, phát huy các thế mạnh của Công ty.
<b>Địa chỉ</b>	Tầng 7 tòa nhà PV GAS Tower, 673 Nguyễn Hữu Thọ, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, Tp. HCM.
<b>Điện thoại</b>	08 37840111
<b>Fax</b>	08 37840345
<b>Website</b>	www.pvgas.com.vn



## CÔNG TY TRỤC THUỘC (tiếp theo)

### 4. CÔNG TY CHẾ BIẾN KHÍ VÙNG TÀU

<b>Chức năng, nhiệm vụ</b>	Sản xuất, tàng trữ, phân phối khí và các sản phẩm khí.
<b>Thế mạnh</b>	Quản lý và vận hành Nhà máy xử lý khí Dinh Cố và hệ thống kho chứa, cảng xuất nhập LPG, Condensate trên khắp 3 miền Bắc, Trung, Nam, chiếm trên 50% tổng công suất kho chứa LPG trên cả nước; không chỉ giúp gia tăng giá trị sản phẩm khí, tạo thêm doanh thu và lợi nhuận cho PV GAS, mà còn phối hợp nhịp nhàng với Công ty Kinh doanh Sản phẩm Khí chiếm lĩnh thị phần chi phối tại thị trường LPG Việt Nam.
<b>Hoạt động chính năm 2014</b>	Tiếp nhận và xử lý 1.476 triệu m <sup>3</sup> khí ẩm bể Cửu Long, sản xuất 1.271 triệu m <sup>3</sup> khí khô, 303,4 nghìn tấn LPG, 59,5 nghìn tấn Condensate, vận chuyển 140,5 nghìn tấn Condensate Nam Côn Sơn và Hải Thạch - Mộc Tinh và đáp ứng 100% nhu cầu hợp lý của khách hàng sử dụng các dịch vụ Kho cảng Thị Vải.
<b>Phương hướng</b>	Tiếp tục vận hành an toàn các công trình khí để sản xuất tối đa, tàng trữ, phân phối hiệu quả khí và các sản phẩm khí; chuẩn bị sẵn sàng các nguồn lực để sản xuất LPG từ khí Nam Côn Sơn và đa dạng hóa sản phẩm và dịch vụ (sản xuất ethane và cung cấp dịch vụ cho thuê Kho chứa LPG lạnh cho Nhà máy lọc hóa dầu Long Sơn, ...).
<b>Địa chỉ</b>	101 Lê Lợi, phường 6, Tp. Vũng Tàu.
<b>Điện thoại</b>	064 6250150
<b>Fax</b>	064 3838257
<b>Website</b>	www.pvgas.com.vn

### 5. CÔNG TY DỊCH VỤ KHÍ

<b>Chức năng, nhiệm vụ</b>	Bảo dưỡng, sửa chữa ngăn ngừa, thường xuyên, đột xuất và kiểm định, hiệu chuẩn kịp thời, có chất lượng, góp phần đảm bảo các hệ thống khí của PV GAS hoạt động ổn định.
<b>Thế mạnh</b>	Lực lượng lao động có trình độ chuyên môn cao, chuyên sâu, thông thạo công tác bảo dưỡng, sửa chữa và kiểm định, hiệu chuẩn các công trình khí của PV GAS.
<b>Hoạt động chính năm 2014</b>	Đảm nhiệm và hoàn thành toàn bộ nhiệm vụ được giao về công tác sửa chữa các công trình của PV GAS, hoàn thành bảo dưỡng sửa chữa trong đợt dừng khí hệ thống khí PM3, Cửu Long, bảo dưỡng sửa chữa lớn tại Nhà máy xử lý khí Dinh Cố (phần thiết bị công nghệ chế biến), Kho cảng Thị Vải và khảo sát ROV, bảo dưỡng, sửa chữa các tuyến ống.
<b>Phương hướng</b>	Duy trì và phát triển lực lượng lao động có trình độ chuyên môn cao, chuyên sâu để tự thực hiện tất cả các công việc bảo dưỡng, sửa chữa các công trình khí của PV GAS.
<b>Địa chỉ</b>	101 Lê Lợi, phường 6, Tp. Vũng Tàu.
<b>Điện thoại</b>	064 3586381
<b>Fax</b>	064 3563180
<b>Website</b>	www.pvgas.com.vn

### 6. CÔNG TY KINH DOANH SẢN PHẨM KHÍ

<b>Chức năng, nhiệm vụ</b>	Kinh doanh, xuất nhập khẩu LPG tại thị trường Việt Nam và thế giới.
<b>Thế mạnh</b>	Hệ thống kho cảng rộng khắp cả nước (kho LPG Thị Vải 71.000 tấn, kho LPG Gò Dầu 4.000 tấn, kho LPG Dung Quất 2.000 tấn, kho LPG Hải Phòng 1.500 tấn); nguồn hàng đa dạng (Dinh Cố, Dung Quất, Trung Đông và các nước trong khu vực); có hợp đồng mua bán LPG với hầu hết các doanh nghiệp kinh doanh LPG lớn tại thị trường các miền Bắc, Trung, Nam; uy tín của thương hiệu PV GAS; đội ngũ nhân viên am hiểu thị trường LPG Việt Nam.
<b>Hoạt động chính năm 2014</b>	Kinh doanh 1.086 nghìn tấn LPG tại thị trường Việt Nam và thế giới; chiếm lĩnh xấp xỉ 70% thị phần LPG tại thị trường Việt Nam.
<b>Phương hướng</b>	Tiếp tục giữ vững vị trí là công ty kinh doanh LPG hàng đầu Việt Nam.
<b>Địa chỉ</b>	Tầng 11 tòa nhà PV GAS Tower, 673 Nguyễn Hữu Thọ, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, Tp. HCM.
<b>Điện thoại</b>	08 37840220
<b>Fax</b>	08 37840215
<b>Website</b>	www.pvgas.com.vn

### Nhóm quản lý dự án đầu tư xây dựng

#### 1. CÔNG TY QUẢN LÝ DỰ ÁN KHÍ

<b>Chức năng, nhiệm vụ</b>	Chuẩn bị đầu tư và thực hiện đầu tư các dự án khí quan trọng của PV GAS.
<b>Thế mạnh</b>	Lực lượng lao động với kinh nghiệm quản lý và thực hiện công tác đầu tư xây dựng lâu năm nhất tại PV GAS.
<b>Hoạt động chính năm 2014</b>	Chuẩn bị đầu tư và thực hiện đầu tư các dự án Kho chứa LNG 1 triệu tấn/năm tại Thị Vải, Đường ống khí Hàm Rồng - Thái Bình, nâng cấp kho LPG Dinh Vũ, Cấp bù khí ẩm Nam Côn Sơn cho Nhà máy xử lý khí Dinh Cố; Kho chứa LNG 3-6 triệu tấn/năm tại Sơn Mỹ; và quyết toán các dự án đã hoàn thành đầu tư.
<b>Phương hướng</b>	Giữ vững vai trò là công ty chủ lực của PV GAS về quản lý và thực hiện đầu tư xây dựng; hoàn thành đầu tư các dự án đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng; chuẩn bị sẵn sàng các nguồn lực để thực hiện đầu tư các dự án mới của PV GAS.
<b>Địa chỉ</b>	Tầng 11 tòa nhà PV GAS Tower, 673 Nguyễn Hữu Thọ, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, Tp. HCM.
<b>Điện thoại</b>	08 37840181
<b>Fax</b>	08 37840180
<b>Website</b>	www.pvgas.com.vn

#### 2. CÔNG TY ĐIỀU HÀNH ĐƯỜNG ỐNG LÔ B - Ô MÔN

<b>Chức năng, nhiệm vụ</b>	Chuẩn bị đầu tư và thực hiện đầu tư dự án Đường ống khí Lô B - Ô Môn theo Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh giữa PV GAS và các đối tác nước ngoài.
<b>Thế mạnh</b>	Lực lượng lao động có chuyên môn và kinh nghiệm trong công tác đầu tư xây dựng có sự tham gia góp vốn của đối tác nước ngoài.
<b>Hoạt động chính năm 2014</b>	Hoàn thành cơ bản xử lý nền GDC Ô Môn, tiến hành đến bù giải phóng mặt bằng hành lang tuyến ống.
<b>Phương hướng</b>	Chuẩn bị sẵn sàng các nguồn lực để tăng tốc thực hiện đầu tư ngay khi tái khởi động dự án.
<b>Địa chỉ</b>	Tầng 5 tòa nhà PV GAS Tower, 673 Nguyễn Hữu Thọ, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, Tp. HCM.
<b>Điện thoại</b>	08 37840551
<b>Fax</b>	08 37840550
<b>Website</b>	www.pvgas.com.vn

#### 3. BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN KHÍ ĐÔNG NAM BỘ

<b>Chức năng, nhiệm vụ</b>	Chuẩn bị đầu tư và thực hiện đầu tư một số dự án thu gom khí của PV GAS.
<b>Thế mạnh</b>	Lực lượng lao động đều là những thành viên kỳ cựu, từng tham gia công tác đầu tư xây dựng nhiều dự án trong ngành dầu khí; có bản lĩnh, sáng tạo trong việc xử lý tình huống phát sinh trong quá trình thực hiện đầu tư.
<b>Hoạt động chính năm 2014</b>	Thực hiện đầu tư dự án Đường ống khí Nam Côn Sơn 2 - giai đoạn 1; chuẩn bị đầu tư dự án tách ethane tại Nhà máy xử lý khí Dinh Cố từ hỗn hợp khí bể Cửu Long và bể Nam Côn Sơn; và quyết toán các hạng mục, dự án đã hoàn thành đầu tư.
<b>Phương hướng</b>	Hoàn thành đầu tư dự án Đường ống khí Nam Côn Sơn 2 - giai đoạn 1; chuẩn bị sẵn sàng các nguồn lực để thực hiện đầu tư các dự án mới của PV GAS.
<b>Địa chỉ</b>	Tầng 12, khách sạn Dầu khí, 9 - 11 Hoàng Diệu, phường 1, Tp. Vũng Tàu.
<b>Điện thoại</b>	064 3584584
<b>Fax</b>	064 3584585
<b>Website</b>	www.pvgas.com.vn

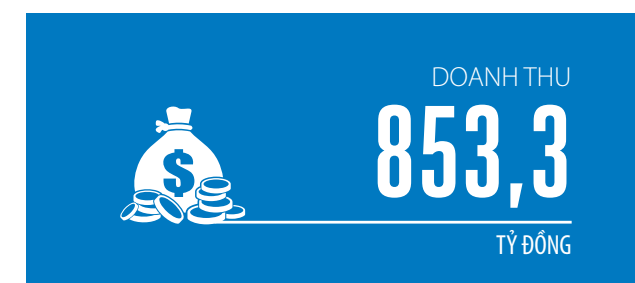
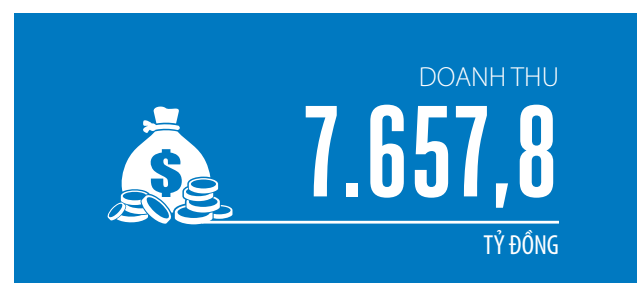
#### 4. BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN NHÀ MÁY XỬ LÝ KHÍ CÀ MAU

<b>Chức năng, nhiệm vụ</b>	Chuẩn bị đầu tư và thực hiện đầu tư dự án Nhà máy xử lý khí Cà Mau và các dự án khác của PV GAS.
<b>Thế mạnh</b>	Lực lượng lao động trẻ nhưng không ngừng tìm tòi, khám phá, sáng tạo để giải quyết hợp lý tình huống phát sinh trong công tác đầu tư xây dựng, gia tăng hiệu quả kinh tế của dự án.
<b>Hoạt động chính năm 2014</b>	Hoàn thành thanh quyết toán hạng mục Máy nén khí Cà Mau; lập, phê duyệt dự án đầu tư điều chỉnh Nhà máy xử lý khí Cà Mau và tổ chức đấu thầu thực hiện dự án.
<b>Phương hướng</b>	Thực hiện đầu tư dự án Nhà máy xử lý khí Cà Mau đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng.
<b>Địa chỉ</b>	Tầng 12 tòa nhà PV GAS Tower, 673 Nguyễn Hữu Thọ, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, Tp. HCM.
<b>Điện thoại</b>	08 37840118
<b>Fax</b>	08 37840120
<b>Website</b>	www.pvgas.com.vn

	<b>CÔNG TY CP KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM - PV GAS SOUTH</b>	<b>CÔNG TY CP KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN BẮC - PV GAS NORTH</b>
<b>Ngành nghề kinh doanh chính</b>	Xuất nhập khẩu và kinh doanh khí hóa lỏng (bán lẻ LPG); sản xuất, kinh doanh khí thiên nhiên nén (CNG).	Xuất nhập khẩu và kinh doanh khí hóa lỏng (bán lẻ LPG).
<b>Thế mạnh</b>	Đứng đầu thị trường LPG dân dụng tại miền Nam; sở hữu hệ thống kho chứa, trạm chiết nạp, mạng lưới phân phối LPG rộng khắp từ Đà Nẵng đến Cà Mau; Sản xuất và cung cấp CNG cho phương tiện giao thông vận tải và khách hàng công nghiệp tại khu vực Đông Nam Bộ và Tây Nam Bộ.	Trong nhóm đứng đầu thị trường LPG dân dụng tại miền Bắc; sở hữu hệ thống kho chứa, trạm chiết nạp, mạng lưới phân phối LPG rộng khắp từ Hà Giang đến Đà Nẵng.
<b>Vốn điều lệ (tỷ đồng)</b>	380,0	277,2
<b>PV GAS nắm giữ (%)</b>	35,3	35,9
<b>Doanh thu (tỷ đồng)</b>	7.657,8	4.221,3
<b>Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)</b>	191,5	
<b>Tỷ suất LNST/ VDL (%)</b>	50,4	
<b>Hoạt động chính năm 2014</b>	Sản xuất và kinh doanh khoảng 237 nghìn tấn LPG, 159 triệu m <sup>3</sup> CNG; chiếm trên 30% thị phần LPG dân dụng tại miền Nam.	Sản xuất và kinh doanh khoảng 197 nghìn tấn LPG, chiếm khoảng 16% thị phần LPG dân dụng tại miền Bắc; chuẩn bị thị trường và khách hàng tiêu thụ CNG (hợp tác với PV GAS D).
<b>Phương hướng</b>	Giữ vững vị trí dẫn đầu thị trường LPG dân dụng tại miền Nam; Mở rộng mạng lưới khách hàng tiêu thụ CNG.	Giữ vững vị trí trong nhóm dẫn đầu thị trường LPG dân dụng tại miền Bắc; Hình thành và phát triển mạng lưới khách hàng tiêu thụ CNG.
<b>Địa chỉ</b>	Lầu 4 PetroVietnam Tower, 1-5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1, Tp. HCM.	Tầng 11 tòa nhà Viện Dầu khí, 167 Trung Kính, quận Cầu Giấy, Hà Nội.
<b>Điện thoại</b>	08 39100108	04 39445555
<b>Fax</b>	08 39100097	04 39445333
<b>Website</b>	www.pgs.com.vn	www.pvgasn.vn

“ VỚI SỰ PHỐI HỢP NHỊP NHÀNG, HOẠT ĐỘNG HIỆU QUẢ, CÁC CÔNG TY CỔ PHẦN KHÔNG CHỈ HỖ TRỢ VÀ NỐI DÀI DÂY CHUYÊN SẢN XUẤT KINH DOANH KHÍ CỦA PV GAS MÀ CÒN BẢO TOÀN VÀ PHÁT HUY NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH CỦA PV GAS. ”

	<b>CÔNG TY CP PHÂN PHỐI KHÍ THẤP ÁP DẦU KHÍ VIỆT NAM - PV GAS D</b>	<b>CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GAS ĐÔ THỊ - PV GAS CITY</b>
<b>Ngành nghề kinh doanh chính</b>	Kinh doanh và vận chuyển khí thấp áp bằng đường ống.	Kinh doanh gas bằng đường ống; lắp đặt hệ thống cung cấp gas cho khu đô thị, nhà cao tầng.
<b>Thế mạnh</b>	Vận hành và cung cấp khí thấp áp bằng đường ống cho khách hàng tại các KCN Phú Mỹ, Mỹ Xuân, Gò Dầu, Nhơn Trạch, Hiệp Phước và tiếp tục mở rộng.	Là một trong số rất ít công ty lớn hoạt động trong lĩnh vực khí đô thị trên phạm vi cả nước; được PV GAS cung cấp nguồn khí đầu vào cho hoạt động sản xuất kinh doanh.
<b>Vốn điều lệ (tỷ đồng)</b>	600,0	188,7
<b>PV GAS nắm giữ (%)</b>	50,5	35,5
<b>Doanh thu (tỷ đồng)</b>	6.964,9	853,3
<b>Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)</b>	165,5	9,9
<b>Tỷ suất LNST/ VDL (%)</b>	27,6	5,2
<b>Hoạt động chính năm 2014</b>	Cung cấp trên 630 triệu m <sup>3</sup> khí thấp áp; thực hiện đầu tư hệ thống phân phối khí thấp áp và CNG tại Thái Bình và các tỉnh lân cận; hoàn thành tăng vốn điều lệ lên 600 tỷ đồng.	Cung cấp xấp xỉ 40 nghìn tấn LPG cho phương tiện giao thông vận tải, khách hàng công nghiệp.
<b>Phương hướng</b>	Tăng sản lượng tiêu thụ khí thấp áp tại thị trường miền Nam; hình thành và phát triển mạng lưới khách hàng tiêu thụ khí thấp áp và CNG (hợp tác với PV GAS North, PV GAS South) tại miền Bắc.	Đẩy mạnh hoạt động xây lắp và cung cấp khí đô thị; hình thành và phát triển mạng lưới khách hàng tiêu thụ khí đô thị CNG.
<b>Địa chỉ</b>	Tầng 7 tòa nhà PV GAS Tower, 673 Nguyễn Hữu Thọ, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, Tp. HCM.	Tầng 4 tòa nhà Viện Dầu khí, 167 Trung Kính, quận Cầu Giấy, Hà Nội.
<b>Điện thoại</b>	08 37840445	04 37346848
<b>Fax</b>	08 37840446	04 37346838
<b>Website</b>	www.pvgasd.com.vn	www.pvgascity.com.vn

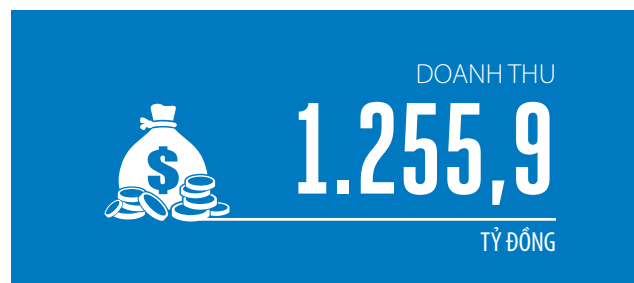




**CÔNG TY CP SẢN XUẤT ỚNG THÉP DẦU KHÍ - PV PIPE**

**CÔNG TY CP BỌC ỚNG DẦU KHÍ VIỆT NAM - PV COATING**

<b>Ngành nghề kinh doanh chính</b>	Sản xuất ống thép cho các công trình, dự án trong và ngoài ngành Dầu khí.	Bọc ống cho các công trình, dự án trong và ngoài ngành Dầu khí.
<b>Thế mạnh</b>	Sở hữu nhà máy có quy mô lớn và hiện đại đầu tiên tại Việt Nam, sản xuất ống thép hàn thẳng trên dây chuyền công nghệ 3 - Roll Bending đạt tiêu chuẩn API 5L và 2B phiên bản mới nhất.	Công ty duy nhất tại Việt Nam hoạt động trong lĩnh vực bọc ống với các loại hình bọc bê tông gia trọng, bọc chống ăn mòn 3 lớp, bọc cách nhiệt, bọc bend, bọc mối nối,... cho loại ống có đường kính từ 6 đến 48".
<b>Vốn điều lệ (tỷ đồng)</b>	1.838,5	216,0
<b>PV GAS nắm giữ (%)</b>	99,9	76,5
<b>Doanh thu (tỷ đồng)</b>	1.255,9	1.001,5
<b>Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)</b>	199,8	147,5
<b>Tỷ suất LNST/ VDL (%)</b>	10,9	68,3
<b>Hoạt động chính năm 2014</b>	Sản xuất ống thép cho các dự án Sư Tử Nâu, đường ống khí Nam Côn Sơn 2 - giai đoạn 1, Bạch Hổ mở rộng,...	Bọc ống cho các dự án Sư Tử Nâu, đường ống khí Nam Côn Sơn 2 - giai đoạn 1, Bạch Hổ mở rộng, Hàm Rồng - Thái Bình, các dự án của VSP và các JOC.
<b>Phương hướng</b>	Phát huy lợi thế trong lĩnh vực sản xuất ống thép hàn thẳng để cung cấp ống cho các dự án trong và ngoài ngành Dầu khí; tìm kiếm, hợp tác với đối tác nước ngoài để cung cấp sản phẩm, dịch vụ và cùng tham gia đấu thầu dự án.	Khẳng định thế mạnh trong lĩnh vực bọc ống tại Việt Nam; tìm kiếm, hợp tác với đối tác nước ngoài để cung cấp sản phẩm, dịch vụ và cùng tham gia đấu thầu dự án.
<b>Địa chỉ</b>	Tầng 12 tòa nhà PV GAS Tower, 673 Nguyễn Hữu Thọ, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, Tp. HCM.	68 Trương Công Định, phường 3, Tp. Vũng Tàu.
<b>Điện thoại</b>	08 37840196	064 3510556
<b>Fax</b>	08 37840198	064 3510555
<b>Website</b>	www.pvpipe.vn	www.pvcoating.vn



# CAO hiệu quả

NĂM 2014

TOP  
 10

NHÃN HIỆU NỔI TIẾNG  
VIỆT NAM

TOP  
 50

CÔNG TY GIÁ TRỊ NHẤT  
ĐÔNG NAM Á

TOP  
 2000

DOANH NGHIỆP LỚN NHẤT  
THẾ GIỚI

**ĐỊNH HƯỚNG  
VÀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Chiến lược phát triển  
Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015  
Báo cáo tài chính hợp nhất 2014  
đã được kiểm toán







“ **PHÁT TRIỂN PV GAS THÀNH TẬP ĐOÀN KHÍ MẠNH, HIỆU QUẢ, CÓ SỨC CẠNH TRANH CAO, HOẠT ĐỘNG HOÀN CHỈNH TRONG TẤT CẢ CÁC KHÂU THU GOM - XUẤT NHẬP KHẨU - VẬN CHUYỂN - CHẾ BIẾN/CHẾ BIẾN SÂU - TÀNG TRỮ - DỊCH VỤ - KINH DOANH KHÍ VÀ SẢN PHẨM KHÍ** ”



### Quan điểm phát triển

Tiếp tục vai trò và sứ mệnh phát triển ngành công nghiệp khí thành ngành kinh tế kỹ thuật quan trọng với hệ thống cơ sở hạ tầng công nghiệp khí an toàn, hiện đại trên phạm vi toàn quốc, góp phần đảm bảo an ninh năng lượng, lương thực, bảo vệ môi trường, tài nguyên, giữ vững an ninh quốc phòng quốc gia;

Phát triển trên nguyên tắc không ngừng hoàn thiện công tác quản trị doanh nghiệp, đảm bảo an toàn, chất lượng, hiệu quả và bền vững trên công nghệ tiên tiến, mang lại lợi ích thiết thực cho đất nước, cổ đông, người lao động, đối tác và cộng đồng xã hội. Trong đó, An toàn và Hiệu quả là kim chỉ nam xuyên suốt quá trình phát triển;

Phát triển theo hướng chú trọng chế biến sâu, đa dạng hóa sản phẩm, lấy trọng tâm là sản xuất - nhập khẩu - kinh doanh bán buôn, đồng thời phát triển bán lẻ, dịch vụ, đầu tư và thương mại, đáp ứng nhu cầu thị trường trên cơ sở sử dụng hiệu quả các nguồn khí;

Phát huy tối đa nội lực đồng thời tranh thủ tận dụng các nguồn lực bên ngoài và tăng cường hợp tác quốc tế để phát triển PV GAS ngày càng lớn mạnh trên thị trường trong nước và quốc tế;

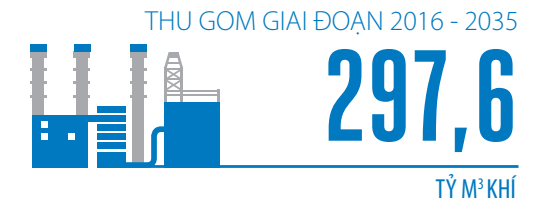
Coi con người là yếu tố then chốt, hình thành đội ngũ CBCNV có trình độ, tác phong công nghiệp, kỷ luật nghiêm ngặt; Xây dựng và phát triển thương hiệu PETROVIETNAM GAS uy tín, chất lượng và phổ biến.

### Mục tiêu tổng quát

Phát triển PV GAS thành tập đoàn khí mạnh, hiệu quả, có sức cạnh tranh cao, hoạt động hoàn chỉnh trong tất cả các khâu thu gom - xuất nhập khẩu - vận chuyển - chế biến/chế biến sâu - tàng trữ - dịch vụ - kinh doanh khí và sản phẩm khí, tham gia hoạt động đầu tư thương mại; đóng vai trò chủ đạo trong ngành công nghiệp khí trên toàn quốc và tham gia tích cực vào thị trường quốc tế.

Mục tiêu đến năm 2025:

- Tổng tài sản gấp 2,5 lần năm 2015, tốc độ tăng trưởng doanh thu bình quân đạt trên 9%/năm, tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn điều lệ trung bình trên 20%/năm;
- Duy trì 100% thị phần khí khô, 70% thị phần LPG toàn quốc;
- Cơ cấu sản phẩm theo doanh thu: Khí và LNG chiếm 61%, sản phẩm khí 26%, dịch vụ khí 14%.



### Mục tiêu cụ thể

Khai thác, thu gom khí: Giữ vai trò chủ đạo trong hoạt động thu gom khí; tham gia hoạt động thượng nguồn trong và ngoài nước; phấn đấu tổng sản lượng khí thu gom trong nước giai đoạn 2016 - 2035 đạt 297,6 tỷ m<sup>3</sup> khí. Mục tiêu từ năm 2017 là gia tăng sản lượng thêm khoảng 0,2 - 1,5 tỷ m<sup>3</sup>/năm theo kết quả tìm kiếm thăm dò các nguồn khí; tham gia hoạt động đầu tư thượng nguồn; phấn đấu năm 2025 bắt đầu có sản lượng khí/LNG từ nước ngoài, giai đoạn 2030 - 2035 sản lượng khí/LNG từ thượng nguồn đạt 5 - 10 tỷ m<sup>3</sup>/năm;

Vận chuyển, xử lý, chế biến, phân phối, kinh doanh khí và LNG: Xây dựng, vận hành và kinh doanh đồng bộ, an toàn, hiệu quả, tối ưu các hệ thống khí trên toàn quốc; chú trọng chế biến và chế biến sâu, đa dạng hóa sản phẩm, gia tăng giá trị khí; nhập khẩu LNG từ năm 2021; phát triển thị trường tiêu thụ khí/LNG đạt quy mô 18 - 24 tỷ m<sup>3</sup>/năm vào năm 2025; xây dựng đường ống kết nối các khu vực, hình thành đường ống dẫn khí Quốc gia;

Tàng trữ và kinh doanh sản phẩm khí: Duy trì và giữ vững trên 70% thị phần LPG toàn quốc, tham gia mạnh vào thị trường quốc tế trên nguyên tắc đảm bảo hiệu quả, trong đó duy trì 50% thị phần bán buôn LPG cả nước và 27% thị phần LPG bán lẻ; phát triển mạnh các hoạt động cung cấp sản phẩm khí cho giao thông vận tải, các khu dân cư trên toàn quốc, phấn đấu tốc độ tăng trưởng sản lượng Gas City bình quân đạt trên 20%/năm;

Dịch vụ khí: Không ngừng đẩy mạnh hoạt động trong và ngoài nước, phát huy vai trò chủ đạo thị trường trong nước đối với dịch vụ khí, phấn đấu tỷ trọng doanh thu chiếm trên 9% doanh thu toàn PV GAS.



## KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2015 (theo phương án giá dầu Brent 100 USD/thùng)

DOANH THU DỰ KIẾN NĂM 2015  
THEO PHƯƠNG ÁN GIÁ DẦU BRENT 100 USD/THÙNG



**69.539**

TỶ ĐỒNG

### Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015

#### Mục tiêu, nhiệm vụ

- Vận hành an toàn, hiệu quả và đảm bảo công tác an ninh an toàn các công trình khí hiện có; tiếp nhận, đưa hệ thống khí mới (Đường ống khí Nam Côn Sơn 2 - giai đoạn 1, Hàm Rồng - Thái Bình, kho LPG Đình Vũ) vào khai thác, vận hành an toàn;
- Đảm bảo hiệu quả trong sản xuất, tiêu thụ khí và các sản phẩm khí ở mức tối đa;
- Tập trung kiểm soát và đảm bảo đưa các dự án vào vận hành đúng tiến độ, phát huy hiệu quả đầu tư, đặc biệt là các dự án thu gom, chế biến, tàng trữ và phân phối khí; tập trung nguồn lực thực hiện công tác quyết toán khi các dự án hoàn thành;
- Thực hiện tái cấu trúc, rà soát, sắp xếp lao động theo phương án được phê duyệt, phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh của PV GAS và đảm bảo hiệu quả;
- Quản lý/khai thác có hiệu quả các hợp đồng mua bán vận chuyển khí; triển khai thực hiện mô hình phát triển tổng thể ngành công nghiệp khí; tăng cường nghiên cứu thu gom khí đồng hành mỏ cận biên, tìm kiếm, phát triển các nguồn khí khác trong và ngoài nước, chế biến sâu; phát triển thị trường tiêu thụ khí ngoài điện nhằm đảm bảo tiêu thụ toàn bộ lượng khí đưa vào bờ.



#### Kế hoạch năm 2015

Kế hoạch năm 2015 của PV GAS trình ĐHCĐ thường niên năm 2015 thông qua được xây dựng như sau:

#### Cơ sở

- Chiến lược phát triển PV GAS đến năm 2025 và định hướng đến năm 2035; kế hoạch cấp khí và bảo dưỡng sửa chữa của các chủ mỏ ở thượng nguồn; kế hoạch tiêu thụ khí và bảo dưỡng sửa chữa của các khách hàng ở hạ nguồn;
- Nhu cầu/khả năng sử dụng: Trong năm 2015, có thêm một số khách hàng mới tiêu thụ khí tại khu vực phía Bắc (Khu công nghiệp Tiên Hải - Thái Bình) sử dụng CNG và thấp áp. Các khách hàng hiện hữu ở khu vực phía Nam (15 khách hàng lớn sử dụng khí vào các lĩnh vực sản xuất điện, đạm, khí thấp áp và sản xuất công nghiệp) hầu như không có kế hoạch mở rộng quy mô sản xuất, trong đó, một số khách hàng đang sử dụng khí làm nguyên/nhiên liệu chuyển sang sử dụng loại hình nguyên/nhiên liệu khác (dự kiến Vedan chuyển qua dùng than từ tháng 7/2015); EVN đưa hệ thống đường dây 500KV mạch 3 đi vào hoạt động (đưa điện từ miền Bắc, Trung vào miền Nam) và một số nhà máy nhiệt điện chạy than đi vào hoạt động;
- Nguồn khí về bờ: Trong năm 2015, có thêm nguồn khí mới từ Đại Hùng bổ sung vào hệ thống khí Cửu Long, đưa thêm hệ thống khí Hàm Rồng - Thái Bình vào hoạt động để cung cấp cho các khách hàng tại khu vực phía Bắc trong quý III/2015;
- Sản lượng khí và sản phẩm khí sản xuất: Tỷ lệ thu hồi khí khô và sản phẩm lỏng tính bằng tỷ lệ thu hồi trung bình thực tế;
- Sản lượng cung cấp và tiêu thụ khí, sản phẩm khí của khách hàng điện, đạm, khí thấp áp và các hộ công nghiệp, công ty kinh doanh LPG, Nhà máy chế biến Condensate; khí ẩm sử dụng ngoài khơi cho dự án EOR để thu hồi dầu của JVPC;
- Giá dầu Brent 100USD/thùng
- Giá bán, cước phí vận chuyển khí, sản phẩm khí theo quy định của Chính phủ/PVN và quy định của các hợp đồng đã ký kết.

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ DỰ KIẾN NĂM 2015  
THEO PHƯƠNG ÁN GIÁ DẦU BRENT 100 USD/THÙNG



**14.164**

TỶ ĐỒNG

#### Chỉ tiêu kế hoạch chính (theo phương án giá dầu Brent 100 USD/thùng)

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch 2015
<b>I</b>	<b>Chỉ tiêu khối lượng</b>		
<b>I.1</b>	<b>Khai thác (khí ẩm)</b>	Tr.m <sup>3</sup>	<b>9.980</b>
-	Cửu Long	Tr.m <sup>3</sup>	1.460
	Trong đó khí cho Dự án EOR và tiêu thụ ngoài khơi		231
-	Nam Côn Sơn	Tr.m <sup>3</sup>	6.660
-	PM3	Tr.m <sup>3</sup>	1.840
-	Tiên Hải - Thái Bình	Tr.m <sup>3</sup>	20
<b>I.2</b>	<b>Sản xuất</b>	Tr.m <sup>3</sup>	<b>9.540</b>
1	Khí khô		
-	Cửu Long	Tr.m <sup>3</sup>	1.020
-	Nam Côn Sơn	Tr.m <sup>3</sup>	6.660
-	PM3	Tr.m <sup>3</sup>	1.840
-	Khí Tiên Hải - Thái Bình	Tr.m <sup>3</sup>	20
2	Condensate	Tấn	48.000
3	LPG Công ty mẹ	Tấn	960.000
-	Dinh Cố	Tấn	234.000
-	Dung Quất	Tấn	84.000
-	Nhập khẩu và kinh doanh quốc tế	Tấn	642.000
<b>II</b>	<b>Chỉ tiêu tài chính</b>		
1	Doanh thu	Tỷ Đ	69.539
-	Trong đó Công ty mẹ	Tỷ Đ	61.998
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ Đ	14.164
-	Trong đó Công ty mẹ	Tỷ Đ	13.951
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ Đ	11.526
-	Trong đó Công ty mẹ	Tỷ Đ	11.339
4	Vốn điều lệ	Tỷ Đ	28.615
4	Tỷ suất LNST/VĐL	%	40
5	Tỷ lệ chia cổ tức	%	30
6	Nộp ngân sách	Tỷ Đ	4.670
-	Trong đó Công ty mẹ	Tỷ Đ	4.563
7	Giá trị giải ngân Công ty mẹ	Tỷ Đ	5.900
-	Vốn chủ sở hữu	Tỷ Đ	3.903
-	Vốn vay + vốn khác	Tỷ Đ	1.997
8	Lao động cuối kỳ Công ty mẹ	Người	1.310
9	Nghiên cứu khoa học Công ty mẹ	Đề tài	4



**4.670**

TỶ ĐỒNG

**Kế hoạch đầu tư xây dựng**

Năm 2015, PV GAS dự kiến triển khai chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư, thanh quyết toán 18 dự án, bao gồm: 7 dự án nhóm A (5 dự án chuyển tiếp, 2 dự án chuẩn bị đầu tư) với nhu cầu vốn giải ngân 5.259 tỷ đồng, 9 dự án nhóm B (3 dự án chuyển tiếp, 3 dự án mới, 2 dự án chuẩn bị đầu tư và 1 dự án đã hoàn thành và thực hiện thanh quyết toán vốn đầu tư) với nhu cầu vốn giải ngân 220 tỷ đồng và các dự án nhóm C, mua sắm trang thiết bị và đầu tư tài chính với nhu cầu vốn giải ngân 421 tỷ đồng; tổng nhu cầu vốn giải ngân là 5.900 tỷ đồng; tập trung cho phát triển nguồn cung cấp khí từ các mỏ trong nước và nhập khẩu khí từ nước ngoài, phát triển cơ sở hạ tầng để tăng năng lực sản xuất kinh doanh, để chế biến sâu gia tăng giá trị sản phẩm,...

**Kế hoạch giá trị giải ngân của một số dự án lớn**

Đvt: Tỷ đồng

TT	Tên Dự án	Kế hoạch giá trị giải ngân năm 2015
<b>Tổng cộng</b>		<b>5.900</b>
<b>I</b>	<b>Thu gom khí</b>	<b>2.965</b>
1	Đường ống khí Nam Côn Sơn 2, giai đoạn 1	2.285
2	Đường ống khí Hàm Rồng - Thái Bình, giai đoạn 1	500
3	Đường ống khí lô B - Ô Môn	157
4	Đường ống khí Nam Côn Sơn 2, giai đoạn 2 và Thu gom và vận chuyển khí mỏ Sư Tử Trắng	23
<b>II</b>	<b>Tăng cường năng lực chế biến, tàng trữ khí, sản phẩm khí</b>	<b>2.283</b>
1	Nhà máy xử lý khí Cà Mau	2.173
2	Nâng công suất Kho chứa LPG Đình Vũ, Hải Phòng	40
3	Cấp bù khí ẩm Nam Côn Sơn cho GPP Dinh Cố	70
<b>III</b>	<b>Thanh quyết toán; chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư các dự án đầu tư khác; mua sắm trang thiết bị; và đầu tư tài chính</b>	<b>652</b>

**Công việc thực hiện của một số dự án lớn**

**Thu gom khí**

- Đường ống khí Nam Côn Sơn 2 - giai đoạn 1: Hoàn thành dự án, đưa vào sử dụng quý III/2015;
- Đường ống khí Hàm Rồng - Thái Bình: Hoàn thành Dự án, đưa vào sử dụng quý III/2015;
- Đường ống khí lô B - Ô Môn: Hoàn thành xử lý nền trạm GDC Ô Môn và thực hiện thanh quyết toán; hoàn thành 100% đền bù, giải phóng mặt bằng phần đền bù vĩnh viễn; xúc tiến các công việc để tái khởi động dự án;
- Đường ống khí Nam Côn Sơn 2, giai đoạn 2 và Thu gom và vận chuyển khí mỏ Sư Tử Trắng: Hoàn thành Báo cáo Nghiên cứu Định hướng Triển khai; cập nhật thiết kế cơ sở, FEED, dự toán.

**Nhập khẩu khí**

- Kho chứa LNG 1 triệu tấn/năm tại Thị Vải: Đàm phán hợp đồng EPC, cam kết tiêu thụ LNG;
- Kho chứa, cảng LNG 3-6 triệu tấn/năm tại Sơn Mỹ: Trình duyệt dự án đầu tư và tìm kiếm, đàm phán với nhà đầu tư.

**Tăng cường năng lực chế biến, tàng trữ khí, sản phẩm khí**

- Nhà máy xử lý khí Cà Mau: Hoàn thành 30% khối lượng công việc EPC đường ống biển, 40% EPC máy nén khí số 2, 30% EPC nhà máy, kho cảng, 100% san lấp, xử lý nền, mua sắm, bọc ống Loop, rà phá bom mìn, vật nổ, đánh giá tác động môi trường bổ sung và đánh giá định lượng rủi ro;
- Nâng công suất Kho chứa LPG Đình Vũ, Hải Phòng: Hoàn thành dự án, đưa vào sử dụng quý IV/2015;
- Cấp bù khí ẩm Nam Côn Sơn cho GPP Dinh Cố: Hoàn thành dự án, đưa vào sử dụng quý III/2015;
- Tách Ethane từ nguồn khí Cửu Long và Nam Côn Sơn; và Nâng công suất kho LPG lạnh: Hoàn thành dự án đầu tư.

**Nghiên cứu khoa học**

Năm 2015, PV GAS tập trung hoàn thành 1 đề tài chuyển tiếp từ năm 2014 sang và dự kiến triển khai thực hiện thêm 3 đề tài mới:

- Đề tài chuyển tiếp từ năm 2014: Xây dựng TCVN cho kho LNG vệ tinh - Hệ thống thiết bị và lắp đặt;
- Đề tài triển khai mới trong năm 2015: Xây dựng tiêu chuẩn xe bồn vận chuyển LNG; nghiên cứu các dự án thành phần phát triển dự án Cá Voi Xanh; nghiên cứu triển khai hệ thống phân phối LNG bằng tàu nhỏ, kho cấp 2, xe bồn và kho vệ tinh tại miền Bắc, miền Trung.

**Dự kiến sự kiện nổi bật năm 2015**

Hoàn thành và đưa vào vận hành các dự án: Đường ống khí Nam Côn Sơn 2 - giai đoạn 1 góp phần quan trọng vào việc bổ sung nguồn khí trong nước cho khu vực Đông Nam Bộ; Đường ống khí Hàm Rồng - Thái Bình, tạo cơ sở để phát triển các dự án khí, cung cấp khí tại khu vực miền Bắc; Cấp bù khí ẩm Nam Côn Sơn cho Nhà máy xử lý khí Dinh Cố để bổ sung thêm cho nguồn khí Cửu Long và gia tăng giá trị khí;

Thực hiện tăng vốn điều lệ của PV GAS;

Ký kết hợp đồng EPC và triển khai dự án Nhà máy xử lý khí Cà Mau để thu hồi lượng khí đã nhượng cho Petronas và gia tăng giá trị khí;

Kỷ niệm 25 năm thành lập PV GAS và mừng m<sup>3</sup> khí thứ 100 tỷ cung cấp cho các khách hàng.



# BÁO CÁO TÀI CHÍNH

## HỢP NHẤT 2014

### ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN



## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Ông Lê Như Linh	Chủ tịch
Ông Vũ Đình Chiến	Phó Chủ tịch (miễn nhiệm từ ngày 01 tháng 8 năm 2014)
Ông Nguyễn Xuân Hòa	Thành viên (bổ nhiệm từ ngày 01 tháng 10 năm 2014)
Ông Đỗ Khang Ninh	Thành viên
Ông Phan Quốc Nghĩa	Thành viên
Ông Nguyễn Trung Dân	Thành viên

#### Ban Tổng Giám đốc

Ông Đỗ Khang Ninh	Tổng Giám đốc kiêm Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Dương Mạnh Sơn	Phó Tổng Giám đốc thường trực
Ông Trần Hưng Hiển	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Hồng Lĩnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Nghị	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Ngọc Quang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quốc Huy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hồ Tùng Vũ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Mậu Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Đăng Nam	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm từ ngày 01 tháng 10 năm 2014)

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Đỗ Khang Ninh**  
Tổng Giám đốc

Ngày 18 tháng 3 năm 2015

# BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Số: 767/VNIA-HN-BC

Kính gửi: Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty cổ phần

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 18 tháng 3 năm 2015, từ trang 107 đến trang 149 bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (gọi chung là "báo cáo tài chính hợp nhất").

## Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

## Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**Phạm Hoài Nam**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số  
0042-2013-001-1  
**Thay mặt và đại diện cho**  
**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**  
Ngày 18 tháng 3 năm 2015  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Trần Quang Huy**  
**Kiểm toán viên**  
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số  
1675-2013-001-1

# BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)</b>	<b>100</b>		<b>33.289.238.987.142</b>	<b>28.307.000.125.801</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>24.080.005.607.944</b>	<b>18.292.997.853.785</b>
1. Tiền	111		4.855.353.568.912	2.871.148.131.563
2. Các khoản tương đương tiền	112		19.224.652.039.032	15.421.849.722.222
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>6</b>	<b>1.683.875.000.000</b>	<b>818.400.000.000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		1.696.600.283.780	818.400.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(12.725.283.780)	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>5.018.749.032.204</b>	<b>5.960.271.247.392</b>
1. Phải thu khách hàng	131		4.200.201.201.244	5.367.524.365.864
2. Trả trước cho người bán	132		631.737.398.040	364.713.506.477
3. Các khoản phải thu khác	135	7	283.825.017.475	303.515.673.310
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(97.014.584.555)	(75.482.298.259)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>8</b>	<b>1.860.494.504.580</b>	<b>2.461.447.890.066</b>
1. Hàng tồn kho	141		1.936.137.670.317	2.551.234.000.042
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(75.643.165.737)	(89.786.109.976)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>646.114.842.414</b>	<b>773.883.134.558</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	159.046.970.613	99.394.627.300
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		348.394.101.230	155.681.481.108
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	10	39.275.957.465	27.431.864.026
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	11	99.397.813.106	491.375.162.124
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)</b>	<b>200</b>		<b>20.022.656.770.787</b>	<b>21.540.672.785.751</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>19.011.093.468.496</b>	<b>19.832.971.680.375</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	14.778.107.841.990	16.566.943.437.255
- Nguyên giá	222		35.015.948.305.693	33.379.936.365.725
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(20.237.840.463.703)	(16.812.992.928.470)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	13	93.944.853.925	117.401.685.038
- Nguyên giá	225		228.700.252.298	234.189.964.033
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(134.755.398.373)	(116.788.278.995)
3. Tài sản cố định vô hình	227	14	358.758.391.672	345.269.451.846
- Nguyên giá	228		399.978.956.486	375.361.704.774
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(41.220.564.814)	(30.092.252.928)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	15	3.780.282.380.909	2.803.357.106.236
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>87.201.169.122</b>	<b>445.219.192.283</b>
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	17	77.201.169.122	78.618.908.503
2. Đầu tư dài hạn khác	258	19	85.000.000.000	441.600.283.780
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(75.000.000.000)	(75.000.000.000)
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>924.362.133.169</b>	<b>1.262.481.913.093</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	20	861.635.599.757	1.231.778.636.667
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		37.235.738.307	5.499.218.456
3. Tài sản dài hạn khác	268		25.490.795.105	25.204.057.970
<b>C. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI</b>	<b>269</b>	<b>21</b>	<b>479.511.590.176</b>	<b>531.262.467.013</b>
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200+269)</b>	<b>270</b>		<b>53.791.407.348.105</b>	<b>50.378.935.378.565</b>

Các thuyết minh từ trang 112 đến trang 149 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị: VND


NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>16.112.058.787.504</b>	<b>15.345.611.241.732</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>10.611.727.565.572</b>	<b>9.873.098.383.528</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	22	2.443.227.901.530	2.852.512.594.119
2. Phải trả người bán	312		1.782.284.125.251	3.658.256.678.856
3. Người mua trả tiền trước	313		123.166.550.322	73.689.620.884
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	23	1.571.798.803.751	773.742.762.060
5. Phải trả người lao động	315		153.146.072.621	137.995.751.453
6. Chi phí phải trả	316	24	1.510.725.063.882	1.564.990.395.523
7. Phải trả ngắn hạn nội bộ	317	25	77.135.056.337	298.361.455.294
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	26	2.661.738.576.187	404.605.274.667
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		288.505.415.691	108.943.850.672
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>5.500.331.221.932</b>	<b>5.472.512.858.204</b>
1. Phải trả dài hạn nội bộ	332	27	-	44.264.383.269
2. Phải trả dài hạn khác	333	28	194.663.433.474	229.197.999.385
3. Vay và nợ dài hạn	334	29	5.131.620.297.904	4.604.396.517.868
4. Dự phòng phải trả dài hạn	337	30	107.267.382.914	82.576.132.249
5. Doanh thu chưa thực hiện	338		35.424.063.091	505.123.377.794
6. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		31.356.044.549	6.954.447.639
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400= 410)</b>	<b>400</b>		<b>35.981.404.928.993</b>	<b>33.358.036.009.393</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>31</b>	<b>35.981.404.928.993</b>	<b>33.358.036.009.393</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		18.950.000.000.000	18.950.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.216.727.266	1.216.727.266
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		59.449.827.984	33.010.841.083
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		7.628.468.040.217	8.519.430.938.822
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		4.063.173.608.573	2.683.834.433.528
6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		134.944.997.553	134.944.997.553
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		5.144.151.727.400	3.035.598.071.141
<b>C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>	<b>32</b>	<b>1.697.943.631.608</b>	<b>1.675.288.127.440</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400+439)</b>	<b>440</b>		<b>53.791.407.348.105</b>	<b>50.378.935.378.565</b>

### CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2014	31/12/2013
1. Hàng hóa nhận giữ hộ (VND)	9.688.536.429	50.344.504.169
2. Ngoại tệ các loại		
USD	10.454.551	5.107.337
EUR	1.456	1.947

  
**Đặng Thị Hồng Yến**  
 Người lập biểu

Ngày 18 tháng 3 năm 2015

  
**Mai Hữu Ngân**  
 Kế toán trưởng

  
**Đỗ Khang Ninh**  
 Tổng Giám đốc



Các thuyết minh từ trang 112 đến trang 149 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 02-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2014	2013
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>34</b>	<b>73.648.493.789.444</b>	<b>65.597.100.116.086</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	34	255.090.755.356	197.414.320.128
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>34</b>	<b>73.393.403.034.088</b>	<b>65.399.685.795.958</b>
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	35	53.244.879.134.499	48.167.455.634.889
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>20.148.523.899.589</b>	<b>17.232.230.161.069</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	36	1.170.291.811.786	1.222.947.832.000
7. Chi phí tài chính	22	37	523.523.292.419	649.017.818.757
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		365.715.353.306	420.450.207.908
8. Chi phí bán hàng	24		1.412.303.065.766	1.263.022.901.640
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1.383.706.108.379	2.095.444.712.513
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+(21-22)-(24+25))</b>	<b>30</b>		<b>17.999.283.244.811</b>	<b>14.447.692.560.159</b>
11. Thu nhập khác	31	38	39.917.554.994	1.201.093.426.441
12. Chi phí khác	32	39	51.832.770.359	71.328.506.419
<b>13. (Lỗ)/Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>(11.915.215.365)</b>	<b>1.129.764.920.022</b>
14. Phần lãi trong công ty liên kết	45		3.497.901.222	5.298.215.259
<b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+45)</b>	<b>50</b>		<b>17.990.865.930.668</b>	<b>15.582.755.695.440</b>
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	40	3.652.779.929.841	2.988.853.977.911
17. (Thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(31.736.519.851)	(1.977.931.169)
<b>18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>14.369.822.520.678</b>	<b>12.595.879.648.698</b>
18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		247.147.012.741	308.337.205.403
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	62		14.122.675.507.937	12.287.542.443.295
<b>19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>41</b>	<b>7.140</b>	<b>6.478</b>

  
**Đặng Thị Hồng Yến**  
 Người lập biểu

Ngày 18 tháng 3 năm 2015

  
**Mai Hữu Ngân**  
 Kế toán trưởng

  
**Đỗ Khang Ninh**  
 Tổng Giám đốc



Các thuyết minh từ trang 112 đến trang 149 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 03-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2014	2013
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	17.990.865.930.668	15.582.755.695.440
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao tài sản cố định	02	3.467.376.276.521	3.338.271.404.708
Các khoản dự phòng	03	20.114.625.837	47.501.243.891
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	64.849.496.291	12.343.823.954
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(1.122.148.503.636)	(1.159.756.676.572)
Chi phí lãi vay	06	365.715.353.306	420.450.207.908
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>20.786.773.178.987</b>	<b>18.241.565.699.329</b>
Thay đổi các khoản phải thu	09	926.525.991.768	(548.535.666.065)
Thay đổi hàng tồn kho	10	615.096.329.725	(853.300.204.218)
Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(2.468.638.077.001)	518.796.365.795
Thay đổi chi phí trả trước và tài sản khác	12	530.232.154.562	919.153.794.756
Tiền lãi vay đã trả	13	(379.776.463.577)	(449.960.870.727)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(2.980.914.126.718)	(3.003.609.993.823)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(327.849.789.135)	(239.473.799.460)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>16.701.449.198.611</b>	<b>14.584.635.325.587</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(2.859.942.028.772)	(2.370.691.165.930)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	9.208.786.216	962.732.491
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(549.700.000.000)	(753.283.158.412)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	28.100.000.000	406.800.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.112.482.063.829	1.110.891.885.615
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(2.259.851.178.727)</b>	<b>(1.605.319.706.236)</b>

Các thuyết minh từ trang 112 đến trang 149 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 03-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2014	2013
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	6.243.748.745.580	5.609.612.470.569
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(6.140.037.307.744)	(7.315.593.730.885)
3. Tiền trả nợ thuê tài chính	35	(52.751.025.649)	(29.653.684.508)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(8.123.284.760.000)	(5.703.802.624.545)
5. Chuyển tiền quyết toán lượng khí trên bao tiêu (i)		(582.827.540.832)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(8.655.151.888.645)</b>	<b>(7.439.437.569.369)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>5.786.446.131.239</b>	<b>5.539.878.049.982</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>18.292.997.853.785</b>	<b>12.753.084.518.890</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	561.622.920	35.284.913
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>24.080.005.607.944</b>	<b>18.292.997.853.785</b>

(i) Như trình bày tại Thuyết minh số 31 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, trong năm 2014, theo thỏa thuận giữa Tổng Công ty và Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, toàn bộ số tiền quyết toán lượng khí trên bao tiêu với Tập đoàn Điện lực Việt Nam và các nhà máy điện từ ngày 01 tháng 7 năm 2009 đến ngày 15 tháng 5 năm 2011 (thời điểm Tổng Công ty chính thức chuyển thành Công ty cổ phần) thuộc về Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (do trước đó Tổng Công ty là Công ty TNHH Một thành viên do Tập đoàn sở hữu 100% vốn điều lệ). Theo đó, số tiền quyết toán lượng khí trên bao tiêu cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 7 năm 2009 đến ngày 15 tháng 5 năm 2011 (sau khi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp 20%) đã được Tổng Công ty chuyển trả về Tập đoàn với số tiền là 27.324.310 USD tương đương khoảng 582,8 tỷ đồng.

**Đặng Thị Hồng Yến**  
Người lập biểu

Ngày 18 tháng 3 năm 2015

**Mai Hữu Ngân**  
Kế toán trưởng



**Đỗ Khang Ninh**  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 112 đến trang 149 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất



## 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

### Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty") tiền thân là Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty TNHH Một thành viên - là công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, được thành lập theo Quyết định số 2232/QĐ-DKVN ngày 18 tháng 7 năm 2007 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3500102710 cấp lần đầu ngày 17 tháng 01 năm 2007.

Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty TNHH Một thành viên chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần với tên gọi Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16 tháng 5 năm 2011 với vốn điều lệ là 18.950 tỷ đồng. Cổ phiếu của Tổng Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu là GAS.

Trụ sở chính của Tổng Công ty đặt tại Tòa nhà PV GAS Tower, số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tổng Công ty có các công ty con sau:

- Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam (sau đây gọi tắt là "PVGAS South").
- Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc (sau đây gọi tắt là "PVGAS North").
- Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là "PVGAS D").
- Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là "PV Coating").
- Công ty Cổ phần Sản xuất Ống thép Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là "PV Pipe").

### Hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Tổng Công ty bao gồm: Thu gom, vận chuyển, tàng trữ khí và sản phẩm khí. Sản xuất khí đốt, phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống, chi tiết: Chế biến khí và sản phẩm khí. Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan, chi tiết: Tổ chức phân phối và kinh doanh các sản phẩm khí khô, khí LNG, CNG, LPG, Condensate; Xuất nhập khẩu các sản phẩm khí khô, LNG, LPG, Condensate. Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật liên quan, chi tiết: Tư vấn đầu tư, thiết kế xây dựng công trình công nghiệp cơ khí chế tạo. Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình công nghiệp, dân dụng. Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác, chi tiết: Đầu tư xây dựng, quản lý vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa các công trình, dự án khí và liên quan đến khí. Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: Kinh doanh vật tư, thiết bị, hóa chất trong lĩnh vực chế biến và sử dụng khí và các sản phẩm khí, nhập vật tư, thiết bị và phương tiện phục vụ ngành khí. Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, chi tiết: Kinh doanh dịch vụ kho bãi, cảng. Kinh doanh bất động sản. Đầu tư cơ sở hạ tầng hệ thống phân phối sản phẩm khí khô, khí lỏng từ khâu nguồn từ cung cấp đến khâu phân phối bán buôn, bán lẻ. Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật, chi tiết: Nghiên cứu ứng dụng trong lĩnh vực khí, cải tạo công trình khí. Cung cấp dịch vụ trong lĩnh vực khí, cải tạo, bảo dưỡng, sửa chữa động cơ, lắp đặt thiết bị chuyển đổi cho phương tiện giao thông vận tải và nông lâm ngư nghiệp sử dụng nhiên liệu khí. Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, chi tiết: Dịch vụ vận tải và các phương tiện có sử dụng nhiên liệu khí, vận chuyển sản phẩm khí (kinh doanh dịch vụ vận chuyển các sản phẩm khí).

## 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

### Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

## 3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ("Thông tư 202") hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Những thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho các quy định trong phần XIII của Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán số 25 "Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con".

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng các thông tư này đến báo cáo tài chính hợp nhất trong tương lai của Tổng Công ty.

## 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

### Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Tổng Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

#### 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

##### Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (Tiếp theo)

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa Tổng Công ty với các công ty con và giữa các công ty con với nhau được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Tổng Công ty. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tổng Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

##### Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Tổng Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Tổng Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Tổng Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

##### Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Tổng Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

#### 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

##### Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tổng Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó tối đa là 10 năm.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản có khác trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

##### Công cụ tài chính

###### Ghi nhận ban đầu

###### Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản đầu tư dài hạn và tài sản tài chính khác.

###### Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

###### Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

##### Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

##### Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

Đầu tư tài chính ngắn hạn bao gồm các khoản đầu tư chứng khoán và các khoản tiền gửi có kỳ hạn thu hồi trên 3 tháng và dưới 1 năm.

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 do Bộ Tài chính ban hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán khi giá chứng khoán hạch toán trên sổ sách lớn hơn giá chứng khoán thực tế trên thị trường.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền hoặc nhập trước xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Năm 2014 Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	4 - 25
Máy móc, thiết bị	3 - 20
Phương tiện vận tải	3 - 12
Thiết bị văn phòng	3 - 9
Tài sản cố định khác	3 - 20

Các tài sản cố định hữu hình của Tổng Công ty đã được đánh giá lại khi thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Tài sản cố định hữu hình là máy móc, thiết bị trực tiếp liên quan đến sản xuất sản phẩm của dự án bọc ống tại PV Coating được tính khấu hao theo khối lượng sản phẩm hoàn thành trong năm.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Tổng Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Tổng Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Tổng Công ty về chi phí đi vay (xem trình bày dưới đây).

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Tổng Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể như sau:

	Năm 2014 Số năm
Máy móc, thiết bị	5
Phương tiện vận tải	3 - 6

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất, các phần mềm máy tính, bản quyền, bằng sáng chế, nhãn hiệu hàng hóa và các tài sản cố định vô hình khác được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo thời gian được cấp, quyền sử dụng đất có thời hạn sử dụng lâu dài không phải trích khấu hao. Phần mềm máy tính và các tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ hai (02) đến chín (09) năm.

Các tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty đã được đánh giá lại khi thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

#### 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

##### Đầu tư tài chính dài hạn khác

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư vào các công ty với tỷ lệ sở hữu nhỏ hơn 20% tổng số vốn tương đương quyền biểu quyết của các công ty này, các khoản cho vay và đầu tư dài hạn khác được hạch toán theo giá gốc bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến khoản đầu tư. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư được xác định theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư (nếu có).

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn được trích lập theo quy định tại Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư dài hạn khi vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế lớn hơn vốn chủ sở hữu thực có trên báo cáo tài chính của tổ chức kinh tế tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

##### Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản giá trị lợi thế kinh doanh, giá trị vỏ bình gas đã đưa vào sử dụng và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Giá trị lợi thế kinh doanh phản ánh lợi thế kinh doanh phát sinh khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa. Khoản lợi thế kinh doanh này được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian 3 năm kể từ khi Tổng Công ty chính thức hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2014, toàn bộ khoản lợi thế kinh doanh này đã được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh.

Giá trị vỏ bình gas đã đưa vào sử dụng được phản ánh trên khoản mục chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo thời gian sử dụng ước tính của vỏ bình gas (kỳ quỹ, ký cược vỏ bình gas nhận được từ khách hàng được phản ánh trên khoản mục phải trả dài hạn khác và được phân bổ vào thu nhập tương ứng với thời hạn phân bổ giá trị vỏ bình gas). Giá trị vỏ bình gas được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian không quá mười (10) năm.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất, giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các khoản trả trước dài hạn này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

##### Ghi nhận doanh thu

###### Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Căn cứ theo hướng dẫn tại Công văn số 5110-TC/TCT ngày 16 tháng 5 năm 2003 của Bộ Tài chính, doanh thu bán khí và vận chuyển khí Nam Côn Sơn được ghi nhận tại thời điểm Tổng Công ty phát hành hoá đơn giá trị gia tăng.

#### 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

##### Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Tổng Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Tổng Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

##### Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện chủ yếu là phần giá trị chênh lệch giữa khối lượng khí giao nhận thực tế thấp hơn so với lượng khí theo định mức bao tiêu giữa Tổng Công ty với khách hàng. Giá trị này sẽ được bù trừ với phần giá trị sử dụng vượt định mức bao tiêu trong các năm tiếp theo.

##### Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

##### Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

##### Ngoại tệ

Tổng Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Các khoản chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích lập để tạo nguồn đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Tổng Công ty. Quỹ được hình thành trên cơ sở trích lập tối đa bằng 10% thu thập chịu thuế trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp và được ghi nhận vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty mẹ - Tổng Công ty không có các đề án/chương trình nghiên cứu khoa học và công nghệ, do đó Công ty mẹ - Tổng Công ty không trích lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ, các chi phí nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ khi phát sinh sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty mẹ.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Đơn vị: VND

	31/12/2014	31/12/2013
Tiền mặt tại quỹ	10.438.916.392	20.278.890.078
Tiền gửi ngân hàng	4.814.914.652.520	2.850.438.727.910
Tiền đang chuyển	30.000.000.000	430.513.575
Các khoản tương đương tiền (i)	19.224.652.039.032	15.421.849.722.222
	<b>24.080.005.607.944</b>	<b>18.292.997.853.785</b>

(i) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn nhỏ hơn hoặc bằng 3 tháng tại các ngân hàng thương mại.

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Đơn vị: VND

	31/12/2014	31/12/2013
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng và dưới 12 tháng	1.340.000.000.000	818.300.000.000
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn (i)	356.600.283.780	-
Các khoản đầu tư ngắn hạn khác	-	100.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(12.725.283.780)	-
	<b>1.683.875.000.000</b>	<b>818.400.000.000</b>

(i) Theo đề án thoái vốn đến hết năm 2015 đã được phê duyệt tại Nghị quyết số 122/NQ-KVN ngày 01 tháng 12 năm 2014 của Hội đồng Quản trị, Tổng Công ty sẽ thực hiện chuyển nhượng toàn bộ 8.226.458 cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (bao gồm 726.458 cổ phiếu thưởng) với giá trị đầu tư là 311,25 tỷ đồng, và 4.500.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Dầu khí Cửu Long với giá trị đầu tư là 45,35 tỷ đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Tổng Công ty đã thực hiện phân loại lại hai khoản đầu tư này từ khoản mục "Đầu tư dài hạn khác" sang khoản mục "Đầu tư ngắn hạn".

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

Đơn vị: VND

	31/12/2014	31/12/2013
Phải thu các bên đối tác trong hợp đồng hợp tác liên doanh thực hiện xây dựng đường ống Lô B - Ô Môn	54.190.675.035	23.629.438.880
Phải thu Công ty Cổ phần Địa Ốc Phú Long	13.843.599.844	21.474.885.586
Phải thu PVC MeKong liên quan đến hợp đồng xây dựng khu văn phòng cho thuê tại Bạc Liêu	50.000.000.000	50.000.000.000
Lãi dự thu hợp đồng ủy thác quản lý vốn và tiền gửi có kỳ hạn	100.951.112.102	96.289.596.413
Phải thu Tổng Công ty Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam - Tiền bồi thường bảo hiểm	-	10.465.468.068
Các khoản phải thu khác	64.839.630.494	101.656.284.363
	<b>283.825.017.475</b>	<b>303.515.673.310</b>

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

## 8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2014	31/12/2013
Hàng mua đang đi đường	22.880.764.149	75.266.818.644
Nguyên liệu, vật liệu	768.639.033.744	537.768.189.494
Công cụ, dụng cụ	75.015.052.265	61.045.044.314
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	41.186.395.773	47.169.471.714
Thành phẩm	250.895.423.892	89.974.375.039
Hàng hóa	777.489.262.131	1.739.953.337.079
Hàng gửi bán	31.738.363	56.763.758
	<b>1.936.137.670.317</b>	<b>2.551.234.000.042</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(75.643.165.737)	(89.786.109.976)
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho</b>	<b>1.860.494.504.580</b>	<b>2.461.447.890.066</b>

Đơn vị: VND

## 9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2014	31/12/2013
Chi phí bảo hiểm tài sản	22.905.620.845	19.596.932.826
Chi phí vận hành và khấu hao đường ống khí Nam Côn Sơn	38.618.483.288	39.743.572.135
Chi phí quảng cáo, truyền thông	59.389.481.880	3.208.925.837
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	38.133.384.600	36.845.196.502
	<b>159.046.970.613</b>	<b>99.394.627.300</b>

Đơn vị: VND

## 10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	31/12/2014	31/12/2013
Thuế giá trị gia tăng	8.051.807.778	4.419.642.821
Thuế xuất nhập khẩu	28.711.297.129	22.382.302.241
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.181.306.974	213.310.972
Thuế thu nhập cá nhân	131.703.100	285.561.037
Các loại thuế khác	199.842.484	131.046.955
	<b>39.275.957.465</b>	<b>27.431.864.026</b>

Đơn vị: VND

## 11. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014	31/12/2013
Tài sản thiếu chờ xử lý	186.346.432	750.437.509
Tạm ứng	13.805.329.919	12.602.037.800
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn (i)	85.406.136.755	478.022.686.815
	<b>99.397.813.106</b>	<b>491.375.162.124</b>

Đơn vị: VND

(i) Ký cược, ký quỹ ngắn hạn chủ yếu là số dư các khoản ký quỹ của Công ty Kinh doanh Sản phẩm Khí (đơn vị trực thuộc của Tổng Công ty) tại các ngân hàng thương mại để thanh toán cho các giao dịch xuất nhập khẩu.

## 12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Đơn vị: VND	
	Tổng cộng	Tài sản cố định khác
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Tại ngày 01/01/2014	33.379.936.365.725	33.379.936.365.725
Mua trong năm	33.379.936.365.725	33.379.936.365.725
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	145.647.559.988	145.647.559.988
Điều chỉnh theo quyết toán	1.456.796.024.033	1.456.796.024.033
Tài sản cố định thuê tài chính chuyển sang	1.919.475.079	1.919.475.079
Tăng khác	42.086.821.615	42.086.821.615
Thanh lý, nhượng bán	(18.590.066.166)	(18.590.066.166)
Giảm khác	(1.398.735.031)	(1.398.735.031)
Phân loại lại	-	-
Tại ngày 31/12/2014	35.015.948.305.693	35.015.948.305.693
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Tại ngày 01/01/2014	16.812.992.928.470	16.812.992.928.470
Khấu hao trong năm	3.399.020.187.414	3.399.020.187.414
Tài sản cố định thuê tài chính chuyển sang	39.786.377.057	39.786.377.057
Thanh lý, nhượng bán	(13.929.396.262)	(13.929.396.262)
Giảm khác	(29.632.976)	(29.632.976)
Phân loại lại	-	-
Tại ngày 31/12/2014	20.237.840.463.703	20.237.840.463.703
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại ngày 31/12/2014	14.778.107.841.990	14.778.107.841.990
Tại ngày 31/12/2013	16.566.943.437.255	16.566.943.437.255

Đơn vị: VND

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 882.480.901.907 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 622.554.209.299 đồng).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 bao gồm một số tài sản có nguyên giá là 1.027.720.002.543 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 3.767.101.966.857 đồng) được tạm tăng theo chi phí thực tế phát sinh đã tập hợp được để trích khấu hao khi tài sản được đưa vào sử dụng. Nguyên giá các tài sản này sẽ được điều chỉnh lại khi giá trị quyết toán được phê duyệt.

Tổng Công ty đã thế chấp nhà cửa, vật kiến trúc và máy móc, thiết bị với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 179.254.090.063 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 154.587.982.001 đồng) để đảm bảo cho các khoản vay của Tổng Công ty và các đơn vị thành viên.

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH (Tiếp theo)

Ngoài ra, Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam (công ty con của Tổng Công ty) đã thế chấp toàn bộ giá trị tài sản hình thành từ dự án Nhà máy bọc ống tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

Đơn vị: VND

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày 01/01/2014	190.581.907.418	43.608.056.615	234.189.964.033
Tăng trong năm	36.597.109.880	-	36.597.109.880
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	-	(42.086.821.615)	(42.086.821.615)
Tại ngày 31/12/2014	227.179.017.298	1.521.235.000	228.700.252.298
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 01/01/2014	87.182.724.947	29.605.554.048	116.788.278.995
Khấu hao trong năm	46.051.438.426	11.702.058.009	57.753.496.435
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	-	(39.786.377.057)	(39.786.377.057)
Tại ngày 31/12/2014	133.234.163.373	1.521.235.000	134.755.398.373
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 31/12/2014	93.944.853.925	-	93.944.853.925
Tại ngày 31/12/2013	103.399.182.471	14.002.502.567	117.401.685.038

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị: VND

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Bản quyền, bằng sáng chế	Nhãn hiệu hàng hóa	Tài sản cố định vô hình khác	Tổng cộng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Tại ngày 01/01/2014	330.966.401.892	38.574.125.260	1.464.370.376	4.288.007.246	68.800.000	375.361.704.774
Tăng trong năm	-	24.617.251.712	-	-	-	24.617.251.712
Phân loại lại	(152.000.000)	152.000.000	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2014	330.814.401.892	63.343.376.972	1.464.370.376	4.288.007.246	68.800.000	399.978.956.486
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Tại ngày 01/01/2014	3.524.042.677	25.937.853.146	567.290.437	-	63.066.668	30.092.252.928
Khấu hao trong năm	845.564.309	10.114.306.425	162.707.820	-	5.733.332	11.128.311.886
Phân loại lại	(63.376.670)	63.376.670	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2014	4.306.230.316	36.115.536.241	729.998.257	-	68.800.000	41.220.564.814
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày 31/12/2014	326.508.171.576	27.227.840.731	734.372.119	4.288.007.246	-	358.758.391.672
Tại ngày 31/12/2013	327.442.359.215	12.636.272.114	897.079.939	4.288.007.246	5.733.332	345.269.451.846

15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỬ DANG

Đơn vị: VND

	31/12/2014	31/12/2013
Dự án đường ống dẫn khí Nam Côn Sơn 2	2.345.324.265.090	498.635.784.711
Đường ống dẫn khí Lô B - Ô Môn	442.610.163.723	398.886.902.889
Dự án thu gom và phân phối khí mỏ Hàm Rồng và mỏ Thái Bình	327.078.082.575	88.493.398.924
Kho cảng nhập khẩu khí thiên nhiên hóa lỏng	135.596.161.325	131.849.342.644
Nhà máy xử lý khí Cà Mau	119.625.668.419	362.651.695.592
Kho chứa LNG Thị Vải	74.432.838.473	74.349.202.109
Tổng kho sản phẩm khí Đà Nẵng	51.839.034.000	28.625.586.440
Dự án Chung cư C2 Chí Linh	46.438.795.278	46.438.795.278
Công trình trạm khí CNG cho xe ô tô	39.186.072.811	29.827.146.367
Dự án nâng công suất kho chứa LPG tại Đình Vũ - Hải Phòng	29.100.059.678	999.650.901
Công trình Nhà lưu trú công ty PVPIPE	19.695.470.773	-
Hệ thống thu gom và vận chuyển khí Đại Hùng - Nam Côn Sơn 2	20.830.323.815	20.237.217.410
Tuyến đường ống kết nối Đông - Tây Nam Bộ	20.809.223.285	20.809.223.285
Dự án Đại Hùng	20.655.412.748	9.706.709.983
Dự án cấp bù khí ẩm Nam Côn Sơn - GPP Dinh Cố	17.685.711.733	4.683.087.197
Hệ thống phân phối khí thấp áp Khu công nghiệp Tiến Hải - Thái Bình	14.446.470.052	-
Công trình mở rộng hệ thống thu gom khí Mỏ Rồng giai đoạn 1	7.448.391.362	737.285.175.350
Các hạng mục dùng chung của kho chứa LPG lạnh	-	250.265.717.649
Dự án nhà máy sản xuất ống thép dầu khí	-	13.108.145.053
Dự án đường ống thu gom khí mỏ Thăng Long - Nam Đồng Đô	-	6.442.462.966
Khác	47.480.235.769	80.061.861.488
	<b>3.780.282.380.909</b>	<b>2.803.357.106.236</b>

16. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về các công ty con của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính	Số lượng cổ phiếu nắm giữ
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam (i)	TP HCM	35,26%	35,26%	Phân phối khí hóa lỏng	13.400.000
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc (i)	Hà Nội	35,88%	35,88%	Phân phối khí hóa lỏng	9.946.631
Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam (ii)	TP HCM	50,50%	50,50%	Phân phối khí thấp áp	30.300.000
Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam (iii)	Vũng Tàu	76,50%	76,50%	Kinh doanh dịch vụ bọc ống	16.524.000
Công ty Cổ phần Sản xuất Ống thép Dầu khí Việt Nam	Tiền Giang	99,99%	99,99%	Sản xuất ống thép	183.840.000

- (i) Các khoản đầu tư vào các công ty mà Tổng Công ty góp dưới 50% vốn điều lệ nhưng nắm quyền chi phối. Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc, quyền chi phối của Tổng Công ty đối với các công ty nhận đầu tư này đã được xác định chắc chắn và việc xác định các công ty này là công ty con của Tổng Công ty phù hợp với bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh, tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán hiện hành.
- (ii) Số lượng cổ phiếu của Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam được Tổng Công ty nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 bao gồm 2.770.766 cổ phiếu thường.
- (iii) Số lượng cổ phiếu của Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam được Tổng Công ty nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 bao gồm 1.224.000 cổ phiếu thường.

Trong năm 2014, Tổng Công ty đã đăng ký bán 5.090.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam nhằm cơ cấu lại danh mục đầu tư, tuy nhiên đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 giao dịch chưa được thực hiện thành công. Ngày 20 tháng 01 năm 2015, Tổng Công ty tiếp tục đăng ký bán số lượng cổ phiếu nêu trên, phương thức giao dịch là thỏa thuận và khớp lệnh.

17. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

	31/12/2014	31/12/2013
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gas đô thị	77.201.169.122	78.618.908.503
	<b>77.201.169.122</b>	<b>78.618.908.503</b>

Thông tin chi tiết về công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gas đô thị	Hà Nội	6.700.000	35,51%	Kinh doanh khí

18. HỢP ĐỒNG HỢP TÁC KINH DOANH

Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty cổ phần, Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - Công ty Cổ phần và Công ty Cổ phần Địa ốc Phú Long hợp tác cùng góp vốn đầu tư xây dựng và kinh doanh khai thác Dự án "Tòa nhà văn phòng PV Gas Tower" tại số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh. Theo thỏa thuận giữa các bên, Tổng Công ty thực hiện quản lý và hạch toán kết quả kinh doanh của hợp đồng và phân chia lợi nhuận sau thuế cho các bên theo tỷ lệ vốn góp.

18. HỢP ĐỒNG HỢP TÁC KINH DOANH (Tiếp theo)

Tỷ lệ vốn góp theo thỏa thuận tại Hợp đồng hợp tác kinh doanh như sau:

Phần vốn góp của Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty cổ phần chiếm tỷ lệ:	70%
Phần vốn góp của Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - Công ty cổ phần chiếm tỷ lệ:	20%
Phần vốn góp của Công ty Cổ phần Địa ốc Phú Long chiếm tỷ lệ:	10%

Dưới đây là số liệu về kết quả kinh doanh từ hợp đồng hợp tác kinh doanh này được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty:

	31/12/2014	31/12/2013
Nguyên giá tài sản cố định	726.241.790.840	718.541.747.813
Hao mòn lũy kế tài sản cố định (i)	68.021.540.593	48.082.852.898
Giá trị còn lại của tài sản cố định	658.220.250.247	670.458.894.915

(i) Hao mòn lũy kế tài sản cố định không bao gồm 165.065.911 đồng là khấu hao lũy kế của Nhà xe thuộc Tòa nhà văn phòng PV Gas Tower đã được thanh lý trong năm 2013.

	2014	2013
Doanh thu của hợp đồng hợp tác kinh doanh	62.611.549.764	117.627.671.780
Giá vốn của hợp đồng hợp tác kinh doanh	46.560.830.257	46.785.341.898
Chi phí khác của hợp đồng hợp tác kinh doanh (i)	(22.889.833.834)	21.533.571.464
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.566.921.735	12.327.189.605
Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp	30.373.631.606	36.981.568.814
Phân chia theo tỷ lệ góp vốn:		
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty cổ phần	21.376.294.559	25.887.098.170
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - Công ty cổ phần	5.522.227.731	7.396.313.763
Công ty Cổ phần Địa ốc Phú Long	3.475.109.316	3.698.156.881
(i) Chi phí khác của Hợp đồng hợp tác kinh doanh bao gồm:		
Chi phí Ban Quản lý và chi phí khác	727.365.442	5.637.464.666
Điều chỉnh chi phí Ban Quản lý phát sinh từ năm 2011 đến năm 2013 do thay đổi phương án phân chia chi phí	(7.721.092.478)	-
(Hoàn nhập)/Trích lập dự phòng phải thu khó đòi PVE	(15.896.106.798)	15.896.106.798
	<b>(22.889.833.834)</b>	<b>21.533.571.464</b>

19. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2014	31/12/2013
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (i)	-	311.250.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Dầu khí Cửu Long (i)	-	45.350.283.780
Công ty Cổ phần Năng lượng Vinabenny (ii)	50.000.000.000	50.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Tài sản Việt Nam (ii)	25.000.000.000	25.000.000.000
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	10.000.000.000	10.000.000.000
	<b>85.000.000.000</b>	<b>441.600.283.780</b>

(i) Giá trị đầu tư cổ phiếu Ngân hàng TMCP Đông Nam Á và Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Dầu khí Cửu Long đã được Tổng Công ty phân loại lại và trình bày trên khoản mục "Đầu tư ngắn hạn" như trình bày tại Thuyết minh số 6.



19. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC (Tiếp theo)

(ii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc và Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam (các công ty con của Tổng Công ty) đã xác định sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này và thực hiện trích lập dự phòng giảm giá 100% dựa trên tình hình hoạt động thực tế của các công ty nhận đầu tư.

20. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2014	31/12/2013
Giá trị lợi thế kinh doanh doanh nghiệp (i)	-	341.217.322.506
Chi phí vỏ bình gas chờ phân bổ	497.701.499.057	558.646.525.552
Chi phí trả trước dài hạn khác	363.934.100.700	331.914.788.609
	<b>861.635.599.757</b>	<b>1.231.778.636.667</b>

Đơn vị: VND

(i) Lợi thế kinh doanh doanh nghiệp của Tổng Công ty phản ánh lợi thế kinh doanh phát sinh khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa. Khoản lợi thế kinh doanh này được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian 3 năm kể từ khi Tổng Công ty chính thức chuyển thành Công ty cổ phần (ngày 16 tháng 5 năm 2011). Lợi thế kinh doanh doanh nghiệp của Tổng Công ty đã được phân bổ hết trong năm 2014.

21. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	2014	2013
Số dư đầu năm	531.262.467.013	619.357.443.887
Thay đổi do mua/bán các khoản đầu tư	29.426.799.948	(12.006.997.852)
Phân bổ vào chi phí trong năm	(81.177.676.785)	(76.087.979.022)
Số dư cuối năm	<b>479.511.590.176</b>	<b>531.262.467.013</b>

Đơn vị: VND

22. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2014	31/12/2013
Vay ngắn hạn	546.627.673.385	370.415.091.649
Nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 29)	1.896.600.228.145	2.482.097.502.470
	<b>2.443.227.901.530</b>	<b>2.852.512.594.119</b>

Đơn vị: VND

23. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2014	31/12/2013
Thuế giá trị gia tăng	280.773.446.704	184.436.389.605
Thuế xuất, nhập khẩu	-	17.612.241
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.264.562.608.279	568.234.143.846
Thuế tiêu thụ đặc biệt	3.148.658.367	5.339.839.281
Thuế thu nhập cá nhân	21.622.295.898	12.825.116.358
Các loại thuế khác	1.691.794.503	2.889.660.729
	<b>1.571.798.803.751</b>	<b>773.742.762.060</b>

Đơn vị: VND

23. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC (Tiếp theo)

Chi tiết tình hình thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước theo từng loại thuế như sau:

Chỉ tiêu	Tại ngày 31/12/2013	Số phải nộp	Số đã nộp	Tại ngày 31/12/2014
Thuế giá trị gia tăng	180.016.746.604	3.623.415.318.819	3.530.710.426.497	272.721.638.926
Thuế tiêu thụ đặc biệt	5.339.839.281	81.611.038.845	83.802.219.759	3.148.658.367
Thuế xuất nhập khẩu	(22.364.690.000)	227.706.354.833	234.052.961.962	(28.711.297.129)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	568.020.832.874	3.675.274.595.149	2.980.914.126.718	1.262.381.301.305
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	295.892.000	16.841.547.529	17.334.169.814	(196.730.285)
Thuế thu nhập cá nhân	12.591.923.045	89.927.832.647	81.029.162.894	21.490.592.798
Thuế môn bài	-	70.000.000	69.000.000	1.000.000
Thuế nộp thay nhà thầu phụ	1.573.857.303	27.187.826.577	27.599.506.882	1.162.176.998
Thuế và các khoản phí, lệ phí khác	836.496.927	19.539.611.534	19.850.603.155	525.505.306
<b>Cộng</b>	<b>746.310.898.034</b>	<b>7.761.574.125.933</b>	<b>6.975.362.177.681</b>	<b>1.532.522.846.286</b>
<i>Trong đó:</i>				
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		27.431.864.026		39.275.957.465
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		773.742.762.060		1.571.798.803.751

Đơn vị: VND

24. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2014	31/12/2013
Trích trước chi phí mua khí	942.080.835.932	999.551.877.663
Trích trước chi phí sửa chữa công trình khí (i)	274.374.699.972	242.309.132.892
Trích trước chi phí xây dựng cơ bản dở dang	110.180.281.549	186.069.713.421
Trích trước chi phí thuê vận hành giàn nén VSP	62.789.607.139	1.802.168.052
Chi phí lãi vay	36.010.229.211	48.465.733.203
Trích trước chi phí vận hành mỏ Rồng Đồi Mồi và Vòm Bắc mỏ Bạch Hổ	15.449.452.898	26.670.743.950
Chi phí nhà điều hành Nam Côn Sơn	13.114.873.205	35.338.734.292
Các khoản khác	56.725.083.976	24.782.292.050
	<b>1.510.725.063.882</b>	<b>1.564.990.395.523</b>

Đơn vị: VND

(i) Tổng Công ty thực hiện trích trước chi phí sửa chữa bảo dưỡng các công trình khí trên cơ sở dự toán chi phí phát sinh cho các hạng mục sẽ được sửa chữa trong các năm tài chính tiếp theo. Tổng Công ty tin tưởng rằng việc trích trước các khoản chi phí này là phù hợp với tình hình thực tế của Tổng Công ty.

25. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN NỘI BỘ

	31/12/2014	31/12/2013
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	77.135.056.337	298.361.455.294
	<b>77.135.056.337</b>	<b>298.361.455.294</b>

Đơn vị: VND

Số dư phải trả Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 chủ yếu phản ánh khoản chi phí dịch vụ quản lý phải trả theo Hợp đồng cung cấp dịch vụ giữa Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và Tổng Công ty. Theo đó, Tổng Công ty thực hiện trả cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam chi phí dịch vụ quản lý hàng năm theo mức từ 0,05% đến 0,5% tính trên từng loại doanh thu.

26. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	Đơn vị: VND	
	31/12/2014	31/12/2013
Công ty Cổ phần Địa ốc Phú Long (i)	92.607.923.143	89.132.813.827
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - CTCP (i)	179.161.728.584	173.639.500.854
Liên doanh Việt - Nga VietsovPetro (ii)	5.503.921.395	65.025.992.405
Cổ tức phải trả (iii)	2.299.782.843.111	567.603.111
Các khoản phải trả, phải nộp khác	84.682.159.954	76.239.364.470
	<b>2.661.738.576.187</b>	<b>404.605.274.667</b>

- (i) Các khoản phải trả thể hiện phần vốn góp và lợi nhuận được chia của Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - Công ty Cổ phần và Công ty Cổ phần Địa ốc Phú Long từ việc đầu tư xây dựng và kinh doanh khai thác Dự án "Tòa nhà văn phòng PV Gas Tower" như trình bày tại Thuyết minh số 18.
- (ii) Khoản phải trả liên quan đến việc đầu tư chung Dự án "Xây dựng nhà ở 10 chỗ tại giàn MSP4" của Công ty Vận chuyển Khí Đông Nam Bộ (đơn vị trực thuộc của Tổng Công ty) và Liên doanh Việt - Nga VietsovPetro (Vietsov). Theo đó, Vietsov là đơn vị theo dõi, kiểm tra và chịu trách nhiệm chi trả cho nhà thầu. Căn cứ trên biên bản nghiệm thu với nhà thầu, Vietsov sẽ thu lại phần chi phí xây dựng tương ứng với tỷ lệ đầu tư của Công ty Vận chuyển Khí Đông Nam Bộ.
- (iii) Khoản phải trả này chủ yếu là tạm ứng cổ tức đợt 2 năm 2014 cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

27. PHẢI TRẢ DÀI HẠN NỘI BỘ

	Đơn vị: VND	
	31/12/2014	31/12/2013
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	-	44.264.383.269
	-	<b>44.264.383.269</b>

28. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

	Đơn vị: VND	
	31/12/2014	31/12/2013
Nhận ký quỹ, ký cược vỏ bình gas	191.972.824.589	226.233.196.950
Khác	2.690.608.885	2.964.802.435
	<b>194.663.433.474</b>	<b>229.197.999.385</b>

29. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	Đơn vị: VND	
	31/12/2014	31/12/2013
<b>Vay dài hạn</b>	<b>6.952.054.294.972</b>	<b>6.982.643.865.112</b>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	2.396.295.890.688	2.811.700.849.704
Ngân hàng Cathay United Bank	1.603.500.000.000	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	810.530.829.028	524.486.458.296
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	653.055.977.667	422.090.460.552
Ngân hàng Standard Chartered	631.897.777.445	1.246.357.777.731
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	612.150.336.291	686.956.739.845
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	71.024.400.000	-
Ngân hàng Bangkok Đại chúng TNHH - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	62.120.252.352	122.526.239.951
Ngân hàng TMCP Quân đội	38.928.564.790	80.058.679.230
Ngân hàng TMCP Đại Dương	32.242.010.846	-
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	24.856.555.865	224.696.339.043
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	5.938.000.000	709.795.896.718
Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt	9.513.700.000	-
Ngân hàng Đầu tư Châu Âu	-	153.974.424.042
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>76.166.231.077</b>	<b>103.850.155.226</b>
Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam VILC	40.189.762.590	41.068.480.639
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín	21.352.436.963	-
Công ty Cho thuê tài chính Ngân hàng Á Châu	8.643.494.799	18.072.761.679
Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Chailease	5.980.536.725	2.328.724.473
Công ty TNHH Một thành viên cho thuê tài chính - Sacombank	-	42.380.188.435
	<b>7.028.220.526.049</b>	<b>7.086.494.020.338</b>
Trừ: nợ dài hạn đến hạn trả (được trình bày trên phần nợ ngắn hạn)	1.896.600.228.145	2.482.097.502.470
	<b>5.131.620.297.904</b>	<b>4.604.396.517.868</b>

Các khoản vay và nợ dài hạn của Tổng Công ty được giải ngân bằng đồng Việt Nam và Đô la Mỹ để phục vụ cho việc đầu tư mua sắm tài sản cố định của Tổng Công ty. Chi tiết số tiền vay theo đồng tiền giải ngân như sau:

	Đơn vị: VND	
	31/12/2014	31/12/2013
Vay bằng USD	4.085.693.537.327	4.678.602.464.864
Vay bằng VND	2.942.526.988.722	2.407.891.555.474
	<b>7.028.220.526.049</b>	<b>7.086.494.020.338</b>

29. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)

Các khoản vay và nợ dài hạn của Tổng Công ty phân loại theo loại hình đảm bảo như sau:

	31/12/2014	31/12/2013
Tín chấp	6.673.831.486.908	5.857.194.256.952
Bảo lãnh của bên thứ 3	-	153.974.424.042
Bảo đảm bằng tài sản của Tổng Công ty	278.222.808.064	971.475.184.118
Thuê tài chính	76.166.231.077	103.850.155.226
	<b>7.028.220.526.049</b>	<b>7.086.494.020.338</b>

Các khoản vay của Tổng Công ty được ký hợp đồng theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Lãi suất trong năm là từ 4,5% đến 17,5%/năm đối với Đồng Việt Nam và từ 0,75% đến 6,8%/năm đối với Đô la Mỹ. Các khoản vay được phân loại theo lãi suất vay như sau:

	31/12/2014	31/12/2013
Vay theo lãi suất cố định	42.000.000.000	545.337.429.752
Vay theo lãi suất thả nổi	6.986.220.526.049	6.541.156.590.586
	<b>7.028.220.526.049</b>	<b>7.086.494.020.338</b>

Các khoản vay và nợ dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2014	31/12/2013
Trong vòng một năm	1.896.600.228.145	2.482.097.502.470
Trong năm thứ hai	981.662.745.876	1.855.496.667.675
Từ ba năm đến năm thứ năm	3.645.888.753.482	1.799.741.757.126
Sau năm năm	504.068.798.546	949.158.093.067
	<b>7.028.220.526.049</b>	<b>7.086.494.020.338</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày trên khoản nợ ngắn hạn)	1.896.600.228.145	2.482.097.502.470
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b>5.131.620.297.904</b>	<b>4.604.396.517.868</b>

30. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

Dự phòng phải trả dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 chủ yếu là khoản trích trước chi phí bảo hành cho các dự án do PV Coating (công ty con của Tổng Công ty) thực hiện hoàn thành và đã quyết toán với chủ đầu tư dự án với thời hạn bảo hành trong vòng 36 tháng. Tỷ lệ trích lập dự phòng từ 3% - 5% giá trị của dự án thực hiện.

31. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu:

	Đơn vị: VND							
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quy đầu tư phát triển	Quy dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Quy khác thuộc vốn chủ sở hữu	Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2013	18.950.000.000.000	-	33.010.841.083	1.548.073.253.137	1.456.619.605.947	5.071.807.931.521	131.687.747.553	27.191.199.379.241
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	12.595.879.648.698	-	12.595.879.648.698
Trích lập các quỹ	-	-	-	7.074.089.332.728	1.232.864.559.160	(8.313.403.891.888)	6.450.000.000	-
Điều chỉnh theo quyết toán cổ phần hóa	-	1.216.727.266	-	-	-	(245.831.372.787)	-	(244.614.645.521)
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng ban điều hành	-	-	-	-	-	(216.057.825.177)	-	(216.057.825.177)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(5.685.000.000.000)	-	(5.685.000.000.000)
Lợi nhuận chia cho các bên liên doanh	-	-	-	-	-	(11.094.470.644)	-	(11.094.470.644)
Thay đổi khác	-	-	-	(96.538.297)	(93.163.176)	21.837.936.535	-	21.648.235.062
Phân bổ lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-	(102.635.108.746)	(5.556.568.403)	(182.539.885.117)	(3.192.750.000)	(293.924.312.266)
Số dư tại ngày 01/01/2014	18.950.000.000.000	1.216.727.266	33.010.841.083	8.519.430.938.822	2.683.834.433.528	3.035.598.071.141	134.944.997.553	33.358.036.009.393
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	14.369.822.520.678	-	14.369.822.520.678
Trích lập các quỹ	-	-	-	840.977.438.343	1.385.813.839.558	(2.226.791.277.901)	-	-
Bổ sung vốn chủ sở hữu	-	-	-	(54.866.660.000)	-	-	-	-
Điều chỉnh theo Nghị quyết ĐHCĐ năm 2014 (i)	-	-	-	(1.612.672.193.928)	-	1.612.672.193.928	-	-
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng ban điều hành	-	-	-	-	-	(520.879.309.742)	-	(520.879.309.742)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(10.422.500.000.000)	-	(10.422.500.000.000)
Lợi nhuận chia cho các bên liên doanh (ii)	-	-	-	-	-	(8.997.337.047)	-	(8.997.337.047)
Quyết toán lượng khí trên bao tiêu nẹp về Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (iii)	-	-	(3.730.799.704)	(4.314.157.669)	(2.599.235.937)	(8.768.529.129)	-	(19.412.722.439)
Thay đổi khác	-	-	(24.696.873.395)	(60.087.325.351)	(3.875.428.576)	(103.177.063.696)	-	(191.836.691.018)
Phân bổ lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-	(582.827.540.832)	-	(582.827.540.832)
Số dư tại ngày 31/12/2014	18.950.000.000.000	1.216.727.266	59.449.827.984	7.628.468.040.217	4.063.173.608.573	5.144.151.777.400	134.944.997.553	35.981.404.928.993

31. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

- (i) Công ty mẹ - Tổng Công ty thực hiện điều chỉnh lại số dư Quỹ đầu tư phát triển đã tạm trích trong năm 2013 theo số liệu đã được phê duyệt tại Nghị quyết số 56/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17 tháng 4 năm 2014 của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2014 với số tiền là 1.612.672.193.928 đồng.
- (ii) Lãi sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Hợp đồng Hợp tác kinh doanh khai thác "Tòa nhà văn phòng PV Gas Tower" cho năm tài chính 2014 được phân chia cho các đối tác tham gia theo tỷ lệ góp vốn.
- (iii) Trong năm 2014, Tổng Công ty và các bên mua - Tập đoàn Điện lực Việt Nam (gọi tắt là "EVN"), Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam và Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa đã ký các Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng kinh tế mua bán khí Nam Côn Sơn. Theo điều khoản của các Hợp đồng sửa đổi, bổ sung, các bên đồng ý bổ sung quy định về giá khí và quyết toán tiền khí trên bao tiêu trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 7 năm 2009 đến ngày 31 tháng 3 năm 2014 (Hợp đồng ký kết với EVN), và giai đoạn từ ngày 01 tháng 7 năm 2009 đến ngày 28 tháng 02 năm 2011 (Hợp đồng ký kết với 02 bên mua còn lại). Các bên mua đã chấp nhận thanh toán cho Tổng Công ty tiền khí trên bao tiêu trong các giai đoạn nêu trên với tổng số tiền là 182.423.092 USD. Tổng Công ty đã ghi nhận toàn bộ số tiền quyết toán lượng khí trên bao tiêu nêu trên vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 với số tiền tương ứng là 3.898 tỷ đồng.

Theo thỏa thuận giữa Tổng Công ty và Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, toàn bộ số tiền quyết toán lượng khí trên bao tiêu với EVN và các nhà máy điện từ ngày 01 tháng 7 năm 2009 đến ngày 15 tháng 5 năm 2011 (thời điểm Tổng Công ty chính thức chuyển thành Công ty cổ phần) sẽ thuộc về Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (do trước đó Tổng Công ty là Công ty TNHH Một thành viên do Tập đoàn sở hữu 100% vốn điều lệ). Theo đó, số tiền quyết toán lượng khí trên bao tiêu cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 7 năm 2009 đến ngày 15 tháng 5 năm 2011 (sau khi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp 20%) đã được Tổng Công ty chuyển trả về Tập đoàn Dầu khí Việt Nam với số tiền là 27.324.310 USD tương đương 582,8 tỷ đồng.

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu:

	Số lượng (cổ phần)	Tỷ lệ %	Số vốn góp VND
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	1.832.835.900	96,72	18.328.359.000.000
Các cổ đông khác	62.164.100	3,28	621.641.000.000
	<b>1.895.000.000</b>	<b>100</b>	<b>18.950.000.000.000</b>

31. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Số lượng cổ phần Tổng Công ty đã đăng ký và phát hành ra công chúng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 1.895.000.000 cổ phần. Toàn bộ số cổ phần của Tổng Công ty là cổ phần phổ thông, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

Cổ phiếu	31/12/2014	31/12/2013
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.895.000.000	1.895.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	1.895.000.000	1.895.000.000
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.895.000.000	1.895.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	1.895.000.000	1.895.000.000

Cổ tức:

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2014 số 56/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17 tháng 4 năm 2014 và Nghị Quyết của Hội đồng Quản trị số 61/NQ-KVN ngày 25 tháng 4 năm 2014, Tổng Công ty đã công bố và chi trả cổ tức đợt 3 từ lợi nhuận sau thuế năm 2013 với số tiền là 4.169.000.000.000 đồng (tương đương với 2.200 đồng/cổ phần).

Công ty mẹ - Tổng Công ty cũng đã thực hiện chia cổ tức đợt 1 và đợt 2 từ lợi nhuận sau thuế của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 cho các cổ đông với số tiền là 6.253.500.000.000 đồng (tương đương với 3.300 đồng/cổ phần).

32. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ

	31/12/2014	31/12/2013
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	893.026.270.000	833.953.049.289
Vốn khác thuộc chủ sở hữu	2.834.219.563	8.110.915.588
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	14.845.685.500
Thặng dư vốn cổ phần	38.130.801.836	38.055.042.784
Cổ phiếu quỹ	(4.727.250)	-
Quỹ đầu tư phát triển	503.288.299.452	438.886.816.432
Quỹ dự phòng tài chính	66.832.863.628	64.880.969.147
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	6.162.750.000	6.162.750.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	187.673.154.379	270.392.898.700
	<b>1.697.943.631.608</b>	<b>1.675.288.127.440</b>

Đơn vị: VND

33. BÁO CÁO THEO BỘ PHẬN

Bộ phận theo khu vực địa lý

Tổng Công ty không có hoạt động kinh doanh nào ngoài lãnh thổ Việt Nam; do vậy, Tổng Công ty không có bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý ngoài Việt Nam.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, Tổng Công ty tổ chức các hoạt động kinh doanh theo từng lĩnh vực trên cơ sở các công ty con hoạt động tương đối riêng biệt.

Hoạt động theo lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty bao gồm các bộ phận như sau:

- Hoạt động kinh doanh khí và các sản phẩm khí (gồm có Công ty mẹ, PVGAS South, PVGAS North và PVGAS D);
- Hoạt động phụ trợ kinh doanh khí và các sản phẩm khí: Sản xuất ống thép, xây dựng, lắp đặt, sửa chữa các công trình khí (gồm có PV Pipe và PV Coating).

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty như sau:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị: VND

	Kinh doanh khí và các sản phẩm khí	Hoạt động phụ trợ kinh doanh khí và các sản phẩm khí	Loại trừ nội bộ và điều chỉnh	Tổng cộng
<b>Tài sản</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	23.771.988.277.949	308.017.329.995	-	24.080.005.607.944
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	1.683.875.000.000	-	-	1.683.875.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	8.410.958.865.658	453.380.923.973	(3.845.590.757.427)	5.018.749.032.204
Hàng tồn kho	1.376.649.397.891	634.826.906.201	(150.981.799.512)	1.860.494.504.580
Tài sản ngắn hạn khác	635.823.548.459	10.291.293.955	-	646.114.842.414
Tài sản cố định	17.216.332.885.585	2.088.416.150.234	(293.655.567.323)	19.011.093.468.496
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	3.071.750.993.947	-	(2.984.549.824.825)	87.201.169.122
Tài sản dài hạn khác	807.779.471.238	106.940.519.771	9.642.142.160	924.362.133.169
Lợi thế thương mại	29.555.598.846	-	449.955.991.330	479.511.590.176
<b>Tổng tài sản hợp nhất</b>	<b>57.004.714.039.573</b>	<b>3.601.873.124.129</b>	<b>(6.815.179.815.597)</b>	<b>53.791.407.348.105</b>
<b>Nợ phải trả</b>				
Nợ ngắn hạn	13.353.745.262.882	1.202.681.959.454	(3.944.699.656.764)	10.611.727.565.572
Nợ dài hạn	5.126.562.861.938	375.293.787.229	(1.525.427.235)	5.500.331.221.932
<b>Tổng nợ phải trả hợp nhất</b>	<b>18.480.308.124.820</b>	<b>1.577.975.746.683</b>	<b>(3.946.225.083.999)</b>	<b>16.112.058.787.504</b>

33. BÁO CÁO THEO BỘ PHẬN (Tiếp theo)

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị: VND

	Kinh doanh khí và các sản phẩm khí	Hoạt động phụ trợ kinh doanh khí và các sản phẩm khí	Loại trừ nội bộ và điều chỉnh	Tổng cộng
<b>Doanh thu</b>				
Tổng doanh thu thuần	83.569.366.353.915	2.257.375.151.377	(12.433.338.471.204)	73.393.403.034.088
Doanh thu nội bộ	10.960.303.869.331	1.473.034.601.873	(12.433.338.471.204)	-
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>72.609.062.484.584</b>	<b>784.340.549.504</b>	<b>-</b>	<b>73.393.403.034.088</b>
<b>Chi phí kinh doanh</b>	<b>66.268.560.485.576</b>	<b>1.789.672.065.601</b>	<b>(12.017.344.242.533)</b>	<b>56.040.888.308.644</b>
- Giá vốn hàng bán	63.571.287.504.417	1.693.765.736.778	(12.020.174.106.696)	53.244.879.134.499
- Chi phí bán hàng	1.472.313.915.770	-	(60.010.850.004)	1.412.303.065.766
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	1.224.959.065.389	95.906.328.823	62.840.714.167	1.383.706.108.379
<b>Kết quả hoạt động kinh doanh</b>	<b>17.300.805.868.339</b>	<b>467.703.085.776</b>	<b>(415.994.228.671)</b>	<b>17.352.514.725.444</b>
Phần lợi nhuận trong các công ty liên kết				3.497.901.222
Doanh thu hoạt động tài chính				1.170.291.811.786
Chi phí tài chính				523.523.292.419
(Lỗ) khác				(11.915.215.365)
<b>Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp</b>				<b>17.990.865.930.668</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				3.652.779.929.841
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				(31.736.519.851)
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>				<b>14.369.822.520.678</b>

34. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

Đơn vị: VND

	2014	2013
<b>Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ</b>	<b>73.648.493.789.444</b>	<b>65.597.100.116.086</b>
Doanh thu bán khí khô (i)	40.714.934.926.267	32.266.408.660.838
Doanh thu bán LPG	26.497.355.945.204	27.657.602.672.799
Doanh thu vận chuyển khí	3.987.363.173.048	4.040.790.375.278
Doanh thu bán condensate	897.721.427.292	460.719.382.626
Doanh thu cho thuê tòa nhà PVGAS Tower	54.870.931.958	117.627.671.780
Doanh thu hoạt động bọc ống	659.686.279.933	533.019.811.983
Doanh thu hoạt động cơ khí, chế tạo	211.205.503.205	34.033.909.741
Doanh thu khác	625.355.602.537	486.897.631.041
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>255.090.755.356</b>	<b>197.414.320.128</b>
Chiết khấu thương mại	173.479.716.511	155.530.739.889
Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu	81.611.038.845	41.883.580.239
<b>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>73.393.403.034.088</b>	<b>65.399.685.795.958</b>

34. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ (Tiếp theo)

(i) Trong năm 2014, Tổng Công ty và các bên mua - Tập đoàn Điện lực Việt Nam (gọi tắt là "EVN"), Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam và Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa đã ký các Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng kinh tế mua bán khí Nam Côn Sơn. Theo điều khoản của các Hợp đồng sửa đổi, bổ sung, các bên đồng ý bổ sung quy định về giá khí và quyết toán tiền khí trên bao tiêu trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 7 năm 2009 đến ngày 31 tháng 3 năm 2014 (Hợp đồng ký kết với EVN), và giai đoạn từ ngày 01 tháng 7 năm 2009 đến ngày 28 tháng 2 năm 2011 (Hợp đồng ký kết với 02 bên mua còn lại). Các bên mua đã chấp nhận thanh toán cho Tổng Công ty tiền khí trên bao tiêu trong các giai đoạn nêu trên với tổng số tiền là 182.423.092 USD. Tổng Công ty đã ghi nhận toàn bộ số tiền quyết toán lượng khí trên bao tiêu nêu trên vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 với số tiền tương ứng là 3.898 tỷ đồng.

Tổng Công ty xác định thời điểm ghi nhận doanh thu bán khí và vận chuyển khí Nam Côn Sơn là thời điểm phát hành hoá đơn theo hướng dẫn tại Công văn số 5110-TC/TCT ngày 16 tháng 5 năm 2003 của Bộ Tài chính. Theo đó, doanh thu và chi phí mua khí của hoạt động bán khí và vận chuyển khí Nam Côn Sơn phát sinh trong tháng 11 và tháng 12 năm 2014 chưa được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 với số tiền lần lượt là 5.029 tỷ đồng và 4.250 tỷ đồng (doanh thu và chi phí mua khí phát sinh trong tháng 11 và tháng 12 năm 2013 được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 với số tiền lần lượt là 4.056 tỷ đồng và 3.328 tỷ đồng).

35. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Đơn vị: VND	
	2014	2013
Giá vốn bán khí khô	26.791.720.753.055	22.045.209.092.382
Giá vốn bán LPG	23.259.188.817.629	23.625.246.404.884
Giá vốn vận chuyển khí	1.479.478.096.442	1.325.687.869.740
Giá vốn bán condensate	421.802.653.676	211.536.202.837
Giá vốn cho thuê tòa nhà PVGAS Tower	46.560.830.257	46.785.341.898
Giá vốn hoạt động bọc ống	456.381.423.713	418.670.328.447
Giá vốn hoạt động cơ khí, chế tạo	201.822.061.797	161.157.888.363
Giá vốn khác	587.924.497.930	333.162.506.338
	<b>53.244.879.134.499</b>	<b>48.167.455.634.889</b>

36. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Đơn vị: VND	
	2014	2013
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.098.105.324.764	1.129.514.181.099
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	51.283.251.124	44.238.541.654
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.536.769.707	3.387.907.500
Cổ tức, lợi nhuận được chia	19.038.254.754	39.471.557.750
Lãi từ bán các khoản đầu tư	-	5.146.263.919
Doanh thu hoạt động tài chính khác	328.211.437	1.189.380.078
	<b>1.170.291.811.786</b>	<b>1.222.947.832.000</b>

37. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Đơn vị: VND	
	2014	2013
Chi phí lãi vay	365.715.353.306	420.450.207.908
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	71.388.656.303	127.187.874.374
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	47.242.951.804	15.731.731.454
Lỗ từ bán các khoản đầu tư	-	12.674.960.000
Chi phí dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	12.725.283.780	19.591.347.155
Chi phí tài chính khác	7.307.733.032	34.238.383.672
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản	19.143.314.194	19.143.314.194
	<b>523.523.292.419</b>	<b>649.017.818.757</b>

38. THU NHẬP KHÁC

	Đơn vị: VND	
	2014	2013
Hoàn nhập Quỹ phát triển khoa học công nghệ (i)	-	1.146.711.002.353
Thu từ thanh lý tài sản, vật tư	11.083.333.403	962.732.491
Thu nhập khác	28.834.221.591	53.419.691.597
	<b>39.917.554.994</b>	<b>1.201.093.426.441</b>

(i) Trong năm 2013, Tổng Công ty hoàn nhập Quỹ phát triển Khoa học và công nghệ không sử dụng theo Nghị quyết số 01/NQ-KVN của Hội đồng Quản trị ngày 02 tháng 01 năm 2013.

39. CHI PHÍ KHÁC

	Đơn vị: VND	
	2014	2013
Lãi phát sinh từ số thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên khoản thu nhập do hoàn nhập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	-	30.945.482.839
Chi phí thanh lý tài sản, vật tư	25.644.084.302	2.557.189.761
Chi phí khác	26.188.686.057	37.825.833.819
	<b>51.832.770.359</b>	<b>71.328.506.419</b>

40. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Đơn vị: VND	
	2014	2013
Lợi nhuận trước thuế	17.990.865.930.668	15.582.755.695.440
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>3.652.779.929.841</b>	<b>2.988.853.977.911</b>
Trong đó:		
Tổng Công ty khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	3.482.123.063.530	2.845.418.785.761
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	67.507.327.467	42.509.494.646
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc	3.679.383.916	9.005.287.848
Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam	48.315.161.882	72.170.534.738
Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam	51.154.993.046	19.461.105.058
Công ty Cổ phần Thể thao Văn hóa Dầu khí	-	288.769.860

40. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (Tiếp theo)

Tổng Công ty và các công ty con có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 22% tính trên thu nhập chịu thuế. Tổng Công ty và các công ty con có các khoản ưu đãi thuế lớn như sau:

(i) Công ty mẹ - Tổng Công ty được ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

Công ty mẹ - Tổng Công ty được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi là 20% đối với Dự án Trung tâm Phân phối Khí Phú Mỹ theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 8898-BKH/DN ngày 31 tháng 12 năm 2001, Dự án Dịch vụ Vận chuyển condensate Nam Côn Sơn theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 3399-BKH/DN ngày 28 tháng 5 năm 2002 và Dự án Đường ống dẫn khí Nam Côn Sơn theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 6011-BKH/DN ngày 18 tháng 9 năm 2002 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Công ty mẹ - Tổng Công ty được hưởng ưu đãi miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 3 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế, hưởng mức thuế suất 7,5% trong 7 năm tiếp theo và mức thuế suất 15% trong 2 năm sau đó đối với Dự án Trạm nạp LPG Thị Vải theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 49221000055 ngày 10 tháng 8 năm 2007. Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty TNHH Một thành viên (đơn vị cổ phần hóa) đã đăng ký bắt đầu áp dụng ưu đãi miễn thuế đối với Dự án từ năm 2010 và Tổng Công ty được kế thừa ưu đãi này.

Công ty mẹ - Tổng Công ty được hưởng ưu đãi miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 3 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế, hưởng mức thuế suất 7,5% trong 7 năm tiếp theo và mức thuế suất 15% trong 2 năm sau đó đối với Dự án Hệ thống Phân phối khí thấp áp Giai đoạn 2 theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 49221000047 ngày 02 tháng 7 năm 2007. Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty TNHH Một thành viên đã đăng ký bắt đầu áp dụng ưu đãi miễn thuế đối với Dự án từ năm 2010 và Tổng Công ty được kế thừa ưu đãi này.

Công ty mẹ - Tổng Công ty được hưởng ưu đãi miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% trong 3 năm tiếp theo đối với Dự án Đường ống dẫn khí PM3 - Cà Mau theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 61101000095 ngày 09 tháng 02 năm 2010. Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty TNHH Một thành viên đã đăng ký bắt đầu áp dụng ưu đãi miễn thuế đối với Dự án từ năm 2010 và Tổng Công ty được kế thừa ưu đãi này.

(ii) Công ty con - PV GAS South được ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

Theo Giấy chứng nhận đầu tư cho hoạt động kinh doanh khí CNG, hoạt động kinh doanh khí CNG tại Khu Công nghiệp Mỹ Xuân A, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp một năm và giảm 50% cho bốn năm tiếp theo kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế. PV GAS South đã đăng ký với cơ quan thuế năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế là năm 2010, theo đó, năm 2014 được xem là năm thứ năm hoạt động kinh doanh khí CNG có thu nhập chịu thuế và là năm cuối cùng PV GAS South được hưởng ưu đãi giảm 50% số thuế phải nộp.

Công ty Cổ phần CNG Việt Nam - công ty con của PV GAS South có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm theo thuế suất 20% tính trên thu nhập chịu thuế trong vòng 10 năm kể từ khi đi vào hoạt động và theo thuế suất thông thường là 25% (từ năm 2014: 22% theo quy định của Nghị định 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013) cho các năm tiếp theo. Ngoài ra, Công ty Cổ phần CNG Việt Nam được miễn thuế thu nhập trong 2 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi (từ năm 2009) và được giảm 50% thuế suất áp dụng nêu trên cho 6 năm tiếp theo (từ năm 2011). Đối với phần công suất vượt công suất đăng ký kinh doanh hiện tại, Công ty Cổ phần CNG Việt Nam có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất thông thường.

(iii) Công ty con - PV Pipe được ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 53101000116 ngày 21 tháng 10 năm 2010 của UBND tỉnh Tiền Giang, PV Pipe được hưởng ưu đãi đầu tư đối với dự án đầu tư trên địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn (huyện Gò Công, tỉnh Tiền Giang). PV Pipe được hưởng ưu đãi về thuế suất và thời gian miễn thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp. Cụ thể: Thuế suất ưu đãi 20% áp dụng trong thời gian 10 năm được tính liên tục từ năm đầu tiên doanh nghiệp có doanh thu từ hoạt động được hưởng ưu đãi thuế, miễn thuế 2 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 4 năm tiếp theo. Thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính liên tục từ năm đầu tiên doanh nghiệp có thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư; trường hợp doanh nghiệp không có thu nhập chịu thuế trong ba năm đầu, kể từ năm đầu tiên có doanh thu từ dự án thì thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính từ năm thứ tư.

41. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Đơn vị: VND	
	2014	2013
Lợi nhuận kế toán sau thuế của Công ty mẹ	14.122.675.507.937	12.287.542.443.295
Lợi nhuận trả cho các bên tham gia liên doanh tòa nhà PVGas Tower	8.997.337.048	11.094.470.644
Quyết toán lượng khí trên bao tiêu chuyển về Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (i)	582.827.540.832	
<b>Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>13.530.850.630.057</b>	<b>12.276.447.972.651</b>
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	1.895.000.000	1.895.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>7.140</b>	<b>6.478</b>

(i) Như trình bày tại Thuyết minh số 31, trong năm 2014, Tổng Công ty đã ghi nhận toàn bộ số tiền quyết toán lượng khí trên bao tiêu cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 7 năm 2009 đến ngày 31 tháng 3 năm 2014 vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 với số tiền là 3.898 tỷ đồng. Theo thỏa thuận giữa Tổng Công ty và Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, toàn bộ số tiền quyết toán lượng khí trên bao tiêu với Tập đoàn Điện lực Việt Nam và các nhà máy điện từ ngày 01 tháng 7 năm 2009 đến ngày 15 tháng 5 năm 2011 (thời điểm Tổng Công ty chính thức chuyển thành Công ty cổ phần) thuộc về Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (do trước đó Tổng Công ty là Công ty TNHH Một thành viên do Tập đoàn nắm giữ 100% vốn điều lệ). Theo đó, số tiền quyết toán lượng khí trên bao tiêu cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 7 năm 2009 đến ngày 15 tháng 5 năm 2011 (sau khi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp 20%) đã được Tổng Công ty loại trừ khi xác định "Lãi cơ bản trên cổ phiếu" với số tiền là 27.324.310 USD tương đương 582,8 tỷ đồng.

42. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Đơn vị: VND	
	2014	2013
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6.357.731.532.675	6.272.146.122.820
Chi phí mua khí từ các chủ mỏ	21.138.087.027.545	17.353.555.072.678
Chi phí nhân công	887.381.515.719	748.819.717.935
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.466.010.979.635	3.338.271.404.708
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.909.660.356.101	2.016.057.746.706
Chi phí khác	1.466.882.908.605	1.911.386.641.153
	<b>36.225.754.320.280</b>	<b>31.640.236.706.000</b>

43. CÁC KHOẢN CAM KẾT

(i) Cam kết vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Tổng Công ty có các khoản cam kết vốn liên quan tới một số hợp đồng đầu tư xây dựng cơ bản lớn đang thực hiện chưa hoàn thành sau:

	31/12/2014	31/12/2013
Kho chứa LNG quy mô 1 triệu tấn/năm tại Thị Vải	951.341.602.333	951.425.238.697
Dự án thu gom và phân phối khí mỏ Hàm Rồng và Thái Bình lò 102 và 106	338.060.131.198	576.644.814.849
Công trình Mở rộng hệ thống thu gom khí mỏ Rồng giai đoạn 1	420.023.419.160	427.471.810.522
Dự án hệ thống phân phối khí thấp áp cho các khu công nghiệp khu vực Bắc Bộ	394.560.994.093	-
Dự toán trên bờ kho Đà Nẵng	81.054.249.336	55.000.000.000
	<b>2.185.040.396.120</b>	<b>2.010.541.864.068</b>

Đơn vị: VND

(ii) Cam kết khác

Các khoản cam kết liên quan đến hoạt động kinh doanh và vận chuyển khí:

Cam kết mua hàng

Cam kết mua hàng	Sản lượng cam kết	Thời gian cam kết
Cam kết mua khí từ chủ khí Lô 06.1	Tối thiểu là 2,7 tỷ m <sup>3</sup> /năm	Đến hết giai đoạn bình ổn của Lô 06.1
Cam kết mua khí từ chủ khí Lô 11.2	Tối thiểu là 1,216 tỷ m <sup>3</sup> /năm	Đến hết giai đoạn bình ổn của Lô 11.2
Cam kết mua khí từ chủ khí Lô 05.2 và 05.3	Tối thiểu 1,3 tỷ m <sup>3</sup> /năm	Đến hết giai đoạn bình ổn của Lô 05.2 và Lô 05.3

Cam kết bán hàng

Cam kết mua hàng	Sản lượng cam kết	Thời gian cam kết
Bán khí Nam Côn Sơn cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Tối thiểu hàng năm là 1,85 tỷ m <sup>3</sup>	Trong giai đoạn bình ổn theo hợp đồng GSA
Bán khí Nam Côn Sơn cho Công ty TNHH Phú Mỹ 3 BOT Power (PM3 BOT)	Tối thiểu hàng năm là 0,85 tỷ m <sup>3</sup>	Đến năm 2023
Bán khí Nam Côn Sơn cho Công ty TNHH Năng lượng Mekong (PM 2.2 BOT)	Tối thiểu hàng năm là 0,85 tỷ m <sup>3</sup>	Đến năm 2023
Bán khí Nam Côn Sơn cho Tổng Công ty Điện Lực Dầu Khí Việt Nam	Tối thiểu hàng năm là 0,447 tỷ m <sup>3</sup>	Trong giai đoạn bình ổn theo Hợp đồng
Bán khí Nam Côn Sơn cho Công ty Cổ Phần Điện Lực Dầu Khí Nhơn Trạch 2	Tối thiểu hàng năm là 0,785 tỷ m <sup>3</sup>	Đến 30 tháng 6 năm 2036

44. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Tổng Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 22 và số 29 (trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Tổng Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Tổng Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2014	31/12/2013
Các khoản vay	7.574.848.199.434	7.456.909.111.987
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	24.080.005.607.944	18.292.997.853.785
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	35.981.404.928.993	33.358.036.009.393
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	-	-

Đơn vị: VND

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi số 31/12/2014	Giá trị ghi số 31/12/2013
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	24.080.005.607.944	18.292.997.853.785
Đầu tư ngắn hạn	1.683.875.000.000	818.400.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	4.387.011.634.164	5.595.557.740.915
Đầu tư dài hạn	10.000.000.000	366.600.283.780
Tài sản tài chính khác	85.406.136.755	478.022.686.815
<b>Tổng cộng</b>	<b>30.246.298.378.863</b>	<b>25.551.578.565.295</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	7.574.848.199.434	7.456.909.111.987
Phải trả người bán và phải trả khác	4.626.860.894.083	4.490.054.443.522
Chi phí phải trả	1.510.725.063.882	1.564.990.395.523
<b>Tổng cộng</b>	<b>13.712.434.157.399</b>	<b>13.511.953.951.032</b>

Đơn vị: VND

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.



44. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Tổng Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Tổng Công ty.

Rủi ro tài chính của Tổng Công ty bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Tổng Giám đốc đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa các rủi ro này có thể cao hơn rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về tỷ giá, lãi suất và giá của các công cụ tài chính này trong tương lai.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

Đơn vị: VND

	Tài sản		Công nợ	
	31/12/2014	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2013
Đô la Mỹ (USD)	695.266.703.611	1.892.021.464.520	4.942.458.703.098	6.222.515.685.332
Euro (EUR)	38.090.506	508.225.001	101.021.458	706.948.286

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Tổng Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Tổng Công ty trong trường hợp tỷ giá đồng Đô la Mỹ tăng/giảm 5% so với Đồng Việt Nam. Tỷ lệ thay đổi 5% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 5% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá đồng Đô la Mỹ so với Đồng Việt Nam tăng/(giảm) 5% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Tổng Công ty sẽ (giảm)/tăng một khoản như sau:

Đơn vị: VND

	2014	2013
Đô la Mỹ	(212.359.526.213)	(216.524.711.041)

44. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính (Tiếp theo)

Rủi ro thị trường (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro lãi suất

Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Tổng Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Tổng Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện trong bảng sau đây. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty sẽ ảnh hưởng như sau:

	Tăng/(Giảm) số điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế VND
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014		
VND	+200	150.656.963.989
VND	-200	(150.656.963.989)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013		
VND	+200	162.309.317.995
VND	-200	(162.309.317.995)

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Tổng Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và đầu tư vào các đơn vị khác. Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác cũng như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tổng Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

Đối với các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn, Tổng Công ty đã đánh giá giá trị suy giảm tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất và thực hiện trích lập dự phòng giảm giá đầu tư cổ phiếu đối với các khoản đầu tư bị suy giảm giá trị để giảm thiểu rủi ro bao gồm: Khoản đầu tư cổ phiếu tại Ngân hàng TMCP Đông Nam Á và Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Dầu khí Cửu Long.

Đối với các khoản đầu tư dài hạn, Tổng Công ty đã đánh giá giá trị suy giảm tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất và thực hiện trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn để giảm thiểu rủi ro bao gồm: Khoản đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần Năng lượng Vinabenny và Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Tài sản Việt Nam.

44. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính (Tiếp theo)

Rủi ro thị trường (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Tổng Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Tổng Công ty có một số khoản công nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 với số tiền là 97.014.584.555 đồng.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2014	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
	VND	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	24.080.005.607.944	-	24.080.005.607.944
Đầu tư ngắn hạn	1.683.875.000.000	-	1.683.875.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	4.387.011.634.164	-	4.387.011.634.164
Đầu tư dài hạn	-	10.000.000.000	10.000.000.000
Tài sản tài chính khác	85.406.136.755	-	85.406.136.755
	<b>30.236.298.378.863</b>	<b>10.000.000.000</b>	<b>30.246.298.378.863</b>
<b>31/12/2014</b>			
<b>Dưới 1 năm</b>			
<b>Trên 1 năm</b>			
<b>Tổng</b>			
<b>Công nợ tài chính</b>			
Các khoản vay	2.443.227.901.530	5.131.620.297.904	7.574.848.199.434
Phải trả người bán và phải trả khác	4.516.902.902.284	109.957.991.799	4.626.860.894.083
Chi phí phải trả	1.510.725.063.882	-	1.510.725.063.882
	<b>8.470.855.867.696</b>	<b>5.241.578.289.703</b>	<b>13.712.434.157.399</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>21.765.442.511.167</b>	<b>(5.231.578.289.703)</b>	<b>16.533.864.221.464</b>

44. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

31/12/2013	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
	VND	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	18.292.997.853.785	-	18.292.997.853.785
Đầu tư ngắn hạn	818.400.000.000	-	818.400.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	5.595.557.740.915	-	5.595.557.740.915
Đầu tư dài hạn	-	366.600.283.780	366.600.283.780
Tài sản tài chính khác	478.022.686.815	-	478.022.686.815
	<b>25.184.978.281.515</b>	<b>366.600.283.780</b>	<b>25.551.578.565.295</b>
<b>31/12/2013</b>			
<b>Dưới 1 năm</b>			
<b>Trên 1 năm</b>			
<b>Tổng</b>			
<b>Công nợ tài chính</b>			
Các khoản vay	2.852.512.594.119	4.604.396.517.868	7.456.909.111.987
Phải trả người bán và phải trả khác	4.360.249.125.569	129.805.317.953	4.490.054.443.522
Chi phí phải trả	1.564.990.395.523	-	1.564.990.395.523
	<b>8.777.752.115.211</b>	<b>4.734.201.835.821</b>	<b>13.511.953.951.032</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>16.407.226.166.304</b>	<b>(4.367.601.552.041)</b>	<b>12.039.624.614.263</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

45. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Bên liên quan của Tổng Công ty là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (công ty mẹ của Tổng Công ty) và các công ty con, các đơn vị thành viên và các đơn vị liên kết của Tập đoàn.

Trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	2014	2013
<b>Bán hàng</b>		
Tổng Công ty Thăm dò và Khai thác Dầu khí	303.469.755.097	558.419.569.095
Tổng Công ty Phân bón và Hoá chất Dầu khí - CTCP	3.002.357.008.163	2.787.129.395.448
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	825.302.023.075	460.771.141.390
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	519.533.699.691	152.232.843.631
Tổng Công ty Điện Lực Dầu khí Việt Nam	6.229.863.044.328	6.081.162.877.766
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	1.209.270.177.304	1.008.939.315.885
Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí	103.356.602.805	81.873.337.990
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	2.903.916.734.072	3.335.312.637.970
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gas Đô thị	762.333.854.048	694.768.792.342
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	8.166.610.427	180.646.390.774
Liên doanh Việt Nga VietsovPetro	280.941.110.266	43.367.915.400

Đơn vị: VND

45. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan (Tiếp theo):

	Đơn vị: VND	
	2014	2013
<b>Mua hàng</b>		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	13.007.514.865.988	12.520.348.246.227
Tổng Công ty Thăm dò và Khai thác Dầu khí	1.093.485.490.442	2.686.190.412.184
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí	37.312.996.325	403.414.780.934
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	4.422.229.586.043	4.942.040.894.648
Xí nghiệp Liên doanh Dầu khí VietsovPetro	658.152.243.696	826.622.399.733
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	3.589.967.761	65.665.409.083
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	735.388.274.739	383.440.077.730
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - CTCP	74.480.082.955	162.039.975.126
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	555.317.522.642	-

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

	Đơn vị: VND	
	31/12/2014	31/12/2013
<b>Các khoản phải thu</b>		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	308.460.902.893	302.402.933.494
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP	200.690.469.994	281.531.190.794
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	233.458.019.351	162.039.975.126
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - CTCP	80.028.971.769	61.596.610.765
Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí	48.796.489.971	44.957.405.058
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	99.135.901.788	5.681.626.281
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gas Đô thị	111.773.115.576	138.578.958.296
<b>Phải thu khác</b>		
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	57.177.865.931	57.177.865.931
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	50.000.000.000	50.000.000.000
Liên doanh Việt Nga VietsovPetro	20.049.889.507	-
<b>Các khoản phải trả người bán</b>		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	21.120.828.099	6.131.365.191
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí	32.263.862.201	66.419.965.794
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	506.428.395.404	677.720.709.774
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - CTCP	13.600.486	29.053.590.773
Liên doanh Việt - Nga VietsovPetro	68.643.048.927	317.546.678.975
<b>Phải trả nội bộ</b>		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	77.135.056.337	342.625.838.563

45. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau (Tiếp theo):

	Đơn vị: VND	
	31/12/2014	31/12/2013
<b>Chi phí phải trả</b>		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	876.225.202.963	981.867.578.026
<b>Phải trả khác</b>		
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - Công ty cổ phần	179.161.728.584	173.639.500.854
Liên doanh Việt - Nga VietsovPetro	5.503.921.395	65.025.992.405
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	2.299.104.620.000	-
<b>Trả trước người bán</b>		
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - Công ty cổ phần	15.147.743.206	7.475.635.514
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	249.136.054.659	173.645.399.729
Liên doanh Việt - Nga VietsovPetro	170.323.225.785	-
<b>Các khoản tiền gửi có kỳ hạn</b>		
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	1.825.385.019.932	340.688.428.080
Ngân hàng TMCP Đại Dương	490.387.130.057	994.043.682.854
<b>Các khoản vay</b>		
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	612.150.336.291	686.956.739.845
Ngân hàng TMCP Đại Dương	32.242.010.846	-

46. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Theo Nghị quyết số 01/NQ-KVN ngày 08 tháng 01 năm 2015, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty đã thông qua chủ trương và phương án mua lại cổ phiếu quỹ trong quý 1 năm 2015 với khối lượng mua 10.000.000 cổ phiếu, giá mua tối đa 100.000 đồng/cổ phiếu, kinh phí mua được lấy từ nguồn vốn chủ sở hữu hoặc quỹ khen thưởng, phúc lợi.

47. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán.

**Đặng Thị Hồng Yến**  
Người lập biểu

Ngày 18 tháng 3 năm 2015

**Mai Hữu Ngạn**  
Kế toán trưởng



**Đỗ Khang Ninh**  
Tổng Giám đốc



Hướng về quan điểm Phát triển bền vững, cùng chung tay giảm thiểu những tác động đến môi trường, góp phần xây dựng một cộng đồng xã hội Xanh - Sạch - Đẹp, Báo cáo thường niên 2014 của PV GAS sử dụng loại giấy thân thiện với môi trường. Đồng thời để giảm thiểu việc in ấn, phát hành nhằm góp phần bảo vệ môi trường, Báo cáo thường niên của PV GAS còn được thể hiện bằng phiên bản điện tử và được công bố tại địa chỉ

[www.pvgas.com.vn](http://www.pvgas.com.vn)

Chúng tôi hy vọng sẽ nhận được những ý kiến đóng góp chân thành từ Quý cổ đông và bạn đọc để nội dung báo cáo được hoàn thiện hơn trong những phiên bản phát hành lần sau.



[www.pvgas.com.vn](http://www.pvgas.com.vn)



**TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CTCP**  
Tòa nhà PV GAS Tower, 673 Nguyễn Hữu Thọ,  
xã Phước Kiến, huyện Nhà Bè, Tp. Hồ Chí Minh

Tel : (84.8) 3 7816 777  
Fax : (84.8) 3 7815 666